

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục & Đào tạo**

**Hà Nội, tháng 7 năm 2023**

## MỤC LỤC

<u>BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT</u> .....	5
<u>DANH MỤC CÁC BẢNG</u> .....	6
<u>DANH MỤC CÁC HÌNH</u> .....	7
<u>PHẦN I. KHÁI QUÁT</u> .....	8
1.1. Đặt vấn đề.....	8
1.2. Tổng quan chung về trường Đại học GTVT.....	12
1.2.2. Các thành tích đã đạt được.....	13
1.2.3. Cơ cấu tổ chức.....	14
<u>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ</u> .....	19
<u>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CDR của chương trình đào</u> .....	19
<u>Tiêu chí 1.1.</u> .....	19
<u>Tiêu chí 1.2.</u> .....	23
<u>Tiêu chí 1.3.</u> .....	25
<u>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT</u> .....	29
<u>Tiêu chí 2.1.</u> .....	29
<u>Tiêu chí 2.2.</u> .....	34
<u>Tiêu chí 2.3</u> .....	37
<u>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung CTDH</u> .....	39
<u>Tiêu chí 3.1.</u> .....	40
<u>Tiêu chí 3.2.</u> .....	44
<u>Tiêu chí 3.3.</u> .....	47
<u>Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học</u> .....	52
<u>Tiêu chí 4.1.</u> .....	52
<u>Tiêu chí 4.2.</u> .....	55
<u>Tiêu chí 4.3.</u> .....	58
<u>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học</u> .....	62
<u>Tiêu chí 5.1.</u> .....	63
<u>Tiêu chí 5.2.</u> .....	69
<u>Tiêu chí 5.3.</u> .....	72
<u>Tiêu chí 5.4.</u> .....	75
<u>Tiêu chí 5.5.</u> .....	77
<u>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên</u> .....	80
<u>Tiêu chí 6.1.</u> .....	81

<u>Tiêu chí 6.2.</u> .....	85
<u>Tiêu chí 6.3.</u> .....	88
<u>Tiêu chí 6.4.</u> .....	91
<u>Tiêu chí 6.5.</u> .....	94
<u>Tiêu chí 6.6.</u> .....	96
<u>Tiêu chí 6.7.</u> .....	98
<u>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</u> .....	102
<u>Tiêu chí 7.1.</u> .....	102
<u>Tiêu chí 7.2.</u> .....	105
<u>Tiêu chí 7.3.</u> .....	107
<u>Tiêu chí 7.4.</u> .....	107
<u>Tiêu chí 7.5.</u> .....	108
<u>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học</u> .....	111
<u>Tiêu chí 8.1.</u> .....	112
<u>Tiêu chí 8.2.</u> .....	116
<u>Tiêu chí 8.3.</u> .....	121
<u>Tiêu chí 8.4.</u> .....	126
<u>Tiêu chí 8.5.</u> .....	136
<u>Tiêu chuẩn 9. CSVC và trang thiết bị</u> .....	142
<u>Tiêu chí 9.1.</u> .....	142
<u>Tiêu chí 9.2.</u> .....	144
<u>Tiêu chí 9.3.</u> .....	147
<u>Tiêu chí 9.4.</u> .....	149
<u>Tiêu chí 9.5.</u> .....	152
<u>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</u> .....	156
<u>Tiêu chí 10.1.</u> .....	157
<u>Tiêu chí 10.2.</u> .....	161
<u>Tiêu chí 10.3.</u> .....	165
<u>Tiêu chí 10.4.</u> .....	169
<u>Tiêu chí 10.5.</u> .....	172
<u>Tiêu chí 10.6.</u> .....	174
<u>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</u> .....	178
<u>Tiêu chí 11.1.</u> .....	178
<u>Tiêu chí 11.2.</u> .....	181
<u>Tiêu chí 11.3.</u> .....	184

<u>Tiêu chí 11.4.</u> .....	186
<u>Tiêu chí 11.5.</u> .....	190
<u>PHẦN III. KẾT LUẬN.</u> .....	193
<u>PHẦN IV. PHỤ LỤC</u> .....	209

## BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

CDR	Chuẩn đầu ra
CGGN	Chuyên giao công nghệ
CLB	Câu lạc bộ
CNL	Chủ nhiệm lớp
CNTT	Công nghệ thông tin
CQ	Chính quy
CS	Chính sách
CS1, CS2	Cơ sở 1, cơ sở 2
CSV	Cơ sở vật chất
CTCT&SV	Công tác chính trị và Sinh viên
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDH	Chương trình dạy học
ĐH GTVT	Đại học Giao thông Vận tải
GS	Giáo sư
GTVT	Giao thông Vận tải
GV	Giảng viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KCQ	Không chính quy
KHCN	Khoa học công nghệ
KTX	Ký túc xá
KTĐ	Kỹ thuật điện
LĐSX	Lao động sản xuất
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NSNN	Ngân sách nhà nước
PGS	Phó giáo sư
QLTC	Quản lý tài chính
SV	Sinh viên
TC	Tài chính
ThS	Thạc sỹ
TLTK	Tài liệu tham khảo
TS	Tiến sĩ

## DANH MỤC CÁC BẢNG

## DANH MỤC CÁC HÌNH

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của một Trường Đại học, chất lượng của một chuyên ngành đào tạo. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học (GDĐH) nói riêng trong bối cảnh của xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, việc nâng cao chất lượng CTĐT càng trở nên bức thiết. Việc đảm bảo chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã được Nhà trường, Khoa Điện - Điện tử Bộ môn Kỹ thuật Điện thường xuyên quan tâm kể từ khi ngành/chuyên ngành đào tạo được mở và tuyển sinh từ năm 2020, nhiều giải pháp đã và đang được đưa ra nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Để đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT của ngành Kỹ thuật điện, hiệu quả của các giải pháp đã được áp dụng và triển khai trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, Nhà trường và Khoa Điện - Điện tử đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Giá trị TĐG CTĐT đã được thực hiện theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và ngày 28/06/2016, công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng CTĐT, Nhà trường và Khoa Điện - Điện tử đã chọn đội ngũ cán bộ cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động tự đánh giá. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp Trường về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng trong GDĐH, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này. Hội đồng tự đánh giá ngành Kỹ thuật điện.... gồm ..... thành viên, Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm ..... thành viên đã được Nhà trường thành lập phục vụ cho công tác TĐG. Hội đồng TĐG và Ban thư kí gồm các cán bộ chủ chốt, có kinh nghiệm quản lý, am hiểu về GDĐH và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng từ Khoa, Bộ môn, các phòng ban chức năng của Nhà trường và đại diện người học.

Tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện. giúp Nhà trường, Khoa/ Bộ môn tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về CTĐT ngành Kỹ thuật điện. một cách chân thực, toàn diện về mọi mặt hoạt động làm cơ sở để xây



dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. Tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện.. là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Bộ công cụ 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT) được sử dụng trong việc triển khai thực hiện TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật điện. Dựa trên các tiêu chí đã được Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng TĐG đã triển khai các kế hoạch công việc cụ thể tiến hành TĐG, làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện... có sự phối hợp, tham gia tích cực của CB-GV-CNV và người học của Nhà trường và các bên liên quan ở ngoài trường.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thành lập theo Quyết định số 7231/QĐ-DHGTVT của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải gồm Ban Giám hiệu (BGH), giảng viên Khoa Điện - Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật Điện, LD các phòng ban chức năng trong trường và sinh viên ngành Kỹ thuật điện. Phòng KT&ĐBCLĐT là đơn vị thường trực về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường có nhiệm vụ tổ chức tập huấn, hướng dẫn, lên kế hoạch thực hiện; các nhóm công tác phối hợp với các đơn vị trong trường để hoàn thiện báo cáo TĐG và kèm hồ sơ minh chứng. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, giảng viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng...) cũng được thu thập và sử dụng, cung cấp dữ liệu cho việc thực hiện TĐG.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện có cấu trúc gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát
- Phần II. Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí
- Phần III. Kết luận
- Phần IV. Phụ lục

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện dựa theo bộ

tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành với 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành Kỹ thuật điện trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí được đánh giá với hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm được mã hóa theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, công thức mã hóa minh chứng được sử dụng là: **Hn.ab.cd.ef**; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

*Ví dụ: MC.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;  
H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.*

### **1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá**

#### **Mục đích tự đánh giá:**

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành Kỹ thuật điện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016), đưa ra báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác phục vụ cho công tác đào tạo NCKH và chuyển giao công nghệ; Đánh giá các

điểm mạnh, điểm yếu của ngành Kỹ thuật điện trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để đạt được tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH, xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành Kỹ thuật điện theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật điện...

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

**Phạm vi tự đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá CTĐT được thực hiện tại Khoa Điện – Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện của Nhà trường, trong chu kỳ từ năm 2017 đến năm 2022.

**Quy trình tự đánh giá:** Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lí, phân tích các thông tin, minh chứng thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện từ tháng 12/2022, được thực hiện theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11 bám sát *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH của Bộ GD&ĐT* (ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016). Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí với các nội dung chính: 1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá. Các nhóm công tác thực hiện TĐG ngành Kỹ thuật điện được phân công kèm theo quyết định 7231/QĐ-DHGTVT với các tiêu chuẩn phụ trách khác nhau.

Kế hoạch thực hiện và phân công công việc được thực hiện rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng...* Các cán bộ thực hiện và hoàn thành công việc dưới sự phân công của nhóm trưởng. Trong quá trình thực hiện, nội dung và tiến độ công việc được báo cáo thường xuyên với Ban lãnh đạo, Hội đồng TĐG để nắm bắt tình hình và chỉ đạo công việc. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất, tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong nhóm công tác. Với sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đơn vị của Nhà trường và tất cả các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

### ***Phương pháp và công cụ tự đánh giá:***

Dựa trên thông tin, minh chứng thu thập được từ các bên liên quan trong và ngoài trường, bản tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thực hiện theo phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh, đối chiếu theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng ban, Khoa /Bộ môn, và các bên liên quan; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

## **1.2. Tổng quan chung về trường Đại học GTVT**

### ***1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải***

Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) có tiền thân là trường Cao đẳng Công chính Việt Nam được khai giảng lại dưới chính quyền Cách mạng vào ngày 15 tháng 11 năm 1945 theo Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường là một trong những trường có truyền thống trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

Ngày 24/3/1962, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã có nghị định 42/CP về việc thành lập trường ĐH GTVT nhằm đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 27/4/1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã có quyết định về việc thành lập cơ sở 2 của Trường tại Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học về giao thông vận tải của các tỉnh phía Nam. Ngày 15/7/2016, thành lập Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2419/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên nền Cơ sở II.

#### **+ Sứ mạng**

Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

#### **+ Tầm nhìn đến năm 2030**

Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

#### **+ Giá trị cốt lõi**

##### **Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng**

**Tiên phong:** Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội,

**Chất lượng:** Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín,

**Trách nhiệm:** Đối với cán bộ, GV, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế,

**Thích ứng:** Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

#### **+ Triết lý giáo dục**

Trường Đại học GTVT hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện cả về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiên bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích

ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo. Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng

### **1.2.2. Các thành tích đã đạt được**

Nhà trường là một trong những đơn vị đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của trường ĐH GTVT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và nhà nước đã trao tặng Nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như:

\* Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (2011)

\* Danh hiệu Anh hùng Lao động (2007)

\* Huân chương Hồ Chí Minh (2005)

\* 03 Huân chương Độc lập Hạng Nhất (2000, 2015 và 2020)

\* Huân chương Độc lập Hạng Nhì (1995)

\* Huân chương Độc lập Hạng Ba (1986)

\* 02 Huân chương Lao động Hạng Nhất (1982 và 1990)

\* 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì (1977 và 2004)

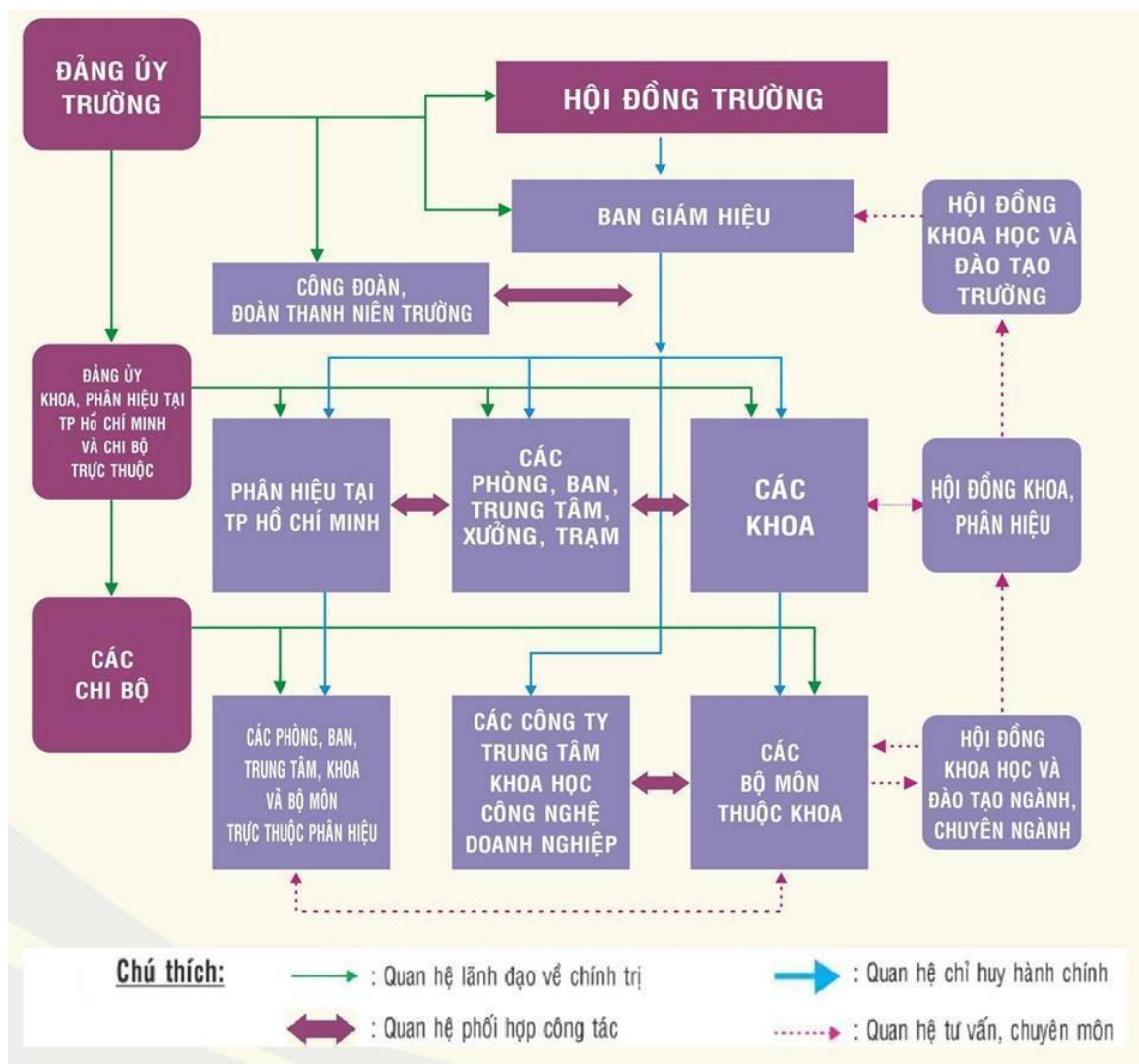
\* 02 Huân chương Lao động Hạng Ba (1966 và 1999)

\* Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì (1973)

### **1.2.3. Cơ cấu tổ chức**

Căn cứ vào Luật giáo dục 2005 và Điều lệ trường đại học Việt Nam, trường ĐH GTVT là trường đại học công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT nước CHXHCN Việt Nam. Trường có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, nghiên cứu khoa học về các ngành kỹ thuật, công nghệ cũng như kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong ngành giao thông vận tải và các lĩnh vực có liên quan.

Bộ máy tổ chức của trường ĐH GTVT hiện nay bao gồm Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, như sơ đồ dưới đây:



**Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT**

Trường ĐH GTVT có các đơn vị, bao gồm:

- 12 khoa: Khoa Công trình, Khoa Cơ khí, Khoa Vận tải - Kinh tế, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Giáo dục quốc phòng, Khoa Môi trường & An toàn giao thông, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Đào tạo quốc tế, Khoa Quản lý xây dựng.

- 23 đơn vị chức năng: Phòng Hành chính tổng hợp, phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), phòng Đào tạo đại học (ĐTĐH), phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐB CLĐT), phòng Khoa học công nghệ (KHCN), phòng Công tác chính trị và sinh viên (CTCT&SV), phòng tài chính kế toán (TCKT), phòng Thiết bị quản trị, phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu phát triển, phòng Bảo vệ, phòng Thanh tra - pháp chế (TT-PC), ban Quản lý Ký túc xá (QL KTX), ban Quản lý giảng đường, xưởng in, trạm Y tế, trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT (ĐTTH & CGCN GTVT), trung

tâm Khoa học công nghệ (KHCV) GTVT, trung tâm Thông tin thư viện (TTTTV), trung tâm Dịch vụ, trung tâm Đào tạo trực tuyến UTC, Phòng Phát triển dự án.

- Tại phân hiệu TP.HCM có 14 phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc: phòng Tổ chức hành chính, phòng KHCV & Đối ngoại, phòng Đào tạo đại học, phòng CTCT & SV, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Thiết bị quản trị, phòng Khảo thí và ĐBCL, trung tâm ĐTTH & CGCN GTVT, trung tâm Thông tin thư viện, Ban Quản lý Ký túc xá, ban Thanh tra, Khoa Công trình, Khoa Vận tải – Kinh tế, Khoa Khoa học cơ bản.

### **1.3. Giới thiệu về Khoa Điện - Điện tử**

Khoa Điện - Điện tử của Trường Đại học Giao thông Vận tải được thành lập năm 1998, tiền thân là Khoa Cơ khí và Khoa Cơ khí - Điện. Sau khi được thành lập, Khoa Điện - Điện tử đã có những bước trưởng thành vượt bậc về đội ngũ cán bộ giáo viên, quy mô đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Sau quá trình phát triển, hiện nay Khoa Điện điện tử có 06 bộ môn: Kỹ thuật điện, Điều khiển học, Kỹ thuật điện tử, Điều khiển và tự động hóa giao thông, Kỹ thuật viễn thông, Kỹ thuật thông tin. Về đội ngũ gồm 63 Giảng viên (gồm: 01 Giáo sư 07 Phó giáo sư, 27 Tiến sĩ, 27 Thạc sĩ, 01 KS). Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ là 63.63% (cập nhật theo báo cáo tổng kết 2022)

Khoa đảm nhận đào tạo 05 ngành bậc đại học (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Điện và Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Giao thông thông minh, Robot và trí tuệ nhân tạo), 03 ngành đào tạo bậc Thạc sĩ (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật điện tử và Kỹ thuật viễn thông) và 02 ngành đào tạo bậc Tiến sĩ (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật viễn thông).

Các sinh viên tốt nghiệp của Khoa làm việc tại các doanh nghiệp về lĩnh vực điện - điện tử như các công ty chế tạo thiết bị điện, các nhà máy sản xuất công nghiệp như xi măng, giấy, công ty Viễn thông, các doanh nghiệp nước ngoài Samsung, Canon, Yamaha, các viện nghiên cứu, các trường đại học.

Ngoài ra kỹ sư tốt nghiệp có thể tiếp tục học ở các trình độ học vấn cao hơn ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

#### **Mục tiêu.**

- Xây dựng Điện -Điện tử Khoa thành một đơn vị hàng đầu trong Nhà trường về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.



Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh có khả năng giải quyết được các vấn đề trọng yếu của Công nghiệp và Giao thông vận tải tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, mang dấu ấn của Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT).

- Chủ động, tích cực thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, các tổ chức Quốc tế, các đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Đảm bảo chất lượng đào tạo, sinh viên ra trường có chỗ đứng vững chắc trong thị trường lao động chất lượng cao.

### **Tầm nhìn.**

Nghiên cứu khoa học của Khoa dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực điều khiển và cung cấp điện cho ngành giao thông vận tải.

### **1.4. Giới thiệu về Bộ môn Kỹ thuật điện**

Năm 1967, Bộ môn Điện được thành lập trên cơ sở tách ra từ bộ môn Lý - Điện với nhiệm vụ là giảng dạy lĩnh vực kỹ thuật điện cho các chuyên ngành không điện và chuẩn bị chương trình đào tạo các chuyên ngành điện. Năm 1970 Bộ môn tách thành 3 Bộ môn Kỹ thuật điện, Điện giao thông thành phố (đã gộp chung với Bộ môn Kỹ thuật điện năm 1976) và Thông tin tín hiệu với tổng số 20 giảng viên.

Trong thời kỳ này, Bộ môn Kỹ thuật điện đã cùng với Bộ môn Điện khí hoá Giao thông thành phố đào tạo được 2 khoá sinh viên chuyên ngành: “Điện Giao thông thành phố” (Khoá 8 và khoá 10, tổng số khoảng 60 sinh viên). Tiếp tục từ khoá 40 (2020), Bộ môn Kỹ thuật điện được giao đào tạo ngành Trang bị điện - Điện tử trong CN và Giao thông vận tải. Sau đổi thành ngành Kỹ thuật điện và chuyên ngành Trang bị điện trong Công nghiệp và giao thông,

Đồng thời với giảng dạy chuyên ngành, Bộ môn đảm nhiệm giảng dạy cơ sở các môn Lý thuyết mạch cho sinh viên chuyên ngành Điện: và môn Kỹ thuật điện cho sinh viên không chuyên điện của một số khoa, viện và giảng dạy, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho nhiều học viên cao học khối ngành Điện – Điện tử.

Giảng viên Bộ môn tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH các cấp, hợp tác, hỗ trợ các đơn vị sản xuất trong lĩnh vực giao thông, công nghiệp

Với chức năng, nhiệm vụ, Bộ môn tổ chức lực lượng nhân sự phát triển theo các định hướng chuyên môn trong đào tạo và nghiên cứu, cụ thể được chia thành 05 định hướng chuyên môn dựa trên nền tảng 2 khối kiến thức cơ sở và cơ sở ngành

### **Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo**

- Tên chương trình đào tạo:	Kỹ thuật điện
- Chức danh tốt nghiệp:	Cử nhân/Kỹ sư
- Năm mở ngành:	Năm 2000
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	
- Thời gian đào tạo:	4/5 năm (8/10 học kỳ)
- Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
- Tên Khoa quản lý:	Khoa Điện -Điện tử
- Tên trường:	Trường ĐH GTVT

CTĐT được thường xuyên đánh giá và cập nhật, theo kế hoạch của Nhà trường, ở các năm 2017, 2018, 2020 theo hướng tiếp cận CDIO và 2021 theo mô hình 4+1.

Năm 2018, theo quy định của Bộ, ngành Kỹ thuật điện và Kỹ thuật điện tử được tách riêng thành hai mã ngành khác nhau. Do vậy, ngành Kỹ thuật điện được xây dựng thành một ngành độc lập và gồm hai chuyên ngành: Trang bị điện công nghiệp và GTVT và chuyên ngành Hệ thống điện giao thông và công nghiệp.

Năm 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng chương trình dạy học theo hướng tiếp cận CDIO, Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình, ma trận phân bổ kiến thức và đề cương môn học được rà soát và xây dựng đồng bộ

Năm 2021, Tiến hành xây dựng chương trình theo mô hình 4+1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo Khung trình độ Quốc gia. Trong đó, bậc cử nhân đào tạo với thời gian 4 năm và kỹ sư thời gian 5 năm.

### **Về báo cáo Tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện**

Bản báo cáo TĐG CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường để xin ý kiến rộng rãi toàn thể CB-GV-CNV, người học trong toàn trường. Ngoài ra, bản báo cáo TĐG này được gửi đến Cục QLCL - Bộ GD&ĐT và đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào

#### Mở đầu

Mục tiêu và CĐR là cơ sở đầu tiên và quan trọng để xây dựng CTĐT.

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xây dựng dựa trên cơ sở Khung trình độ quốc gia, phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, theo hướng tiếp cận người học, đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu và CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến. Mục tiêu và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của khoa học kỹ thuật trong nước và trên thế giới, có tham khảo các CTĐT tương tự trong và ngoài nước.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT được cung cấp đầy đủ đến người học thông qua các kênh thông tin như website của Trường, website của Khoa, sổ tay SV.... và trong quá trình giảng dạy các học phần của GV.

Tiêu chuẩn 1 được đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể sau đây:

**Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.**

#### *1. Mô tả*

Mục tiêu của CTĐT thể hiện quan điểm của CSĐT về ngành và bậc đào tạo. Do vậy, MTĐT cần được xác định rõ ràng trước khi xây dựng CTĐT. MTĐT phải phù hợp với định hướng của CSĐT, phù hợp với các quy định của Nhà nước về ngành đào tạo, bậc đào tạo. MTĐT phải đáp ứng được nhu cầu của xã hội cũng như có sự liên hệ với chương trình đào tạo các ngành tương tự của các CSĐT khác.

**Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xác định rõ ràng:**

Mục tiêu của CTĐT là cơ sở xây dựng CTĐT, được và ban hành theo Quyết định số 1847/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng Nhà trường **[H1.01.01.08]**.

Mục tiêu CTĐT ngành Kỹ thuật điện bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể; xác định rõ định hướng ứng dụng của chương trình;

Mục tiêu tổng quát đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng sáng tạo, đáp ứng khả năng làm việc trong lĩnh vực thiết kế, thi công, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện.

Mục tiêu cụ thể nêu rõ 4 mục tiêu cần đạt về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng xã hội và thái độ người học phù hợp với mục tiêu tổng quát **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**.

***Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật Giáo dục đại học*** (mục 1 điều 5 và khoản b thuộc mục 2 điều 5) và Nghị định 99/2019 NĐ-CP **[H1.01.01.01]** tương ứng với với bậc 6 trong Khung trình độ Quốc gia [ **H1.01.01.02**]], bao gồm kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết, kiến thức cơ bản, kỹ năng xã hội và nghề nghiệp, thái độ của người học.

***Mục tiêu của CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường;***

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã được đề cập trong CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường theo Luật Giáo dục Đại học và được hoàn thiện năm 2021 đáp ứng bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia **[H1.01.01.01]**, **[H1.01.01.02]**.

Phù hợp với các giá trị cốt lõi của Nhà trường "*Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng*", MTĐT ngành KTĐ hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Hướng tới áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo. Trong đó, người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng.

MTĐT được xây dựng và phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan thông qua website của Nhà trường,

**Mục tiêu của CTĐT được** phù hợp với mục 3.2 Chiến lược phát triển đào tạo của Nhà trường đã được thông qua trong “Chiến lược phát triển Trường Đại học GTVT giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2030”: Xây dựng các CTĐT theo ngành rộng, hội nhập quốc tế và lấy người học làm trung tâm **[H1.01.01.11]**.

*Mục tiêu của CTĐT đã đáp ứng được yêu cầu của xã hội, phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động;*

*Mục tiêu được cập nhật qua các đợt điều chỉnh chương trình*

Tại mỗi đợt điều chỉnh chương trình, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, hướng dẫn chi tiết, cụ thể, làm cơ sở để các nhóm chuyên môn thực hiện **[H1.01.01.03]**, **[H1.01.01.04]**, **[H1.01.01.05]**.

Trong CTĐT năm 2017, MTĐT bao gồm phần mục tiêu chung (giới thiệu kèm trong CDR) và mục tiêu chuyên biệt hướng tới vị trí việc làm khi tốt nghiệp. **[H1.01.01.07]**.

Trong CTĐT 2021, đã tuyên bố MTĐT và CDR theo hướng phù hợp với Khung trình độ Quốc gia **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**.

MTĐT có tham khảo các chương trình tương đương. Nhìn chung, định nghĩa MTĐT của các trường đều đề cập các tiêu chí và mức độ tương đương **[H1.01.01.06]**.

**Bảng 2.1.1: Đối sánh MTĐT giữa các chương trình đào tạo**

<b>Trường</b>	<b>Đối sánh MTĐT</b>
ĐH Tôn đức Thắng	Tương đồng. Chỉ bao gồm mục tiêu chung.
ĐH SPKT HCM	Tương đồng. Bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Gồm 4 nhóm mục tiêu theo CDIO
Đại học Nông nghiệp	Đã được đề cập trong CDR ngành. Các tiêu chí đồng nhất
Đại học SPKT Hưng yên	Đồng nhất với các tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng
Đại học điện lực,	Tương đồng với mục tiêu cụ thể
ĐH BK Hà nội	Tương đồng với các mục tiêu chi tiết

Mục tiêu đã được lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và giảng viên, chuyên gia. Mục tiêu đào tạo được công bố rộng rãi thông qua sổ tay sinh viên, trang web của Trường, Khoa, BM, trong các buổi gặp lấy ý kiến CSV, Hội thảo về chương trình đào tạo... **[H1.01.01.07]**, **[H1.01.01.08]**, **[H1.01.01.09]**.

Đã lấy ý kiến các bên liên quan thông qua phiếu khảo sát, Hội thảo về CTĐT và được sử dụng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Mục tiêu đào tạo. Trong quá trình

xây dựng và phát triển CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã tham khảo ý kiến SV **[H1.01.01.12]**, chuyên gia, GV **[H1.01.01.13]** và SV **[H1.01.01.14]**.

Đa số các ý kiến đều đồng tình với MTĐT hiện tại là đầy đủ, phù hợp. Các ý kiến bổ sung về kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ đã được tiếp thu và chỉnh sửa. Trên cơ sở đó, đã hoàn thiện và MTĐT **[H1.01.01.15]**.

#### 2. Điểm mạnh

- MTĐT ngành Kỹ thuật điện phù hợp với Luật GD ĐH, Khung trình độ quốc gia và sự tương đồng cao với CTĐT các ngành, tương đồng với của các CSĐT khác.

- MTĐT đã được phổ biến công khai đến các bên liên quan

#### 3. Điểm tồn tại

- Các mẫu lấy ý kiến phản hồi còn chung chung (đồng ý/không đồng ý). Chưa thể hiện được quan điểm của Nhà tuyển dụng và các bên liên quan

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại, khảo sát chi tiết hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan	Lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua phỏng vấn trực tiếp, Hội thảo	Khoa Điện - Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện	12/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện MTĐT phù hợp với các quy định, tham khảo các CSĐT trong và ngoài nước, ý kiến các bên liên quan	Khoa Điện - Điện tử, BM KTĐ	12/2024	
		Tiếp tục thông tin rộng rãi tới các bên liên quan thông qua Hội thảo, mạng...	BM KTĐ	9/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

### *1. Mô tả*

CDR định nghĩa các tiêu chí của CTĐT nhằm đạt được MTĐT. Do vậy, CDR cần phải được xác định rõ ràng, dựa trên các tiêu chí của MTĐT. CDR cần phải được định nghĩa rõ ràng trên cơ sở MTĐT, và có thể đánh giá được theo các thang đánh giá tương ứng.

Căn cứ vào mục tiêu của CTĐT và kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa Điện - Điện tử đã tiến hành xây dựng CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện trình độ đại học. CDR được xây dựng trên cơ sở tuân thủ theo hướng dẫn xây dựng và công bố CDR do Bộ GD&ĐT ban hành tháng 12 năm 2020 và các hướng dẫn chi tiết của Nhà trường **[H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.02.01]**; CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố chính thức trong QĐ ban hành CDR các CTĐT trình độ đại học với bố cục rõ ràng, đầy đủ các nội dung, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được **[H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]; [H1.01.01.07], [H1.01.01.09]**.

### **CDR được xác định rõ ràng**

Các CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã bám sát và phản ánh rõ mục tiêu của CTĐT, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn chung của Nhà trường, được xác định rõ ràng, cụ thể hóa với 3 nhóm CDR lớn (CDR về kiến thức, gồm 5 CDR từ CDR thứ 1 đến CDR thứ 5; CDR về Nhóm kỹ năng, thái độ cá nhân, nghề nghiệp, xã hội, gồm 5 CDR từ CDR thứ 6 đến CDR thứ 10; Kỹ năng xã hội: làm việc nhóm và giao tiếp gồm CDR từ 11 đến 13, Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo từ CDR thứ 14 đến CDR thứ 19). Có quy định mức độ đạt được đối với mỗi CDR làm cơ sở để xây dựng Ma trận cấp 3 **[H1.01.02.05], [H1.01.02.06]**.

**CDR bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

CDR đã thể hiện được các yêu cầu chung và các yêu cầu chuyên biệt, đồng thời được xem xét trong mối quan hệ với Khung trình độ quốc gia **[H1.01.01.02]** và Thang

trình độ năng lực theo hướng CDIO được đưa ra và được sử dụng bởi nhiều trường đại học trong nước và thế giới **[H1.01.02.01]**.

Các CDR của CTĐT phù hợp với định hướng đào tạo ngành rộng, như vậy người học sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện có thể đảm nhận nhiều vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực được đào tạo.

Căn cứ các tiêu chí trên, các CDR của CTĐT cũng được xây dựng rõ ràng dựa vào mối quan hệ với MTĐT thông qua bảng ma trận CDR **[H1.01.02.05]**, **[H1.01.02.06]**. Đã định nghĩa 19 CDR tương ứng với các nhóm kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, chuyên môn ngành, ngành, kỹ năng xã hội, chuyên môn và Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo. Để có thể đánh giá mức độ đạt được của người học, CDR đã quy định rõ mức độ bloom.

Về CDR đối với kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ được quy định thống nhất theo chuẩn của Khung trình độ quốc gia đối với bậc 6 quốc tế cho tất cả SV thuộc các CTĐT hệ đại học của Trường, theo đó SV cần phải thi đạt trình độ tiếng Anh B1 khung Châu Âu **[H1.01.02.07]**.

#### 2. Điểm mạnh

- CDR được thiết kế logic, phù hợp với MTĐT.

#### 3. Điểm tồn tại

- Chưa nhiều ý kiến góp ý sâu về CDR và CTĐT.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến CSV, nhà tuyển dụng về CDR, CTĐT. để hoàn thiện chương trình	Khoa Đ-ĐT, BM Kỹ thuật điện	9/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát MTĐT, CDR nhằm nâng cao chất lượng chương trình	Khoa Đ-ĐT	9/2024	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).





**Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai**

*1. Mô tả*

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh

2 năm một lần, Nhà trường có kế hoạch rà soát CĐR và CTĐT. CĐR đã được cập nhật vào các đợt rà soát 2016-2017, 2018 và 2020. Nhà trường đã ban hành kế hoạch và các thông báo hướng dẫn thực hiện. [H1.01.03.09], được sử dụng trong quá trình xây dựng chương trình và công bố đến người học và các bên liên quan. [H1.01.03.10]

Trong đợt điều chỉnh 2016-2017, CĐR ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử được định nghĩa theo 2 nhóm chính là các CĐR về kiến thức và CĐR về kỹ năng. Trong đó quy định chi tiết các mức độ về kiến thức, kỹ năng và đạo đức mà người học cần đạt được như kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành. Các kỹ năng cũng yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, Quy định người học phải có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

Chương trình đào tạo ban hành năm 2018 tách ngành Kỹ thuật điện tử ra khỏi ngành Kỹ thuật điện, CĐR vẫn được xây dựng thành 3 khối yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trong đó, khối kiến thức bao gồm các kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức khối ngành (chung với một số ngành trong Khoa) và khối kiến thức ngành KTD. CĐR cho các chuyên ngành xác định khả năng đáp ứng tại các vị trí công việc của người học sau tốt nghiệp...

Chương trình đào tạo cập nhật năm 2020 theo hướng CDIO, các định nghĩa CĐR đã có điều chỉnh theo 4 tiêu chí (Kiến thức lập luận ngành, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp - thái độ, Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm và kỹ năng hình thành ý tưởng).

Năm 2021, theo ND99 và hướng dẫn của Nhà trường, chương trình đào tạo và CĐR được xây dựng theo quy trình CDIO, có tính hệ thống và tính khoa học cao, phù hợp với MTĐT của Ngành.

**Nhằm đảm bảo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan**, Khoa Điện - Điện tử đã tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến từ doanh nghiệp và người học qua 2 giai đoạn: (1) khảo sát khi xây dựng CĐR; (2) khảo sát khi rà soát, cập nhật CĐR **[H1.01.03.01], [H1.01.03.02]**.

Khi xây dựng CĐR, các ý kiến nhìn chung đồng ý với cấu trúc CĐR, các chuyên gia giáo dục quan tâm đến mức độ bloom của từng chuẩn và đề xuất điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu thực tế. Ban soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa một số tiêu chí theo đóng góp.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, các CB quản lý, các hội đồng khoa học chuyên môn, các GV tham gia đóng góp ý kiến của qua các cuộc họp chuyên môn, hội thảo, đánh giá kiểm định các cấp từ cấp Bộ môn, cấp Khoa và cấp Trường góp ý về nội dung CĐR **[H1.01.01.15]**. Thêm vào đó, CĐR của CTĐT được xây dựng, điều chỉnh còn dựa trên việc tham khảo kết quả thống kê kết quả tốt nghiệp của SV trong 5 năm gần nhất **[H1.01.03.03]**.

**CĐR có tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Đại học có ngành tương tự **[H1.01.03.08]****

Trường	So sánh
ĐH Tôn đức Thắng	Tương đồng, định nghĩa phương pháp đánh giá ứng với mỗi tiêu chí
ĐH SPKT HCM	Tương đồng.
ĐHBK Hà nội	Tương đồng

Cuối cùng, CĐR của CTĐT được thẩm định, đánh giá và nghiệm thu bởi Hội đồng thẩm định và được ban hành áp dụng cho SV chuyên ngành Kỹ thuật điện từ khóa 62 **[H1.01.01.15]**.

Sau khi CĐR của CTĐT được ban hành, triển khai và áp dụng, theo kế hoạch chung của Nhà trường và căn cứ vào kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa Đ - ĐT thực hiện rà soát, chỉnh sửa cập nhật CĐR của CTĐT **[H1.01.01.12]**, **[H1.01.01.13]**, **[H1.01.03.02]**.

Căn cứ vào góp ý của các bên liên quan cũng như yêu cầu điều chỉnh CĐR đảm bảo nâng cao chất lượng cho CTĐT, Khoa Điện - Điện tử đã tiến hành điều chỉnh, cập nhật CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện qua các năm.

Sau quá trình xây dựng, rà soát và cập nhật, CĐR ngành Kỹ thuật điện đã được ban hành bằng văn bản bằng QĐ số: QĐ1795B.QĐ-ĐHGTVT ngày 07.10.2021 và được công khai trên các website của Trường, của Khoa để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận **[H1.01.03.01]**.

Ngoài ra CĐR của CTĐT ngành Kỹ thuật điện cũng được thông báo rộng rãi tới SV qua sổ tay SV **[H1.01.03.04]**, qua các các buổi gặp gỡ SV đầu khóa, tuần sinh hoạt công dân cho SV sau khi nhập học **[H1.01.03.05]**. Hơn nữa, với những CĐR chuyên biệt của

ngành, trong học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất, SV được học học phần Giới thiệu ngành trong đó cung cấp không chỉ thông tin về CĐR, CTĐT mà còn các thông tin về các CSVC phục vụ SV học tập, nghiên cứu, thực hành và định hướng phương pháp học tập, nghiên cứu cho SV cũng như triển vọng việc làm sau khi tốt nghiệp **[H1.01.03.06]**, **[H1.01.03.07]**.

*2. Điểm mạnh*

- CTĐT và CĐR thường xuyên được rà soát.
- CTĐT và CĐR được xây dựng khoa học, hướng tới MTĐT và hướng tới yêu cầu của các bên liên quan.

*3. Điểm tồn tại*

- Các ý kiến đóng góp còn chưa thực sự phong phú.

*4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi phương thức lấy ý kiến đóng góp thông qua các buổi phỏng vấn các bên liên quan	Khoa Điện - Điện tử, BM Kỹ thuật điện	9/2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện CĐR nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu trên cơ sở phù hợp MTĐT	Khoa Điện - Điện tử, BM Kỹ thuật điện	9/2024	

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).*

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1***

Mục tiêu của CTĐT ngành Kỹ thuật điện được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

MTĐT và CDR của ngành Kỹ thuật điện đã được công bố công khai trên website của Nhà trường, Khoa /Bộ môn, trong tài liệu quảng bá tuyển sinh, văn bản đến các Khoa, phòng ban để tất cả các bên liên quan được biết. Việc rà soát, điều chỉnh CDR nhằm nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm của Khoa /Bộ môn và Nhà trường.

CDR được rà soát, bổ sung điều chỉnh, dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành Kỹ thuật điện.... CDR của CTĐT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CDR đã chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, tuy nhiên việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan còn chưa thực sự đồng bộ và đầy đủ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đạt.

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho người học, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, với đầy đủ các thông tin theo quy định, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Các học phần trong CTĐT đảm bảo tính logic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu người học trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và cải tiến CTĐT.

### **Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.**

#### ***1. Mô tả***

Ngay từ khi nhập học người học được giới thiệu về bản mô tả CTĐT trên trang Web của Trường, Khoa, Bộ môn, sổ tay SV, tờ rơi nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ khóa học **[H2.02.01.01]**.

Trước năm 2018, ngành Kỹ thuật điện là một chuyên ngành trong ngành Kỹ thuật điện -điện tử. Từ năm 2018, theo qui định của thông tư 24/2017/TT-BGD-ĐT, chuyên ngành Kỹ thuật điện được tách ra độc lập thành ngành Kỹ thuật điện. Dù là chuyên ngành hay ngành độc lập, trong các giai đoạn phát triển, bản mô tả CTĐT KTĐ luôn được ban hành theo đúng qui định và đầy đủ thông tin. Định kỳ, CTĐT được đánh giá và cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường. Trong khoảng thời gian 5 năm qua, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được rà soát, bổ sung, cập nhật theo các giai đoạn 2017, 2018, 2021.

CTĐT theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ năm 2009. Bản mô tả CTĐT đại học chính qui ngành Kỹ thuật điện rà soát điều chỉnh năm 2017 có đầy đủ các nội dung theo qui định của thông tư 04/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT bao gồm: Tên ngành đào tạo, mã ngành, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra ( trong chuẩn đầu ra có chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn về phẩm chất đạo đức), vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường, các chương trình, tài liệu,

chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo; chương trình khung phân bổ khối lượng kiến thức phần giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên môn chuyên ngành với tổng 160TC. Đặc biệt, Nhà trường đã phê duyệt đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học chính quy (CQ) nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo, và vị trí việc làm phù hợp với ngành được đào tạo **[H2.02.01.02]**.

Năm 2018, căn cứ vào Hướng dẫn 609/HD-ĐHGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2017 tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, hệ đào tạo CQ của Trường ĐHGTVT. Ngành Kỹ thuật điện đào tạo hai chuyên ngành: Trang bị điện trong công nghiệp và giao thông; Hệ thống điện Giao thông và Công nghiệp với tổng 160 TC **[H2.02.01.03]**. Bản mô tả CTĐT năm 2018 với các thông tin chi tiết cụ thể hơn bản CTĐT năm 2016, 2017, bao gồm: Tên ngành đào tạo, mã ngành, Trình độ đào tạo, tên gọi văn bằng, thời gian đào tạo, cơ sở đào tạo, đơn vị phụ trách đào tạo, mục tiêu CTĐT, khung CTĐT, CDR, bản tóm tắt học phần, vị trí việc làm của người học sau khi ra trường, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường, các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo. Khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần cũng được thay đổi và bổ sung một số học phần nhằm phù hợp với định hướng phát triển ngành Kỹ thuật điện, cụ thể như sau **[H2.02.01.04]**:

- Bỏ 2 học phần/môn học khối ngành: Lập trình hướng đối tượng (3 TC), Cấu trúc máy tính và ghép nối (3 TC).

- Thay thế 6 TC khi bỏ 2 môn trên thành các môn: Khí cụ điện (2 TC), máy điện (3 TC) học trong kỳ 4; Đo lường công nghiệp (3 TC) học trong kỳ 7.

- Các học phần/môn học còn lại của khối ngành chung và riêng thuộc ngành Kỹ thuật điện không thay đổi.

- Bỏ học phần/môn học Lập trình cho thiết bị di động (3 TC) và Cơ sở truyền dữ liệu (2 TC).

- Ghép học phần/môn học Lý thuyết sức kéo điện và Điều khiển số CNC (2 TC), Điều khiển thủy khí và Điều khiển quá trình (3 TC), máy điện chuyên dụng và tin học ứng dụng làm các học phần/môn học tự chọn 1 trong 2 môn học trong kỳ 6.

- Bỏ các học phần/môn học thuộc lĩnh vực cung cấp điện: Lưới điện và hệ thống phân phối (2 TC), Bảo vệ an toàn hệ thống điện (3 TC), Thiết kế lưới tiếp điện (TC - 2 TC).

- Tăng học phần/môn học Tự động hóa quá trình sản xuất từ 2 TC thành 3 TC.

- Chuyển tên học phần/môn học Chẩn đoán và đánh giá độ tin cậy TBD chuyên thành Chẩn đoán và bảo dưỡng TBD.

- Bổ sung thêm các học phần/môn học: Đồ án chuyên ngành 1 (01 TC) học kỳ 7, Đồ án chuyên ngành 2 (01TC) học kỳ 8, Hệ thống điện thông minh (TC-2 TC) thay thế cho môn Thiết kế lưới tiếp điện (TC - 2 TC) học vào kỳ 8.

Tuy nhiên bản mô tả CTĐT năm 2018 cũng vẫn còn những hạn chế: trong CTĐT chưa có ma trận chuẩn cấp độ 3 để thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR.

Năm 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO và nghị định 99 **[H2.02.01.05]** với các hướng dẫn về xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO, thường xuyên cung cấp thông tin về các hoạt động phát triển năng lực xây dựng CTĐT cho đội ngũ GV và cán bộ quản lý đào tạo **[H2.02.01.06]**. Bản mô tả CTĐT năm 2020 cải tiến hơn nhiều so với phiên bản 2018: Hiệu chỉnh về mục tiêu đào tạo và CDR, vị trí việc làm, tiêu chí tuyển sinh, khả năng nâng cao trình độ khi ra trường, thể hiện một cách cụ thể, tập trung vào phương pháp tổ chức giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Ma trận tích hợp cấp 3 (kiến thức, kỹ năng, mức Bloom). Số tín chỉ tăng thêm 1 do quy định của nhà nước về học phần lý luận chính trị, do đó tổng tín chỉ cho khóa đào tạo là 161 TC. Trên cơ sở đó CTĐT đã được cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp CDR các học phần và các học phần trong CTĐT đã bổ sung thêm CDR, phương pháp đánh giá **[H2.02.01.07]**. Bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận phát triển năng lực, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan **[H2.02.01.08]**.

**Bảng 2.2.1. Cấu trúc CTĐT 2017**

KHỐI KIẾN THỨC			SỐ TC	%
<b>Bắt buộc (144 TC)</b>	1	Kiến thức giáo dục đại cương	50 (Tự chọn 4/12)	31.25
	2	Kiến thức cơ sở ngành	63 (tự chọn 8/19)	39.38
	3	Kiến thức chuyên ngành	47 (Tự chọn 4/10)	29.37
<b>Tự chọn (16 TC)</b>	4	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (ĐC+CS+CN)	16	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>160</b>	

**Bảng 2.2.2. Cấu trúc CTĐT 2018**



KHỐI KIẾN THỨC			SỐ TC	%
<b>Bắt buộc (140 TC)</b>	1	Kiến thức giáo dục đại cương	50 (Tự chọn 4/12)	31.2 5
	2	Kiến thức cơ sở ngành	63 (tự chọn 9/18)	39.3 8
	3	Kiến thức chuyên ngành	47 (Tự chọn 7/18)	29.3 7
<b>Tự chọn (20 TC)</b>	4	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (ĐC+CS+CN)	20	12.5
<b>Tổng cộng</b>			<b>160</b>	

**Bảng 2.2.3. Cấu trúc CTĐT 2020**

KHỐI KIẾN THỨC			SỐ TC	%
<b>Bắt buộc (144 TC)</b>	1	Kiến thức giáo dục đại cương	50 (Tự chọn 4/12)	31.6
	2	Kiến thức cơ sở ngành	63 (tự chọn 3/9)	39,1
	3	Kiến thức chuyên ngành	47 (Tự chọn 10/20)	29.2
<b>Tự chọn (17 TC)</b>	4	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (ĐC+CS+CN)	17	10,5
<b>Tổng cộng</b>			<b>161</b>	

Năm 2021, căn cứ vào Nghị định số 99/2019-NPCP, Quyết định số 1828/QĐ-ĐHGTVT ban hành CTĐT đại học trình độ Cử nhân của Trường ĐH GTVT. Trường ĐHGTVT đã hướng dẫn các Khoa rà soát, điều chỉnh CTĐT theo hướng tích hợp cử nhân, kỹ sư nhằm đa dạng loại hình đào tạo được áp dụng từ khóa 62- tuyển sinh năm 2021. Chương trình cử nhân gồm 140 TC, chương trình kỹ sư gồm 160 TC **[H2.02.01.09]**. Về cách thức xây dựng CTĐT giống như năm 2020 nhưng CĐR có sự phân khúc rõ ràng, được thể hiện trong chuẩn về kiến thức: với người học lựa chọn chương trình cử nhân, CĐR về kiến thức yêu cầu mức độ vận hành thiết bị (Bloom 4); nếu người học chọn chương trình 5 năm, CĐR về kiến thức đòi hỏi người học phải đạt mức thiết kế (Bloom 5) hay bậc 7 trong khung trình độ QG **[H2.02.01.10]**.

Mặc dù bản mô tả CTĐT đã được cập nhật khá thường xuyên và đáp ứng tốt việc cung cấp thông tin cho các bên liên quan khi tiếp cận CTĐT. Tuy nhiên, quá trình cập nhật vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do công tác thu thập ý kiến chưa được bài bản, rộng khắp. Mặt khác yếu tố Quốc tế hóa CTĐT còn yếu, thể hiện ở chỗ bản mô tả CTĐT chưa có phiên bản tiếng anh.

*1. Điểm mạnh:*

Bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ thông tin liên quan đến CTĐT và cập nhật theo lộ trình, sau 02 năm lại có sự rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm đào tạo người học đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng nhu cầu của Nhà tuyển dụng.

*2. Điểm tồn tại:*

Bên cạnh những điểm mạnh, CTĐT cũng không tránh khỏi những điểm tồn tại: công tác lấy ý kiến đóng góp chưa đủ đa dạng, phong phú; bản mô tả CTĐT chưa có phiên bản tiếng anh. xây dựng bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh để quảng bá được ngành nghề rộng rãi hơn.

*3. Kế hoạch hành động:*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh, lấy ý kiến đóng góp các bên liên quan.	Trường ĐH VTVT; Khoa Điện – điện tử; BM Kỹ thuật điện		
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật các nội dung liên quan trong bản mô tả CTĐT	Trường ĐH VTVT; Khoa Điện – điện tử; BM Kỹ thuật điện		

*5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).*

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

### *1. Mô tả*

Từ bản mô tả CTĐT các năm, các đề cương của từng môn học cũng được mô tả với các thông tin cần thiết để đảm nhiệm kết quả học tập mong đợi của học phần nhằm đáp ứng được CDR.

Từ năm 2018 trở về trước, đề cương chi tiết của các học phần gồm các nội dung sau **[H2.02.02.01]:**

- + Thông tin tổng quát: (Tên học phần, số tín chỉ, mã học phần, Ngành/Chuyên ngành đào tạo, Thuộc khối kiến thức, Yêu cầu đối với học phần)
- + Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng
- + Số tín chỉ
- + Học phần tiên quyết
- + Học phần trước
- + học phần song hành
- + Yêu cầu khác đối với học phần
- + Mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ, nhận thức)
- + Tóm tắt nội dung học phần
- + Nội dung chi tiết học phần
- + Thông tin GV
- + Học liệu
- + Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học
- + Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập học phần

Tuy nhiên, mô tả các môn học trong CTĐT năm 2020 có thay đổi, bao gồm các thông tin về tên môn học, số tín chỉ, mô tả ngắn gọn về nội dung, những kiến thức/kỹ năng sẽ đạt được của từng môn. Bản mô tả các môn học không những giúp SV có cái nhìn cụ thể về kiến thức và thời lượng của từng môn học, còn cung cấp logic môn học để SV biết được cần phải tích lũy những kiến thức cơ bản nào để phục vụ cho những kiến thức, yêu cầu cao hơn của những môn học sau. Đề cương của từng môn được GV cung cấp ngay từ buổi đầu vào lớp để SV theo dõi. Căn cứ theo kết hoạch rà soát hiệu chỉnh CTĐT của Nhà trường **[H.02.02.02]**, đề cương môn học 2020 đã được cập nhật so với đề cương môn học 2018 theo hướng tiếp cận CDIO: Bổ sung thêm các phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá học phần, Bổ sung CDR của môn học, Quy định của môn học. Quy cách đề cương năm 2020, 2021 bao gồm các thông tin sau **[H.02.02.03]:**

- + Thông tin tổng quát: Tên học phần; Số tín chỉ; Mã học phần; Kết cấu học phần (phân bổ lý thuyết, bài tập/thảo luận, thực hành, BTL); Ngành đào tạo; Bậc đào tạo; Đơn vị phụ trách; Loại học phần (bắt buộc/ tự chọn); Yêu cầu của học phần; Phân bổ giờ.
- + Mô tả học phần
- + Nguồn học liệu
- + Mục tiêu học phần (*các mục tiêu tổng quát của học phần, thể hiện sự liên quan với CDR của CTĐT được phân nhiệm cho MH,*)
- + CDR học phần
- + Đánh giá học phần
- + Khung kế hoạch giảng dạy
- + Quy định học phần
- + Phụ trách học phần

Trong quá trình xây dựng lại CTĐT tích hợp cử nhân - kỹ sư áp dụng từ khóa 62 – tuyển sinh năm 2021, ngành KTD đã thực hiện thu thập những ý kiến đóng góp từ GV, SV. Cựu SV, các chuyên gia cùng lĩnh vực đào tạo, các doanh nghiệp tuyển dụng và tổ chức các cuộc họp trực tiếp nghe góp ý để điều chỉnh, bổ sung CTĐT phù hợp với những điều kiện hiện có của Trường, Khoa, Ngành Kỹ thuật điện. Ghi nhận những đóng góp quý báu này để từng bước cải tiến CTĐT được tốt hơn **[H.02.02.04]**.

### *2. Điểm mạnh*

CTĐT ngành kỹ thuật điện có đầy đủ đề cương chi tiết các học phần. Các đề cương chi tiết được xây dựng theo đúng quy định, có đầy đủ các thông tin, đặc biệt trong ma trận cấp độ 3 đã thể hiện rất rõ mối liên hệ, liên kết giữa nội dung, mục tiêu và CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết được rà soát, cập nhật và bổ sung các nội dung định kỳ theo đúng quy định, trong quá trình thực hiện bổ sung và cập nhật có lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy cùng chuyên môn và các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung đề cương các học phần trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật còn hạn chế.

Mặc dù trong quá trình xây dựng, cập nhật CTĐT đã có tham khảo ý kiến các bên liên quan nhưng cần xây dựng lộ trình cho công tác này để đảm bảo số lượng cũng như chất lượng ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

#### 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện/ hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của tất cả đề cương các học phần trong CTĐT để phục vụ hoạt động rà soát, bổ sung, điều chỉnh	GV Bộ môn Kỹ thuật điện		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật nội dung đề cương học phần đáp ứng yêu cầu thực tế và theo đúng qui định	GV Bộ môn Kỹ thuật điện		

2.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

### **Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận**

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần sau khi điều chỉnh được công bố công khai trên <http://feee.utc.edu.vn> [H2.02.03.01] để phụ huynh, SV, đơn vị tuyển dụng quan tâm đều có thể tìm hiểu về chương trình một cách dễ dàng. Ngoài ra, CTĐT còn được phổ biến trong tuần sinh hoạt đầu khóa của tân SV [H2.02.03.02]. Những thông tin mới về CTĐT đều được cập nhật trong các tờ rơi phát cho SV năm thứ nhất thông qua các CVHT họp lớp đầu năm [H2.02.03.03].

Đề cương môn học được GV giảng dạy cung cấp cho SV khi bắt đầu môn học. Các bản mô tả CT và mô tả môn học được các CVHT thông báo và tư vấn cho SV trong quá trình đăng ký môn học, hoặc các vấn đề liên quan; các chuyên viên quản lý CTĐT cũng tích cực tham gia giải thích, tư vấn khi SV có yêu cầu [H2.02.03.04].

Bản mô tả CTĐT là cơ sở quan trọng để nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo. Các bộ môn dựa vào đó để phân công giảng dạy [H2.02.03.05], các GV cũng nắm được tổng thể CT để kiểm tra tính logic của môn học. Thanh tra dựa vào đó để có kế hoạch kiểm tra thường xuyên đảm bảo hoạt động dạy/học được thực hiện nghiêm túc [H2.02.03.06].

Nhà trường, Khoa chưa xây dựng nhiều kênh thu thập thông tin trong công tác khảo sát, thống kê các bên liên quan.

#### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

#### *3. Điểm tồn tại*

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện phổ biến rộng rãi và dễ dàng tiếp cận nhưng chưa khảo sát thống kê được số lượng các bên liên quan có thể tiếp cận.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông, và tuyển sinh, Bộ môn chủ động gửi đến các bên liên quan	Phòng khảo thí, Khoa, Bộ môn Kỹ thuật điện		
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng đối tượng lấy ý kiến đánh giá, số lượng chuyên gia, nhà khoa học, cựu SV, doanh nghiệp.	Phòng khảo thí, Khoa, Bộ môn Kỹ thuật điện		

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung CTDH**

#### ***Mở đầu***

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, CTDH ngành Kỹ thuật điện được thiết kế theo các quy định được ban hành bởi Bộ GD&ĐT, dựa trên mục tiêu và CDR của CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật điện và phù hợp với nhu cầu xã hội. CTDH ngành Kỹ thuật điện của Khoa Điện – Điện tử/Bộ môn Kỹ thuật điện được tham khảo CTDH của các Trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

CTDH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ; các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành và chuyên ngành; học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo; các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp; các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho CDR. CTDH được xây dựng theo tiếp cận CDIO tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic và về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau trong đó có đào tạo kỹ sư với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.



### **Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR**

#### *1. Mô tả*

CTDH của CTĐT theo hệ thống tín chỉ ngành Kỹ thuật điện được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Nhà trường, phù hợp với Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo **[H3.03.01.01]**, **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.03]**. Trong chu kỳ kiểm định, CTĐT ngành Kỹ thuật điện-Điện tử được ban hành năm 2017, được sửa đổi thành ngành KTĐ ban hành năm 2018, CTĐT ngành KTĐ

trình độ cử nhân được ban hành năm 2021, trình độ cử nhân – kỹ sư sẽ được ban hành năm 2023 sau khi được Hội đồng Khoa học-Đào tạo nghiệm thu **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**.

CDR ngành KTĐ về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm của người học được thiết kế theo thang đo Bloom. CTDH được thiết kế hợp lý nhằm đáp ứng với CDR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH. CTDH bao gồm mục tiêu đào tạo chung, mục tiêu đào tạo cụ thể, CDR ngành KTĐ trình độ cử nhân và kỹ sư, ma trận kỹ năng, CDR của mỗi học phần, nội dung các học phần CTĐT, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.07]**, **[H3.03.01.08]**, **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**, **[H3.03.01.11]**.

Từ năm 2009, CTĐT ngành Kỹ thuật điện-Điện tử đã được thiết kế và tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Từ đó đến nay, CTĐT đã nhiều lần được điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất cho thị trường lao động. Trong giai đoạn kiểm định, CTĐT ngành KTĐ được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2017, 2018, 2020 và 2021. Năm 2017, CTDH ngành KTĐ-ĐT được rà soát điều chỉnh, bổ sung CDR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức **[H3.03.01.12]**, **[H3.03.01.13]**. Vào năm 2018, CTDH ngành KTĐ-ĐT được rà soát, điều chỉnh phù hợp với thông tư 24/22017/TT-BGDĐT chuyển thành KTĐ với thời gian đào tạo 4,5 năm, tổng số tín chỉ 160. Đồng thời, CTĐT chuyên ngành HTĐ Giao thông và Công nghiệp được xây dựng, bổ sung vào ngành KTĐ chuyên ngành mới đào tạo NH trong lĩnh vực cung cấp điện đường sắt, dân dụng, công nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho xã hội **[H3.03.01.14]**, **[H3.03.01.15]**. Năm 2020, CTDH được cập nhật điều chỉnh theo tiếp cận CDIO về mục tiêu, CDR ngành KTĐ, CDR học phần, xây

dựng đề cương chi tiết theo ma trận tích hợp và phân nhiệm kỹ năng trong học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập người học **[H3.03.01.11]**. Năm 2021, CTDH ngành Kỹ thuật điện được xây dựng theo nghị định 99/2019/NĐ-CP **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**.

Từ khóa 62, CTDH ngành KTĐ được thiết kế theo hướng tích hợp trình độ cử nhân – kỹ sư. Trong 6 học kỳ đầu, NH được trang bị các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên môn ngành có tổng 127 tín chỉ. Sau khi hoàn thành 127 tín chỉ, NH có quyền lựa chọn theo hướng cử nhân hoặc kỹ sư để hoàn thành các HP còn lại. Cụ thể: nếu theo hướng cử nhân, NH sẽ hoàn thành 18 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp; nếu theo hướng kỹ sư sẽ hoàn thành bổ sung 38 tín chỉ khối kiến thức chuyên sâu (gồm khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành nâng cao và chuyên ngành) **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**.

CTDH ngành KTĐ thể hiện được là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng học kỳ với tiến trình giảng dạy của toàn CTĐT. CTDH ngành KTĐ được thiết kế hợp lý, logic theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho NH đạt CĐR của từng HP và tiến tới đạt CĐR của CTĐT. Dựa vào CĐR của CTĐT ngành KTĐ, ma trận kỹ năng tích hợp và phân nhiệm kỹ năng cho từng HP trong CTĐT. Mỗi HP đã xác định phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để giúp NH đạt được CĐR. CTDH đã thể hiện và phân nhiệm rõ ràng trong từng HP theo hướng đóng góp của từng HP vào các CĐR của CTĐT, đảm bảo tất cả các CĐR (về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của NH) đều được đề cập và được thiết kế theo hướng hiệu quả để NH đạt CĐR. Giúp NH tự tin và đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm sau tốt nghiệp **[H3.03.01.17]**, **[H3.03.01.18]**, **[H3.03.01.19]**, **[H3.03.01.20]**.

CTDH thiết kế dựa trên CĐR thể hiện ở tính tích hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của tất cả các học phần trong CTĐT ngành KTĐ phù hợp giúp đạt CĐR không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng **[H3.03.01.11]**. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung cũng như đặc điểm của từng học phần, dưới đây là một số phương pháp giảng dạy cơ bản mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng: phương pháp thuyết giảng kết hợp hỗ trợ hình ảnh hóa như bản vẽ, ảnh, video-clip và các slide trình chiếu để nhấn mạnh những điểm chính trong tiết học. Phương pháp hỏi khái quát, kết hợp giữa tổ chức làm việc theo

nhóm và trình bày bài tập nhóm trên lớp và tổ chức thảo luận...

Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của SV được lập theo từng phần nội dung của học phần gắn với số giờ trên lớp với quy định cứ 1 tiết lên lớp SV phải tự học, tự nghiên cứu 2 tiết.

Trước khi SV tốt nghiệp, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đánh giá chất lượng CTDH của ngành đến người học cuối khóa và cho kết quả khảo sát tốt **[H3.03.01.21]**. Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên và chưa tham khảo được đầy đủ ý kiến các bên liên quan.

### *1. Điểm mạnh*

CTDH của ngành KTĐ được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

### *2. Điểm tồn tại*

Trong các quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH, việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan chưa thực sự được bài bản.

### *3. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
	Khắc phục tồn tại	Ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của doanh nghiệp tham gia thiết kế CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR trong CTDH	Bộ môn KTĐ, Khoa Đ-ĐT, phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2023	
	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao công tác hoàn thiện CTDH nhằm phối	Bộ môn KTĐ, Khoa Đ-ĐT,	Từ năm 2023	

		hợp tốt các nguồn lực của trường và tăng tính tự chủ và trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong thực hiện CTDH	phòng KT&ĐBCL		
--	--	--	---------------	--	--

6. Tự đánh giá: Đạt (mức 5 /7)

## **Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng**

### *1. Mô tả*

Mỗi học phần trong CTDH khi được xây dựng đều dựa trên CĐR của ngành KTĐ **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**. CĐR của mỗi học phần góp phần đạt được CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**. Trong bảng ma trận này cũng đã thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR với mục tiêu của các học phần trong CTĐT ngành KTĐ.

Trật tự các học phần trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý (từ các học phần kiến thức đại cương đến các học phần cơ sở và các học phần kiến thức chuyên sâu ) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (đặc biệt với các học phần có mối quan hệ mật thiết, có quan hệ trước sau, học phần tiên quyết/học trước đến học phần học sau ) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành TN cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần. Các học phần tự chọn sẽ giúp SV tự chọn những học phần phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi học phần đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp người học đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng theo từng hướng công việc sau khi tốt nghiệp **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**, **[H3.03.01.11]**:-

Để đảm bảo các học phần hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% đề cương học phần được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV thông qua việc xác định mục tiêu của học phần nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR học phần để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR học phần. Đề cương chi tiết mỗi học phần trong CTDH đều được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết học trực tiếp, tiết lý thuyết học trực tuyến nếu có, tiết bài tập lớn, tiết thảo luận, bài tập, tiết thực hành, thí nghiệm, học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành, mục tiêu học phần về kiến thức, kỹ năng, CĐR học phần về kiến thức, kỹ năng, đánh giá học phần **[H3.03.01.08]**, **[H3.03.01.11]**.

Việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan

điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung cũng như đặc điểm của từng học phần, dưới đây là một số phương pháp giảng dạy cơ bản mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng: phương pháp thuyết giảng kết hợp hỗ trợ hình ảnh hóa như bản vẽ, ảnh, video-clip và các slide trình chiếu để nhấn mạnh những điểm chính trong tiết học. Phương pháp hỏi khái quát, kết hợp giữa tổ chức làm việc theo nhóm và trình bày bài tập nhóm trên lớp và tổ chức thảo luận... **[H3.03.01.11]**.

Nhận thức được mối quan hệ nhất quán giữa CĐR, phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng học phần trong CTDH. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐH Giao thông vận tải và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng học phần. Đặc biệt trong thời gian diễn ra đại dịch Covid 19, Nhà trường đã xây dựng và hướng dẫn kịp thời các phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần chuyển hoàn toàn sang hình thức online. Sự kết hợp một cách có mục đích để đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả **[H3.03.01.11]**. Nhà trường có quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học phần, mỗi hình thức đánh giá đóng góp một tỉ lệ nhất định trong tổng điểm của môn học và được thể hiện trong đề cương chi tiết môn học. Tỷ trọng điểm đánh giá học phần gồm 2 thành phần, đó là điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Tỷ lệ này là (40% + 60%), và (50% + 50%) **[H3.03.02.02]**.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành khảo sát, lấy ý kiến nhận xét và đánh giá của SV cuối khóa thể hiện tính khoa học, nội dung CTDH hiện đại phù hợp với ngành đào tạo và phân tầng hệ thống giáo dục hiện đại **[H3.03.01.21]**. Các góp ý thu được khi khảo sát về nội dung các học phần trong CTDH từ các bên liên quan được sử dụng rà soát bổ sung điều chỉnh đề cương môn học với mục đích đảm bảo yêu cầu theo quy định của luật Giáo dục đại học, khung trình độ Quốc gia và cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, thị trường lao động và những phát triển của lĩnh vực KTĐ trong nước và thế giới **[H3.03.01.18]**, **[H3.03.01.19]**, **[H3.03.01.20]**, **[H3.03.02.03]**, **[H3.03.02.04]**, **[H3.03.02.05]**.

### *1. Điểm mạnh*

Mỗi HP trong CTĐT có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR. 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. Các HP trong CTĐT được thiết kế đảm bảo sự gắn kết khoa học, thống nhất và hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành. Các HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, từ đó được rà soát và sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng lao động. Tất cả các học phần được bố trí theo trình tự, thời gian học tập hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm thực hiện.

## 2. Điểm tồn tại

Quá trình khảo sát các bên liên quan về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR triển khai chưa được cập nhật một cách đầy đủ.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR	Phòng KT&ĐBCL, Khoa Đ-ĐT	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CĐR của CTDH	Bộ môn KTĐ, phòng Đào tạo	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5 /7)

### **Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

#### *1. Mô tả*

Việc xây dựng CTDH [H3.03.01.05], [H3.03.01.06] đã đạt được mục tiêu là đào tạo cử nhân, kỹ sư KTĐ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát doanh nghiệp sử dụng lao động, chuyên gia và các GV, CSV đa số ý kiến đồng ý với mục tiêu đào tạo, CDR ngành KTĐ đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng và thị trường lao động, cấu trúc CTĐT thể hiện trình tự các môn học có tính logic cao giữa các học phần rằng chất lượng CTĐT đáp ứng linh hoạt nhu cầu xã hội [H3.03.01.18], [H3.03.01.19], [H3.03.01.20]

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc CTĐT của ngành KTĐ trình độ cử nhân được mô tả trong bảng 3.3.1, với tổng thời gian đào tạo 4 năm, khối lượng kiến thức bao gồm: Khối kiến thức GDĐC, Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên môn ngành, Khối kiến thức chuyên ngành (bao gồm TT và ĐA tốt nghiệp).

**Bảng 2.3.1: Cấu trúc CTĐT trình độ cử nhân theo CT cập nhật năm 2021.**

<b>KHỐI KIẾN THỨC</b>		<b>SỐ TC</b>	<b>%</b>
<b>Bắt buộc (126 TC)</b>	Kiến thức giáo dục đại cương	48 (Tự chọn 7/48)	34,3
	Kiến thức cơ sở ngành	50 (tự chọn 5/50)	35,7
	Kiến thức chuyên môn ngành và chuyên ngành	42 (Tự chọn 2/42)	30
<b>Tự chọn (14 TC)</b>	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (ĐC+CS+CN)	14	10,5
<b>Tổng cộng</b>		<b>140</b>	

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 48 tín chỉ chiếm 34,3% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 50 TC chiếm 35,7%, và khối kiến thức chuyên môn ngành và chuyên ngành gồm 42 TC (bao gồm các học phần thực tập nghề nghiệp và đề án/khóa luận) chiếm 30% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Trong khối kiến thức chuyên môn ngành và chuyên ngành số TC dành cho



thực tập và đồ án tốt nghiệp là 13 TC chiếm trên 31% tổng số TC của khối kiến thức chuyên môn ngành và chuyên ngành. Trong các khối kiến thức đều quy định học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong tổng số TC của CTĐT có 126 TC bắt buộc chiếm 90%, và 14 TC tự chọn chiếm 10%.

Cấu trúc CTĐT của ngành Kỹ thuật điện trình độ cử nhân-kỹ sư được mô tả trong bảng 3.3.2, với tổng thời gian đào tạo 5 năm, khối lượng kiến thức bao gồm: Khối kiến thức GDĐC, Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên môn ngành, Khối kiến thức chuyên ngành (bao gồm TT và ĐA tốt nghiệp).

**Bảng 2.3.2: Cấu trúc CTĐT trình độ cử nhân-kỹ sư theo CT cập nhật năm 2023.**

KHỐI KIẾN THỨC			SỐ TC	%
<b>Bắt buộc (157 TC)</b>	1	Kiến thức giáo dục đại cương	48 (Tự chọn 7/48)	26.2
	2	Kiến thức cơ sở ngành	52 (tự chọn 5/52)	28.4
	3	Kiến thức chuyên môn ngành vaa ngành	83 (Tự chọn 14/83)	45.4
<b>Tự chọn (26 TC)</b>	4	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (ĐC+CS+CN)	26	14.2
<b>Tổng cộng - Total</b>			<b>183</b>	

Các khối kiến thức trong CTĐT được sắp xếp nối tiếp nhau theo mức độ thành thạo, từ thấp đến cao, từ cơ bản đến nâng cao theo Bảng 3.3.3. Các khối kiến thức ở những năm đầu là nền tảng, sơ sở cho những khối kiến thức ở những năm tiếp theo. CTĐT bao gồm danh sách các môn học được chia theo các khối kiến thức và một bản kế hoạch thực hiện trong CT với các thông tin cơ bản như tên môn học (Tiếng Anh, Tiếng Việt), mã môn học, số tín chỉ, bộ môn phụ trách, thời gian học **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.11]**. Các môn học trước và sau có liên quan, bổ trợ cho nhau đảm bảo tính logic của môn học theo **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**. Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành rất đa dạng, liên quan đến lĩnh vực KTĐ. Có thể nói, nội dung CTĐT ngành kỹ thuật Điện mang tính tổng hợp cao và các môn học đã được tích hợp trong CT.

**Bảng 2.3.3: Các khối kiến thức sắp xếp theo mức độ từ cơ bản đến nâng cao**

Học kỳ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

<b>CTĐT ngành KTĐ trình độ cử nhân</b>			
Kiến thức đại cương (toán học, vật lý và khoa học tự nhiên)			
Kiến thức cơ sở ngành Kỹ thuật điện			
		Chuyên môn	
			ĐATN
<b>CTĐT ngành KTĐ trình độ cử nhân-kỹ sư</b>			
Kiến thức đại cương (toán học, vật lý và khoa học tự nhiên)			
Kiến thức cơ sở ngành Kỹ thuật điện			
		Chuyên môn	
			ĐATN

Định kỳ 2 năm 1 lần, CTĐT của ngành KTĐ được điều chỉnh, rà soát thì CDR, đề cương chi tiết các học phần cũng được điều chỉnh và được cập nhật vào CTDH [H3.03.03.01]. Khi điều chỉnh CTDH, Khoa Đ-ĐT có tham khảo CTĐT của một số trường trong nước và quốc tế có cùng ngành đào tạo hoặc ngành gần ngành đào tạo [H3.03.03.02], nghiên cứu tính phù hợp với Việt Nam và trường ĐH GTVT. Cụ thể đưa nhóm các kỹ năng mềm, tăng cường phần thực hành thí nghiệm, bổ sung các môn học phù hợp với nhu cầu xã hội. CDR và CTĐT ngành KTĐ được công bố trên trang website của Nhà trường và Khoa Điện – Điện tử [H3.03.03.03]. Bảng 3.3.4 trình bày thời gian, nội dung điều chỉnh, lý do điều chỉnh theo định kỳ của Nhà trường.

**Bảng 2.3.4. Nội dung và lý do và các lần điều chỉnh CTĐT**

TT	Thời gian	Nội dung điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
1	2016	Rà soát điều chỉnh, bổ sung CDR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức	Cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT
2	2018	Cập nhật và điều chỉnh CTĐT phù hợp với CDR của ngành KTĐ, rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các HP trong CTĐT phù hợp với	Phù hợp với thông tư 24/22017/TT-BGDĐT

		CDR, ma trận CDR – môn học	
3	2020	Xây dựng CDR và ma trận tích hợp kiến thức và kỹ năng cấp độ 3. Điều chỉnh đề cương chi tiết, xây dựng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo CDR học phần và mức độ Bloom yêu cầu.	Xây dựng CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả theo hướng tiếp cận CDIO
4	2021	Xây dựng mục tiêu, CDR, CTĐT ngành KTĐ trình độ CN và KS. Xây dựng ma trận tích hợp kiến thức và kỹ năng cấp độ 3. Xây dựng mục tiêu, CDR các HP, đề cương chi tiết, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá học phần và mức độ Bloom yêu cầu.	Xây dựng CTĐT theo NĐ99/2019-CP

Năm 2021, CTDH ngành KTĐ được xây dựng mới theo nghị định 99/2019/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học **[H3.03.03.01]**. Khi thiết kế, xây dựng CTDH đã có sự tham gia nhận xét của các chuyên gia và GV giảng dạy trong lĩnh vực KTĐ **[H3.03.03.04]** và tiếp nhận ý kiến đóng góp của CSV và người học về CTDH với đánh giá là đáp ứng yêu cầu **[H3.03.01.18]**, **[H3.03.01.19]**, **[H3.03.01.20]**, **[H3.03.03.05]**. CTDH năm 2021 đã được điều chỉnh về mục tiêu đào tạo, CDR ngành KTĐ, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá và đề cương chi tiết các học phần **[H3.03.03.06]**.

### *2. Điểm mạnh*

CTDH xây dựng có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ, giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần, các học phần trong cấu trúc CTĐT để đạt CDR.

### *3. Điểm tồn tại*

Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được thực hiện chưa thống nhất và bài bản.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát ý kiến các bên liên quan về cấu trúc CTDH đầy đủ hơn nữa, tạo nguồn thông tin đa chiều giúp điều chỉnh hợp lý CTDH trên cơ sở đạt được CĐR	Phòng KT&ĐBCL, Khoa Đ-ĐT	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến CTDH phù hợp với xu hướng, nguồn lực của Nhà trường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của của người học.	Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ	Từ năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

CTDH của ngành KTĐ được thiết kế theo 3 khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của ngành đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH ngành KTĐ sẽ còn có thể hoàn thiện tốt hơn trong những năm sau này. Điểm mạnh nổi bật: CTDH ngành KTĐ được thiết kế có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính thống nhất; phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý, giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần giúp đạt CĐR.

Điểm tồn tại cơ bản: Phản hồi các bên liên quan về CTDH và cấu trúc CTDH để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học chưa được ghi nhận đúng mức.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 3/3 tiêu chí đạt.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng một vai trò rất quan trọng để SV đạt được CDR trong CTĐT. CTĐT ngành Kỹ thuật điện đã xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ. Để thực hiện được điều này, bên cạnh việc thiết kế chương trình chi tiết các học phần một cách có hệ thống đảm bảo tính logic, tính xuyên suốt thì các hoạt động dạy và học phải tương thích, phù hợp mới đảm bảo đạt được mục tiêu của từng học phần, từ đó hướng tới đảm bảo đạt mục tiêu của cả chương trình.

#### **Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan**

##### *1. Mô tả*

Cách tiếp cận dạy và học của Nhà trường được thể hiện thông qua triết lý giáo dục với bốn giá trị cốt lõi "Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng" và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan thông qua website của Nhà trường [www.utc.edu.vn](http://www.utc.edu.vn). Triết lý giáo dục qua các giai đoạn được cụ thể hóa bằng quan điểm và mục tiêu phát triển đào tạo trong "Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030" [**H4.04.01.01**], [**H4.04.01.02**], và được cập nhật, bổ sung trong "Chiến lược phát triển Trường ĐHGTVT giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030". Với mong muốn xây dựng và phát triển bền vững, các nội dung trong chiến lược phát triển của Nhà trường đều được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường [**H4.04.01.03**], cũng như của người học [**H4.04.01.04**], và các bên liên quan [**H4.04.01.05**].

Thông qua triết lý giáo dục, Nhà trường hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường cũng xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng tổ quốc. Áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, xác định người học là trung tâm - người thầy truyền cảm hứng. Kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất năng lực và khả năng sáng tạo.

Mục tiêu giáo dục của Khoa Điện-Điện tử là sự phản ánh của triết lý giáo dục tổng quát của trường ĐH GTVT, nhấn mạnh vào mục tiêu "Học đi đôi với hành". Điều đó được thể hiện qua CTĐT ngành Kỹ thuật điện [**H4.04.01.06**], [**H4.04.01.07**], được điều chỉnh theo nghị định 99/2019/NĐ-CP [**H4.04.01.08**]. CTĐT được khoa Điện điện tử xây dựng nhằm đào tạo các kỹ sư điện có tay nghề và năng lực chuyên môn để giải quyết những vấn đề về kỹ thuật - công nghệ trong thực tiễn sản xuất. Ngoài ra, người học còn được trang bị các kỹ năng mềm, ngoại ngữ và phương pháp NCKH. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng đáp ứng yêu cầu theo vị trí công việc phù hợp với ngành đào tạo, cũng như tiếp thu kiến thức và phát triển năng lực ở bậc học cao hơn.

Mục tiêu giáo dục trên đây của ngành Kỹ thuật điện được cụ thể hóa bằng CĐR [**H4.04.01.09**] và được công bố trên website của Nhà trường. Sau khi CTĐT được rà soát, điều chỉnh theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO và nghị định 99/2019/NĐ-CP, CĐR của ngành Kỹ thuật điện đã được chuyển đổi thành ma trận CĐR-MT [**H4.04.01.10**].

Để đảm bảo sự phù hợp của Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục với bối cảnh phát triển của đất nước, các yêu cầu đối với chất lượng nguồn nhân lực của ngành Kỹ thuật điện, Khoa Điện-Điện tử và Nhà trường đã phối hợp, tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy triết lý giáo dục đã được đánh giá có tính minh bạch, rõ ràng, khả thi, đáp ứng được nhu cầu của xã hội, khuyến khích được khả năng tự học, tự nghiên cứu, sự sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng của người học [**H4.04.01.11**], [**H4.04.01.12**] [**H4.04.01.13**].

Triết lý giáo dục được Nhà trường công bố công khai và phổ biến rộng rãi đến người học và cựu người học, các GV của Khoa, các phòng ban chức năng của Nhà trường, đối tác hợp tác, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác thông qua các văn bản, quyết định, niên giám CTĐT, sổ tay SV, website của Nhà trường, website của Khoa Đ-ĐT và các phương tiện truyền thông liên quan khác.

### *2. Điểm mạnh*

- Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng bằng nhiều hình thức.
- Phương thức lấy ý kiến có thể tổ chức thực hiện nhanh, dễ dàng.

### *3. Điểm tồn tại*

- Mục tiêu giáo dục của ngành kỹ thuật điện đã được xây dựng và triển khai thực hiện trong một giai đoạn đủ dài nhưng vẫn chưa khái quát hóa thành được triết lý giáo

dục.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khái quát hóa mục tiêu giáo dục thành triết lý giáo dục	GV, Bộ môn	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố rộng rãi triết lý/mục tiêu giáo dục trong chiến lược phát triển của Khoa Điện-điện tử, trường ĐH GTVT bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin đến các bên liên quan	GV, Bộ môn, Khoa, Trường	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)



## **Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR**

### *1. Mô tả*

CTĐT ngành Kỹ thuật điện được thiết kế với CDR nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động với các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế trên cơ sở Triết lý giáo dục và được cụ thể hóa trong chiến lược phát triển đào tạo của Nhà trường với mục tiêu “Chuẩn hoá hoạt động đào tạo theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đa dạng hóa ngành nghề, phương thức và loại hình đào tạo đáp ứng xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đảm bảo cung cấp năng lực và phẩm chất cần thiết cho người học để thích ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường lao động toàn cầu.” Các mục tiêu đào tạo đã được hiện thực hóa thông qua hệ thống CDR [**H4.04.02.01**] và CTĐT [**H4.04.02.02**] của ngành.

Hoạt động dạy và học cũng như kế hoạch giảng dạy được quy định chi tiết trong khung CTĐT. SV được hướng dẫn cách nghiên cứu, nội dung tham khảo cho từng chương, nội dung học được trình bày trong đề cương chi tiết. Thêm vào đó, các cách đánh giá cũng được thực hiện theo hướng đảm bảo CDR của người học, nội dung được thể hiện trong đề cương chi tiết môn học [**H4.04.02.02**]. Các hoạt động dạy và học của ngành Kỹ thuật điện đã được thiết kế và xây dựng theo phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm trung tâm, giúp người học chuyển từ cách học bị động sang cách học chủ động, tạo ra một môi trường dạy và học tích cực, phát huy năng lực của người học, hướng người học đạt được CDR hiệu quả nhất.

Phương pháp giảng dạy thuyết trình kết hợp với trình chiếu, bài giảng luôn được người dạy cập nhật nội dung và liên hệ với thực tế sinh động. Nội dung giảng dạy lý thuyết được đan xen với hỏi đáp thảo luận theo chủ đề để người học tư duy và phát triển ý tưởng, tạo ra môi trường học tập tích cực và thân thiện. Hoạt động dạy và học cũng được kết hợp với việc giao nhiệm vụ - nội dung tự học, đồ án môn học để người học vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề cụ thể. Qua đó, người học rèn luyện kỹ năng kỹ năng phân tích và tổng hợp; kỹ năng phát hiện, trình bày và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc theo nhóm; phát huy tính tích cực và chủ động trong tự học và tự nghiên cứu. Các học phần tự chọn cũng được thiết kế để người học phát huy năng lực bản thân, hoàn thiện

kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch, nâng cao tính chủ động về thời gian học tập.

Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, người dạy cũng đồng thời thực hiện các đánh giá mức độ tích lũy CDR của người học bằng các hình thức đa dạng: đánh giá quá trình lên lớp, đánh giá kết quả thảo luận nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, kỹ năng thực hành và sản phẩm nghiên cứu. Việc thực hiện kết hợp học tập với NCKH của SV được khuyến khích thực hiện tích cực, sản phẩm thu được đóng một phần quan trọng trong việc đánh giá SV **[H4.04.02.03]**. Ngoài ra các hoạt động tham quan, khảo sát thực tế cũng được tích cực thực hiện, giúp SV có thêm hiểu biết, nhận thức thực tiễn, có khả năng vận dụng thực tiễn vào quá trình học tập **[H4.04.02.04]**. Từ kết quả đạt được được GV sẽ tự đánh giá sự phù hợp của hoạt động dạy và học để đạt được CDR để có phương án điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy và học thích hợp.

Trường ĐH GTVT cùng với Phòng ĐTĐH, các Khoa và BM chuyên môn thường xuyên lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng CTĐT để đảm bảo tính tiên tiến và hội nhập với các CTĐT trong khu vực và quốc tế. Nhà trường hàng năm đều tổ chức cho người dạy tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tập huấn xây dựng CTĐT và đề cương chi tiết học phần theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO, cũng như triển khai kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**, **[H4.04.02.07]**, **[H4.04.02.08]**, **[H4.04.02.09]**. Trên cơ sở đó, người dạy được tiếp cận và lựa chọn phương pháp giảng dạy tích cực và đánh giá kết quả học tập một cách toàn diện, phù hợp với CDR để triển khai đối với người học.

Để đánh giá và cải tiến việc thực hiện phương pháp dạy và học, Nhà trường tiến hành khảo sát SV để đánh giá phương pháp giảng dạy của từng GV vào cuối mỗi học kỳ cho từng môn học **[H4.04.02.10]**, **[H4.04.02.11]**, **[H4.04.02.12]**. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người học đều đồng ý với phương pháp giảng dạy của GV sử dụng trên lớp (xếp loại trung bình đối với các chỉ tiêu đánh giá phương pháp giảng dạy của GV đều đạt mức tốt trở lên). Tất cả các hoạt động này là cơ sở để cải tiến chương trình và phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

## *2. Điểm mạnh*

- Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt

- Các hoạt động giảng dạy/đánh giá thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với năng lực học tập của SV nhằm đạt CDR về kiến thức và kỹ năng.

### 3. Điểm tồn tại

- Số lượng SV trong một lớp học phần còn đông gây khó khăn cho việc tổ chức áp dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với tình hình tổ chức hiện tại. Trú trọng phát triển hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho SV.	GV, Bộ môn	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng linh động các phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá	GV, Bộ môn	Từ năm học 2022-2023	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

### **Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### *1. Mô tả*

Kiến thức và kỹ năng làm việc luôn phát triển cùng với sự tiến bộ của xã hội và các ngành kỹ thuật, điều đó đòi hỏi mỗi cá nhân phải tự thích ứng và học hỏi thêm để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của công việc cũng như cuộc sống. CTĐT của ngành cung cấp cho người học phương pháp luận và các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, kiến thức ngành), các kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng NCKH, kỹ năng mềm), năng lực tự chủ và trách nhiệm với công việc để sau này có thể vận dụng trong công việc, nghiên cứu và học tiếp lên các bậc học cao hơn. Các hoạt động dạy và học đã được thiết kế để cung cấp cho sinh viên ngoài các kiến thức nền tảng còn có những phương pháp lập luận, kỹ năng nghề nghiệp. CTĐT được thiết kế để đảm bảo SV có kiến thức toán học và chuyên môn để có thể tự học những kiến thức mới theo chuyên ngành, những kiến thức nền tảng và cốt lõi có thời lượng học phù hợp. Các nội dung này được giảng dạy sử dụng phương pháp tích cực và kỹ năng vận dụng khai thác triệt để công cụ hỗ trợ hiện đại nhằm tạo cho SV có kỹ năng tự học, tự khám phá và rèn luyện kỹ năng tìm kiếm nguồn tài liệu, phân tích, xử lý, đánh giá thông tin. Những nền tảng này quá trình này sẽ theo suốt cuộc đời hay có thể gọi là học tập suốt đời. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều đã mô tả rõ phương pháp giảng dạy để thúc đẩy rèn luyện những kỹ năng thiết yếu và những kỹ năng mềm cho người học như minh họa trong CTĐT của ngành **[H4.04.03.01]**.

Môi trường dạy và học tích cực được tạo ra sao cho mỗi người học đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, chứ không chỉ là tiếp thu kiến thức một cách bị động. Quá trình thực hiện bài tập lớn, đồ án môn học và thực hành theo nhóm giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết để phân tích, lựa chọn phương án và giải quyết vấn đề cụ thể, kỹ năng làm việc theo nhóm. Hàng năm, SV được khuyến khích tham gia các kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp Quốc gia, thực hiện đề tài NCKH của SV **[H4.04.03.02]**, **[H4.04.03.03]**. Qua đó người học biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để giải quyết vấn đề có tính trí tuệ và có hàm lượng KHCN cao, thúc đẩy khả năng tư duy sáng tạo, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT và các phần mềm tin học tiên tiến, tiếp cận với phương pháp luận NCKH, qua đó thúc đẩy SV rèn luyện kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh là công cụ quan trọng hỗ trợ cho việc học tập, tìm kiếm, tra cứu tài liệu, nhằm tìm ra được những phương pháp hiệu quả giải quyết những vấn đề kỹ thuật. Với nhận định vai trò quan trọng của kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong

học tập cũng như trong công việc sau này của SV, trường Đại học Giao thông có những quy định về CĐR tiếng Anh đối với SV của trường, cụ thể SV phải đạt tối thiểu chứng chỉ tiếng Anh B1 hoặc tương đương theo khung Châu Âu **[H4.04.03.04]**.

Các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, ... được người học tích lũy trong quá trình học và khi kiểm tra đánh giá các học phần, đặc biệt là các học phần ngoại ngữ, bài tập lớn hoặc đồ án môn học, thực hành - thực tập, làm ĐATN và đề tài NCKH **[H4.04.03.05] [H4.04.03.06]**.

Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên và Hội SV của Trường còn tổ chức các câu lạc bộ (CLB) ngoại ngữ, CLB khoa học kỹ thuật và các hoạt động ngoại khóa, ... tạo ra môi trường hoạt động lành mạnh, bồi dưỡng và phát triển các kỹ năng mềm để người học phát triển một cách toàn diện, góp phần vào việc đạt CĐR nhận thức về sự cần thiết và khả năng học suốt đời.

### *2. Điểm mạnh*

- Chương trình được xây dựng bài bản dựa trên khảo sát nhu cầu thực tiễn sản xuất và yêu cầu đặc điểm công việc vị trí việc làm cũng như yêu cầu về năng lực cốt lõi của người lao động.

- Đội ngũ GV có trình độ cao, các phương pháp giảng dạy được lựa chọn trên cơ sở phát huy tính chủ động của người học và chú trọng rèn luyện kỹ năng tự học để có khả năng học tập suốt đời.

### *3. Điểm tồn tại*

- CSVC, phương tiện trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu, tự kiểm nghiệm còn hạn chế.

- Kế hoạch học tập, thực tập, tổ chức hội thảo chưa tương thích với thời gian của doanh nghiệp sản xuất.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tổ chức các hội thảo định hướng ngành nghề, hội thảo chuyên đề, tham quan thực tiễn sản xuất, tham dự các cuộc thi trong lĩnh vực ngành nghề để tạo thêm môi trường để SV trao đổi, thảo luận, trải nghiệm, và nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.	Bộ môn, Khoa, Trường	Hàng kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các hình thức tổ chức giảng dạy, học tập, kiểm soát đánh giá nâng cao tính tự giác, tự học của SV. Thường xuyên cập nhật, bổ sung những nhu cầu mới của ngành nghề.	GV, Bộ môn	Hàng năm	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Đánh giá chung về phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Kỹ thuật điện là phù hợp. Các hoạt động giảng dạy và học tập tương đối đa dạng, khá linh hoạt giúp người học thuận lợi đạt được CDR của CTĐT và có khả năng học tập suốt đời. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế về cách tổ chức hiệu quả cho các lớp có số lượng SV đông; trang thiết bị phục vụ cho tổ chức học tập và đặc biệt là cho thí nghiệm/thực hành vẫn chưa đầy đủ để hỗ trợ triển khai một cách hiệu quả nhất. Đồng thời mối liên hệ giữa CSĐT và các đơn vị sản xuất chưa đủ khăng khít, vẫn còn những bất cập trong việc tổ chức phối hợp giữa kế hoạch đào tạo, chương trình hợp tác với các đơn vị sản xuất.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 3/3 tiêu chí đạt.

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### ***Mở đầu***

Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Nhà trường, Khoa Điện – Điện tử các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học ngành KTD được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành đều được thông báo công khai tới người học thông qua sổ tay SV lúc mới nhập học. Trước khi bắt đầu học các học phần trong CTĐT ngành, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.



## **Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.**

### *1. Mô tả*

CĐR quy định rằng người học sau khi tốt nghiệp sẽ có được kiến thức, kỹ năng, thái độ, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề; công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác. Đánh giá KQHT là khâu quan trọng để đảm bảo đạt được CĐR. Đánh giá KQHT nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ vào việc giải quyết tình huống, đánh giá quá trình học tập của SV và đánh giá trình độ tư duy thông qua thực hiện bài thi.

Căn cứ Văn bản hợp nhất của Bộ GD&ĐT việc ban hành "Quy chế quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ" [H5.05.01.01], Trường ĐH GTVT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện [H5.05.01.02] và sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế này [H5.05.01.03] cho phù hợp tình hình thực tế, sau đây được gọi là "Quy chế đào tạo đại học". Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng đề án và triển khai đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.04] nhằm đảm bảo các nguyên tắc khi kiểm tra và đánh giá người học:

+ Tính chính xác, công bằng và khách quan: nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung giảng dạy của học phần; đánh giá đúng, công bằng và khách quan dựa trên kết quả đạt được của người học.

+ Dựa trên mục tiêu đào tạo: nội dung kiểm tra và tiêu chí đánh giá phải căn cứ vào kết quả học tập mong đợi, cụ thể là CĐR với thang đo năng lực tương ứng của mỗi học phần.

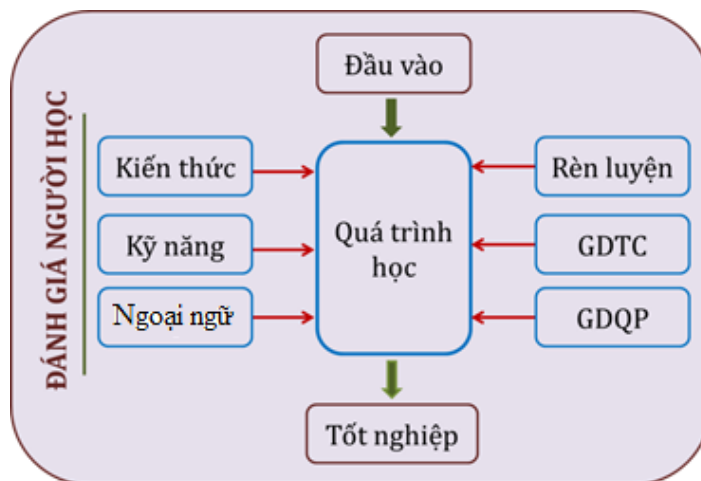
+ Tính toàn diện: hình thức kiểm tra phải phù hợp với kết cấu của mỗi học phần, không chỉ chú trọng vào đánh giá trình độ kiến thức, năng lực mà còn đánh giá về ý thức, thái độ và kỹ năng có được trong quá trình học tập.

+ Thường xuyên và có kế hoạch: kiến thức và kỹ năng đều có quá trình tích lũy và phát triển, nhưng kết quả đánh giá chỉ có giá trị thực tại thời điểm đánh giá. Vì vậy, để đánh giá chính xác quá trình học tập thì công tác kiểm tra và đánh giá phải thực hiện thường xuyên và có kế hoạch trong quá trình đào tạo.

+ Tính phản hồi: thông qua đánh giá kết quả học tập, cần phân tích các nguyên nhân để phát huy nhưng ưu điểm, khắc phục nhưng nhược điểm trong hoạt động dạy và học. Từ đó cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập, đổi mới hình thức kiểm tra và tiêu

chí đánh giá cho phù hợp. Tiến tiến tới sửa đổi, bổ sung đề cương chi tiết học phần, chương trình cũng như quy chế đào tạo.

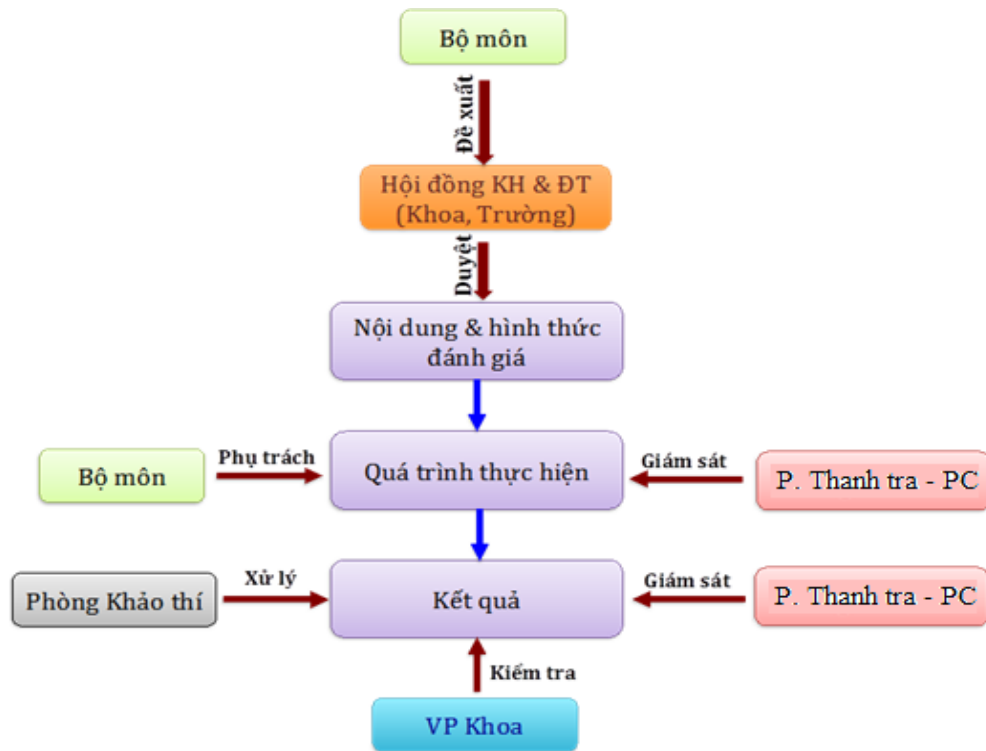
Trên cơ sở đó, Nhà Trường xây dựng các nội dung đánh giá người học cho tất cả các CTĐT: từ đánh giá đầu vào, đến đánh giá quá trình đào tạo và đánh giá tốt nghiệp, như trên Hình 2.5.1.



**Hình 2.5.1. Các nội dung đánh giá người học**

**Xét tuyển đầu vào:** căn cứ vào quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ GD&ĐT [H.05.01.05], Nhà trường xác định đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, ... phù hợp với năng lực và CDR của mỗi CTĐT. Các thông tin này đều có trong đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà Trường [H5.05.01.06] và được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của trường (<http://tuyensinh.utc.edu.vn>).

**Đánh giá quá trình học tập:** trong quá trình học tập tại trường, người học được đánh giá kết quả học tập (trình độ kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập) thông qua việc kiểm tra và đánh giá từng học phần (điểm học phần), đánh giá cuối học kỳ (điểm trung bình chung học kỳ - ĐTBCHK) và đánh giá toàn khóa (điểm trung bình chung tích lũy - ĐTBCTL) theo CTĐT. Đây là quá trình đánh giá phức tạp với nhiều học phần, hình thức kiểm tra và đánh giá đa dạng, diễn ra trong toàn thời gian của CTĐT. Để đáp ứng được các nguyên tắc khi kiểm tra và đánh giá người học, Nhà trường đã xây dựng các quy định về sử dụng và quản lý câu hỏi thi và ngân hàng câu hỏi thi, đề thi và ngân hàng đề thi kết thúc học phần [H5.05.01.07], cũng như công tác tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.01.08]. Quy trình đánh giá người học và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình học tập được thể hiện trên Hình 2.5.2



**Hình 2.5.2. Quy trình đánh giá người học trong quá trình học và trách nhiệm các bên liên quan**

Đối với các học phần, CDR của mỗi học phần trong ma trận CDR-TH [H5.04.01.10] và kết cấu của học phần (số giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập lớn, thực hành, thí nghiệm...) được thể hiện thông cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần [H5.05.01.09]. Ý thức, thái độ học tập, mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức và các kỹ năng của người học được đánh giá thông qua điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần, theo Điều 19 và Điều 21 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], H5.05.01.03]:

+ Điểm đánh giá quá trình (tỷ trọng 30% đến 50%): bao gồm điểm đánh giá thường xuyên hay đánh giá ý thức, thái độ học tập (lên lớp đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị phần tự học và thảo luận trên lớp) và điểm đánh giá định kỳ hay đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức và các kỹ năng khác thông qua bài kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, bài tập lớn, đề án môn học, thực hành, thí nghiệm, ...

+ Điểm thi kết thúc học phần (tỷ trọng 50% đến 70%): là điểm đánh giá bắt buộc cho mỗi học phần vào kỳ thi cuối học kỳ. Các hình thức thi kết thúc học phần: viết báo cáo/tiểu luận, thi viết (tự luận, trắc nghiệm), thuyết trình - vấn đáp, bài thực hành, hoặc kết hợp giữa các hình thức.

Điểm học phần là điểm tổng hợp của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Như vậy, điểm học phần không chỉ được đánh giá về mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức và các kỹ năng của người học, mà còn đánh giá được ý thức, thái độ học tập thông qua việc lên lớp đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị phần tự học và thảo luận trên lớp. Căn cứ vào chuẩn đầu ra và bảng ma trận CĐR, các đề thi và đáp án được thiết kế một cách phù hợp với các mức Bloom của môn học **[H5.05.01.10]**, **[H5.05.01.11]**.

Về cơ bản, chương trình học của ngành KTĐ được chia ra thành 3 phần: phần kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành và chuyên ngành. Tương ứng với mỗi phần có phương pháp khác nhau để đánh giá kết quả học tập, cụ thể như sau:

+ Đối với những học phần kiến thức cơ bản: như Toán, Vật lý, Triết học...việc đánh giá người học có thể thực hiện thông qua bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra (thi) chủ yếu là viết - tự luận để đánh giá mức độ biết, hiểu và bắt đầu vận dụng được kiến thức.

+ Đối với những học phần cơ sở chuyên ngành: yêu cầu người học có thể vận dụng kiến thức để giải quyết một vấn đề đơn giản trong lĩnh vực cơ sở ngành. Điểm đánh giá quá trình có thể thông qua bài kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, bài thực hành, thí nghiệm phù hợp với khối lượng và nội dung của học phần. Hình thức thi kết thúc học phần thường là viết - tự luận, viết - trắc nghiệm, hoặc viết - tự luận và vấn đáp.

+ Đối với những học phần chuyên ngành: yêu cầu người học nắm được các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng tư duy và sáng tạo để vận dụng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật điện một cách có hệ thống. Điểm đánh giá quá trình thường thông qua các hình thức giống như đối với học phần cơ sở ngành. Hình thức thi kết thúc học phần cũng đa dạng hơn: thi viết tự - luận, viết - trắc nghiệm, thuyết trình - vấn đáp, bài thực hành, hoặc kết hợp thi viết - trắc nghiệm - tự luận - vấn đáp.

Việc đánh giá, xếp loại sinh viên được thực hiện dựa trên điểm trung bình các tín chỉ, theo như bảng 5.1.1 sau:

**Bảng 2.5.1. Bảng điểm phân loại đánh giá học lực của sinh viên**

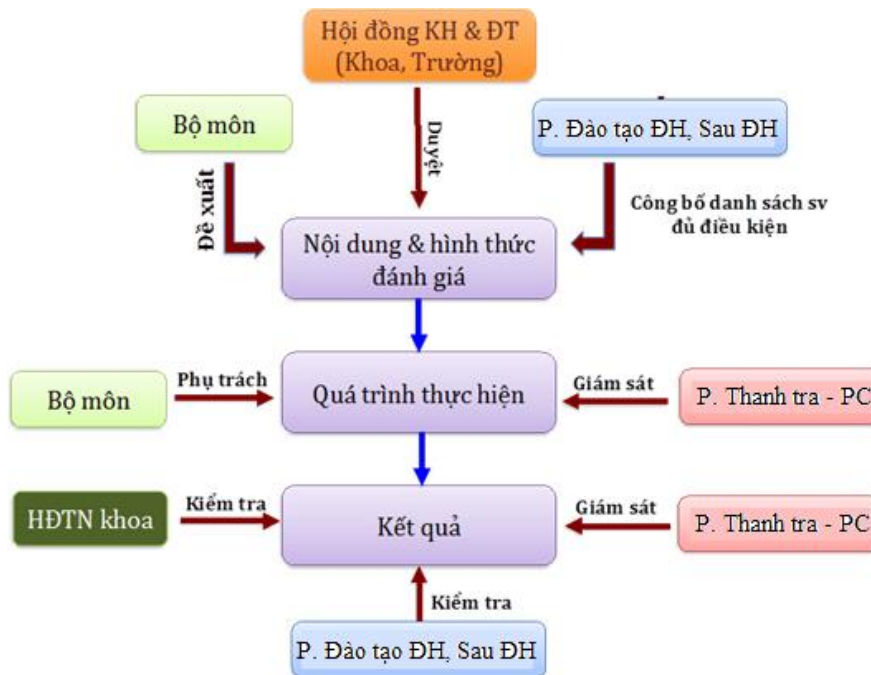
<i>Loại học lực</i>	<i>Xếp loại</i>	<i>Điểm trung bình</i>
<i>Bình thường</i>	<i>Xuất sắc</i>	<i>3.60-4.00</i>
	<i>Giỏi</i>	<i>3.20-3.59</i>
	<i>Khá</i>	<i>2.50-3.19</i>
<i>Trung bình</i>	<i>Trung bình</i>	<i>2.00-2.49</i>
<i>Kém</i>	<i>Yếu</i>	<i>1.00-1.99</i>
	<i>Kém</i>	<i>Nhỏ hơn 1.00</i>

Bên cạnh việc tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, để được công nhận tốt nghiệp, người học phải có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Một điều kiện quan trọng khác để công nhận tốt nghiệp là người học phải đạt CDR bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương trình độ B1 theo khung châu Âu [H5.04.03.06].

Một nội dung quan trọng trong đánh giá sinh viên mỗi học kỳ và năm học, đó là công tác đánh giá rèn luyện sinh viên [H5.05.01.11]. Hoạt động đánh giá rèn luyện sinh viên được xây dựng kế hoạch hàng năm và theo từng kỳ học. Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ của người học, cố vấn học tập, bộ môn, Hội đồng rèn luyện sinh viên cấp Khoa, cấp Trường và các đơn vị chức năng. Nội dung đánh giá bao gồm: ý thức của người học về việc tham gia học tập, tham gia các phong trào của trường, của cộng đồng, tuân thủ các nội quy, quy chế, quy định của Nhà Trường, tuân thủ pháp luật... cũng được đánh giá thường xuyên sau mỗi học kỳ, năm học và toàn khoá học.

#### **Đánh giá đồ án tốt nghiệp:**

Nhà trường đã xây dựng quy trình đánh giá tốt nghiệp và trách nhiệm của các bên liên quan như trên Hình 2.5.3. Đầu học kỳ cuối theo kế hoạch của CTĐT ngành KTĐ [H5.04.01.07, H5.04.01.08], người học được xét đăng ký làm ĐATN theo điều 24 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03]. Yêu cầu thiết kế đồ án tốt nghiệp được đặt ra trong tờ "Nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp" [H5.05.01.12] và được BM và Khoa phê duyệt. Sau khi hoàn thành, SV được bảo vệ ĐATN trước Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN với hình thức thuyết trình - trả lời vấn đáp. Đánh giá học phần ĐATN cũng như đánh giá các học phần khác trong CTĐT, bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá kết thúc học phần theo Điều 25 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03].



**Hình 2.5.3. Quy trình đánh giá tốt nghiệp và trách nhiệm các bên liên quan**

Sinh viên và cựu sinh viên hàng năm được lấy ý kiến khảo sát về chương trình đào tạo, các phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá người học. Những ý kiến này là cơ sở để thực hiện những sửa đổi cần thiết việc đánh giá sinh viên của các học phần trong chương trình, nếu cần thiết. [H5.05.01.13]

### 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của người học thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các hình thức đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá tổng thể mức độ khó, dễ của đề thi thông qua thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi từ đó có hướng điều chỉnh đề thi cho phù hợp.

### 4. Kế hoạch hành động

### 5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

### *1. Mô tả*

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu mỗi năm học, người học được phổ biến các quy định liên quan đến: quy chế đào tạo, CDR ngoại ngữ, thông tin về hoạt động kiểm tra và đánh giá, cách tính điểm học phần, ĐTBCHK và ĐTBCTL, đánh giá RLSV,... Các quy định này cũng được ghi rõ trong "Sổ tay SV" [H5.05.02.01] và được phát cho mọi người học. Các thông tin này cũng với các thông tin hỗ trợ khác cũng được thông báo công khai trên cổng thông tin hỗ trợ SV của Nhà trường (<http://hotrosinhvien.utc.edu.vn/tin-tuc/huong-dan>) [H5.05.02.02].

Trong quá trình học tập, người học sẽ được GV phụ trách học phần cung cấp thông tin về học phần trong 2 tuần đầu tiên giảng dạy, bao gồm: tài liệu phục vụ giảng dạy; đánh giá quá trình và hình thức đánh giá, mốc thời gian; hình thức thi kết thúc học phần; kết cấu điểm học phần (tỷ lệ điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần). Các thông tin trên cũng được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần [H5.05.01.09]. Giảng viên phụ trách học phần phải công bố cho người học điểm đánh giá quá trình trước khi kết thúc thời gian học. BM nhập điểm đánh giá quá trình trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp bảng điểm về phòng ĐTDH, Khoa quản lý chuyên ngành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc giảng dạy của học phần, theo Điều 19 và Điều 21 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03].

Theo quy định của Nhà trường, lịch thi kết thúc học phần do phòng ĐTDH sắp xếp và Ban giám hiệu phê duyệt, được công bố cho người học ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.01.08], người học có thể xem lịch thi trên phần mềm quản lý đào tạo. Việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi được quy định theo Điều 21 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03]. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Trong đề thi kết thúc học phần đều ghi rõ điểm cho mỗi câu hỏi, khi chấm thi phải có đáp án tương ứng với đề thi [H5.05.02.03]. Việc chấm thi kết thúc học phần với mọi hình thức phải do 2 GV chấm. Với hình thức thi vấn đáp, điểm thi vấn đáp được công bố công khai cho người học sau mỗi buổi thi. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai GV chấm thi và trưởng BM quản lý học phần. Bộ môn nhập điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp bảng điểm về phòng ĐTDH, Khoa quản lý chuyên ngành chậm nhất là 10 ngày sau khi thi kết thúc học phần. Cách tính điểm học phần (làm tròn đến một

chữ số thập phân) được quy định cụ thể theo Điều 22 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03].

Cuối mỗi học kỳ, người học được đánh giá quá trình học tập bằng ĐTBCHK và ĐTBCTL được tính từ mức điểm của các điểm học phần đã được quy đổi sang thang điểm 4. Trong đó: ĐTBCHK là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà SV đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần; ĐTBCTL là điểm trung bình của các học phần mà SV đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ. Cách tính ĐTBCHK và ĐTBCTL (làm tròn đến hai chữ số thập phân) được quy định cụ thể theo Điều 23 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03].

Kế hoạch triển khai đánh giá RLSV được thông báo đến người học và CVHT tối thiểu trước hai tuần [H5.05.02.04] để tập thể lớp và CVHT chủ động đăng ký lịch họp lớp đánh giá RLSV. Người học sẽ tự đánh giá kết quả rèn luyện trên phần mềm đánh giá RLSV của Nhà trường (<http://sis.utc.edu.vn>), hoặc người học có thể đánh giá RLSV bằng phiếu đánh giá viết tay theo mẫu [H5.05.01.11] và nộp lại cho CVHT trong buổi họp xét đánh giá RLSV. Đánh giá RLSV có tổng số 16 tiêu chí trong 5 nội dung đánh giá [H5.05.01.11], các tiêu chí đánh giá được ghi chú mức điểm đánh giá rõ ràng. Sau khi có kết quả đánh giá RLSV với sự thống nhất của tập thể lớp, CVHT sẽ tổng hợp kết quả đánh giá RLSV của lớp theo mẫu [H5.05.01.11] và chuyển lên Hội đồng đánh giá RLSV cấp Khoa chậm nhất 3 ngày sau khi họp lớp. Cấp Khoa sau khi họp xét đánh giá sẽ thông báo kết quả đánh giá RLSV cho CVHT và người học, đồng thời sẽ tiếp nhận ý kiến phản hồi khiếu nại của người học trong thời gian 20 ngày. Sau đó, kết quả đánh giá RLSV sẽ được chuyển lên Hội đồng đánh giá RLSV cấp Trường để thẩm định. Căn cứ các kết quả họp xét đánh giá, thẩm định, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định công nhận kết quả đánh giá RLSV.

Đối với học phần ĐATN, điểm đánh giá học phần ĐATN bao gồm điểm đánh giá quá trình làm ĐATN (tỷ trọng 30%) và điểm thi kết thúc học phần ĐATN (tỷ trọng 70%), sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ (A+ đến F) theo Điều 22 của quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03]. Điểm học phần ĐATN được tính vào ĐTBCTL của toàn khóa học. Việc xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 của quy chế đào tạo đại học. Trong đó, bằng tốt nghiệp đại học được xếp hạng theo ĐTBCTL toàn khóa: Loại Xuất sắc (điểm TBCTL = 3,60 đến 4,00); Loại Giỏi (điểm TBCTL = 3,20 đến 3,59); Loại Khá (điểm TBCTL = 2,50 đến 3,19); Loại Trung bình (điểm TBCTL = 2,00 đến 2,49).



Điểm tổng kết của sinh viên trong cả quá trình học tập tại trường (và ngành KTĐ) được tổng hợp từ điểm của tất cả các học phần với các phương pháp đánh giá và các tiêu chuẩn khác nhau. Các kết quả điểm của mỗi học phần sẽ được nhập vào hệ thống thông tin của trường và được truyền trực tiếp tới sinh viên qua các tài khoản cá nhân. Thông qua đó sinh viên nhanh chóng có được thông tin về kết quả học tập của mình. **[H5.05.02.05]**. Ngoài ra các CVHT truyền đạt các thông tin trực tiếp tới SV.

### *2. Điểm mạnh*

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành KTĐ là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

### *3. Điểm tồn tại*

Không có.

### *4. Kế hoạch hành động*

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

### **Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

#### *1. Mô tả*

Nội dung của đánh giá của các học phần theo các CDR cần bao gồm cả các phần lý thuyết và bài tập, được tổ chức dưới nhiều dạng khác nhau:

+ Bài thi cuối kỳ thể hiện các chuẩn đầu ra mong muốn trong khi nội dung của chương trình được thể hiện trong các bài đánh giá quá trình bao gồm nội dung của các bài tập, các bài thực hành, các bài kiểm tra giữa kỳ. Giảng viên có thể sử dụng nhiều hình thức thi, kiểm tra khác nhau để đánh giá sinh viên; ví dụ như thi tự luận, vấn đáp, chấm điểm kết quả bài thực hành, quyền báo cáo thực tập... Phương pháp đánh giá, thi, kiểm tra được mô tả cụ thể, rõ ràng trong đề cương chi tiết của học phần và được công bố tới sinh viên viên vào buổi học đầu tiên của học kỳ.

+ Điểm đánh giá của mỗi học phần bao gồm hai thành phần: điểm quá trình và điểm thi kết thúc. Nội dung đánh giá và phương pháp đánh giá phản ánh yêu cầu của chuẩn đầu ra môn học, và cũng là cùng cấu thành chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo. Các phương pháp đánh giá, tỉ lệ thành phần của các điểm được thực hiện theo quy chế đào tạo của nhà trường và quy định của đề cương của từng học phần. **[H5.05.01.01, H5.05.01.02, H5.05.01.03]**

+ Các kiến thức thực hành và kỹ năng nghề nghiệp được đánh giá thông qua hoạt động thuyết trình, viết báo cáo, thực hành trong các phòng thực hành hoặc trong các kỳ thực tập tốt nghiệp. **[H5.05.03.01]**

+ Quá trình đánh giá những kỹ năng trình bày và trả lời phỏng vấn được thực hiện thông qua hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp. Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp của ngành Kỹ thuật Điện thông có tối thiểu 4 thành viên gồm các giáo viên trong bộ môn kết hợp với đại diện doanh nghiệp, công ty bên ngoài trường. Việc đa dạng thành viên hội đồng chấm tốt nghiệp sẽ đem lại sự đánh giá khách quan đối với chất lượng đồ án tốt nghiệp của sinh viên. **[H5.05.03.02]**

Phương pháp đánh giá bao hàm các mục tiêu của học phần:

+ Các phương pháp đánh giá bao trùm toàn bộ các mục tiêu chính của các học phần từ lý thuyết tới thực hành và ý thức của sinh viên, các mục tiêu này được thể hiện qua các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Phản hồi của sinh viên về phương pháp đánh giá cho thấy những đánh giá tích cực về phương pháp đánh giá, thi. **[H5.05.01.13]**

+ Các học phần được mô tả chi tiết về mục tiêu, các học phần tiên quyết, học phần song hành, các nội dung về lý thuyết cũng như thực hành được xây dựng gắn gũi với thực tiễn giúp sinh viên đáp ứng được những yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình đào tạo, khả năng đáp ứng các mục tiêu của các học phần cũng như chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện qua các kết quả đánh giá. Mức độ hiểu, nắm bắt được nội dung chương trình của sinh viên được thể hiện qua mức đánh giá qua hay không qua môn học. Ngoài ra thang điểm đánh giá còn phản ánh khả năng hiểu và vận dụng, khả năng thực hành những kỹ năng nghề nghiệp ... **[H5.05.01.09]**

Các tiêu chuẩn được sử dụng trong đánh giá là rõ ràng, phù hợp và công bằng:

+ Các tiêu chuẩn trong đánh giá người học là rõ ràng, minh bạch, được quy định tại Quy chế đào tạo của Trường Đại học Giao thông Vận tải **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.01.03]**. Cụ thể, sinh viên phải có điểm trung bình là 4 trên thang điểm 10 từ các điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Riêng với học phần đồ án tốt nghiệp, sinh viên phải có điểm bình quân của các điểm của giáo viên hướng dẫn, điểm phản biện đồ án và điểm bảo vệ trước hội đồng từ 5 điểm trên thang điểm 10.

+ Đề thi kết thúc học phần phải có ký duyệt của trưởng bộ môn, bài thi phải có đáp án với thang điểm rõ ràng. Số lượng đề thi phải đảm bảo không nhỏ hơn 5 đề thi/ lớp thi. Với số lượng này đề thi của sinh viên sẽ đảm bảo không giống với của các sinh viên ngồi kế bên. **[H5.05.03.03]**

+ Với học phần đồ án tốt nghiệp, sinh viên được thông báo chi tiết các quy định về quy tắc trình bày đồ án tốt nghiệp; cách thức báo cáo đồ án tốt nghiệp: dưới dạng bản powerpoint, các bản vẽ kỹ thuật in giấy A0, cách thức trình bày các mô hình kỹ thuật ... đều được thông tin tới sinh viên. **[H5.05.03.04]**

+ Quy trình thi kết thúc học phần được qui định rõ ràng trong quy chế đào tạo của Trường. Cụ thể số lượng sinh viên trong một phòng thi, số lượng giáo viên trông thi tối thiểu là 2 giáo viên cho 1 lớp thi. Khi số lượng sinh viên lớn hơn 80, số giáo viên trông thi là 3. Giáo viên chủ động sắp xếp bố trí vị trí và thứ tự ngồi của sinh viên trong phòng thi để đảm bảo khoảng cách giữa các sinh viên. Khi có nhiều lớp thi cùng một môn học phần, thời gian thi của các lớp này sẽ được Phòng Đào Tạo bố trí trong cùng một buổi thi.

+ Bài thi của sinh viên được chấm bởi 2 giáo viên chấm thi. Kết quả được nhập vào bảng điểm, bảng điểm được lưu tại bộ môn, văn phòng khoa và phòng đào tạo. Điểm thi phải được công bố tới sinh viên trong 10 ngày kể từ ngày thi, điều này nhằm tạo điều

kiện cho sinh viên có thời gian khiếu nại về các kết quả thi của mình. Bài thi của sinh viên phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu 2 năm [H5.05.03.10].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác đánh giá KQHT thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các chuyên ngành trong CTĐT ngành KTĐ.

## *3. Điểm tồn tại*

Thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ tháng 1/2017, ngành KTĐ sẽ nghiên cứu thay đổi bộ đề thi và cách ra đề thi để đánh giá thực chất KQHT của SV.

## *5. Tự đánh giá:*

**Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.**

## **Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

### *. Mô tả*

- Các bài tập được giải và công bố đáp án trong thời gian trên lớp nhằm giúp sinh viên nhanh chóng nhận định được vấn đề, điều chỉnh phương pháp học để có được kết quả nhận thức tốt hơn. **[H5.05.04.01]**

- Kết quả của những bài kiểm tra giữa kỳ được công bố ngay cho sinh viên, cùng với các phương pháp giải quyết được chữa bởi giáo viên hoặc được thảo luận trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên. Điều này giúp sinh viên nhận ra và sửa chữa những sai lầm đã mắc phải trong bài kiểm tra cũng như những lỗi trong quá trình học.

- Văn phòng khoa, phòng đào tạo đặt ra yêu cầu giáo viên cập nhật nội dung kết quả thi của sinh viên lên trang thông tin đào tạo trong thời gian không quá 10 ngày từ ngày thi. **[H5.05.04.02]**

- Sau mỗi học kỳ, kết quả thi của các học phần được cập nhật ngay khi có kết quả tới tài khoản cá nhân của mỗi sinh viên. Thời gian cập nhật kết quả thi không quá 10 ngày kể từ ngày thi. Do đó sinh viên có đầy đủ thời gian để khiếu nại về kết quả thi của mình.

- Hàng năm Khoa và Trường đều tổ chức các buổi gặp mặt sinh viên của các khóa khác nhau. Đây là diễn đàn mà sinh viên có thể trao đổi kinh nghiệm và kết quả học tập với nhau, và với các thầy cô quản lý của Khoa và Trường **[H5.05.04.03]**. Ngoài ra cố vấn học tập là kênh mà sinh viên có thể trực tiếp trao đổi về các vấn đề liên quan đến các kết quả đánh giá học tập của mình. Cố vấn học tập là giáo viên phụ trách lớp có nhiệm vụ thường xuyên gặp gỡ lớp sinh viên, trực tiếp hoặc gián tiếp qua các công cụ trực tuyến, nhằm định hướng, giải đáp các vấn đề của sinh viên trong quá trình học tập.

- Sinh viên có thể trao đổi các vấn đề về học tập của mình với Phòng hỗ trợ sinh viên hoặc trực tiếp với văn phòng Khoa.

### *2. Điểm mạnh*

KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Nhà trường, KhoaVTKT đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống

văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

### *3. Điểm tồn tại*

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

### *4. Kế hoạch hành động*

Trong năm học 2016 - 2017, Nhà trường đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ KQHT và hoạt động đào tạo.

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

## **Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

### *1. Mô tả*

- Theo quy trình khảo thí, các Bộ môn phải hoàn thành công tác chấm thi và chuyển điểm về cho Phòng ĐTDH, Văn phòng khoa Đ-ĐT, Phòng Khảo thí và ĐBCLĐT trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận túi bài thi về chấm [H5.05.01.03]. Sau đó, kết quả học tập của người học được thông báo công khai, rõ ràng đến tài khoản học tập của từng SV, qua đó sinh viên dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đồng thời tiến hành khiếu nại kết quả học tập khi cần thiết.

- Sau khi nhận được kết quả thi, nếu cảm thấy kết quả chưa phù hợp, người học thực hiện quyên phúc khảo bài thi như sau:

+ Đối với các môn thi vấn đáp, ĐAMH, làm bài thi trên máy tính, SV liên hệ với GV giảng dạy hoặc bộ môn phụ trách để khiếu nại theo mẫu đơn xin phúc tra bài thi [H5.05.05.01]. Trong trường hợp thay đổi điểm, Bộ môn phải giải trình và được phòng Thanh tra-pháp chế xác nhận trước khi công nhận điểm cho người học.

+ Đối với các môn thi tự luận, Bộ môn phụ trách bố trí GV chấm phúc khảo đảm bảo không trùng với các GV đã chấm bài trước đó [H5.05.05.02]. Các bài thi có sự thay đổi điểm sẽ được dán công khai tại phòng KT&ĐBCLĐT và trên Website của Nhà Trường sau 15 ngày tính từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo. Đối với bài thi có sự thay đổi điểm, GV phải có giải trình lý do thay đổi điểm với Phòng Thanh tra-pháp chế.

+ Phòng Thanh tra-pháp chế có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình phúc khảo và các thay đổi điểm thi sau khi phúc khảo [H5.05.05.03], [H.05.05.04].

- Hàng năm Trường và Khoa Đ-ĐT đều thực hiện lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy và học tập, đối tượng khảo sát bao gồm cả sinh viên đang theo học và sinh viên đã tốt nghiệp, đây là một kênh thông tin giúp sinh viên phản ánh về chất lượng thực hiện đánh giá kết quả học tập của mình. [H5.05.01.13].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành quy trình khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Người học chưa thực sự được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT.

4. *Kế hoạch hành động*

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.



### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5***

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành KTĐ được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Tuy nhiên, việc tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT của người học chưa thực sự dễ dàng.

Với 05 tiêu chí của tiêu chuẩn 5, ngành KTĐ tự đánh giá có 02 tiêu chí đạt với mức điểm 4/7 và 03 tiêu chí đạt với mức điểm 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đạt.

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Trong mỗi trường đại học, đội ngũ GV luôn là lực lượng nòng cốt giữ vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, chính vì vậy việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV của Nhà trường luôn phải chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhằm tăng cường đội ngũ GV cho các chuyên ngành đào tạo, đảm bảo số lượng và chất lượng để có thể truyền đạt kiến thức trong CTĐT cho người học một cách đầy đủ và hiệu quả.

Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, tổ chức NCKH, CGCN và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển ngành GTVT và kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần một lực lượng GV có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm.

Đội ngũ GV của ngành KTĐ là lực lượng chủ chốt trong quy trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho nền kinh tế quốc dân nói chung và cho ngành KTĐ nói riêng. Chất lượng của đội ngũ GV quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo ra của ngành KTĐ.

Ngành KTĐ có đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

**Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

Trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2008 - 2020 và trong dự thảo chiến lược giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, Trường đã xây dựng kế hoạch dài hạn về quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực, trong đó đội ngũ giảng viên [H6.06.01.01]. Khi triển khai thực hiện, để đáp ứng được yêu cầu công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, chiến lược phát triển nguồn nhân lực này được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật và cụ thể hóa cho từng giai đoạn 2008-2015, 2016-2020 và 2020-2030. Công tác phát triển nguồn nhân lực được thực hiện không chỉ về chiều rộng mà còn cả chiều sâu như nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực [H6.06.01.02]. Về chiều rộng bao gồm giảng viên, viên chức hành chính, cán bộ khoa học công nghệ, cán bộ quản lý và trên tất cả các khâu, từ khâu tuyển dụng [H6.06.01.03]; đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.01.04]; sử dụng [H6.06.01.05]; đánh giá [H6.06.01.06], đề bạt [H6.06.01.07] đến giải quyết chế độ chính sách [H6.06.01.08]. Thực hiện mục tiêu phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2025 tầm nhìn năm 2030 đặt ra trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Trường đã ban hành những văn bản cụ thể để triển khai công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên như: Quy định tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên của Trường [H6.06.01.09], Kế hoạch đánh giá viên chức hàng năm của Trường [H6.06.01.10]. Các quy định này được áp dụng trong toàn trường với tất cả các ngành nghề, trong đó có Khoa Điện – Điện tử và Bộ môn Kỹ thuật điện.

Tính đến tháng 31/07/2022 số lượng cán bộ - GV trong Khoa ở Hà nội hiện là 56 người (trong đó có 01 GS, 07 PGS, 25 TS, 15 ThS, 01 CV, 05 nghiên cứu sinh (NCS) trong nước, 03 ở nước ngoài, 02 đi học sau TS). Số lượng TS hiện chiếm tỷ lệ 58.92 trong tổng số GV của Khoa. Độ tuổi trung bình GV của Khoa là 44 tuổi (Tuổi từ 33 tuổi đến 62 tuổi)

Thống kê lực lượng cơ hữu, thỉnh giảng và thống kê **trình độ GV của Khoa** được nêu ra trong bảng 1 và 2.

**Bảng 2.6.1: Thống kê lực lượng cơ hữu, thỉnh giảng (đến 31/07/2022).**

TT	BỘ MÔN	TỔNG SỐ GV tại Hà Nội		GV CƠ HỮU		THỈNH GIẢNG	
		Trong nước	Nước ngoài	Hà Nội	Phân hiệu	Hà Nội	Phân hiệu
1	<b>Kỹ thuật điện</b>	10		10	01		
2	<b>Kỹ thuật điện tử</b>	10		10	02		

3	<b>Kỹ thuật thông tin</b>	3	3	03			
4	<b>Kỹ thuật viễn thông</b>	12	2	11	03	02	
5	<b>Điều khiển học</b>	12		12	02		03
6	<b>Điều khiển &amp; TDH GT</b>	4		04	0		
	<b>Tổng</b>	<b>52</b>	<b>05</b>	<b>51</b>	<b>08</b>	<b>02</b>	<b>03</b>

**Bảng 2.6.2: Thống kê trình độ GV tại Khoa Điện – Điện tử (đến 01/07/2021).**

STT	Bộ môn	Tổng số GV	Trình độ GV					NCS		Đi học sau TS
			GS	PGS	TS	ThS	Đ H	Tro ng nướ c	Ngoài nước	
1	<b>Kỹ thuật điện</b>	10		1	6	2		1		
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>70%</b>								
2	<b>Kỹ thuật điện tử</b>	10		2	5	2		1		
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>70%</b>								
3	<b>Kỹ thuật thông tin</b>	6			2	2				1
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>33.33%</b>								
4	<b>Kỹ thuật viễn thông</b>	14		1	5	5		2	1	1
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>42.85%</b>								
5	<b>Điều khiển học</b>	12	1	2	6	2		1		
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>75%</b>								
6	<b>Điều khiển &amp; TDH GT</b>	4		1	1	2				
	<b>Tỷ lệ TS</b>	<b>50%</b>								
<b>Tổng cả Khoa</b>		<b>56</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>25</b>	<b>15</b>		<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>
<b>Tỷ lệ TS</b>		<b>58.92%</b>								

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước, được đề cập trong Đề án vị trí việc làm của Trường **[H6.06.01.11]**. Theo 10 bước của quy trình thực hiện trong Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường, các tiêu chí về khung năng lực vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm cũng như bản mô tả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi vị trí việc làm đều được xác định và được phổ biến công khai **[H6.06.01.12]**.

Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trường xác định rõ các tiêu chuẩn chung, các tiêu chí cụ thể yêu cầu năng lực chuyên môn của mỗi vị trí tuyển dụng **[H6.06.01.13]** theo quy định của Nhà nước, phù hợp với thực tế của Trường, đáp ứng được yêu cầu của đơn vị. Yêu cầu về năng lực chuyên môn của vị trí tuyển dụng đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức của Trường Đại học Giao thông Vận tải **[H6.06.01.14]**. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng dựa theo nhu cầu thực tế của các đơn vị thông qua việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng. Đối với khối giảng dạy, Trường bộ môn căn cứ khối lượng đào tạo được giao, thực trạng đội ngũ giảng viên hiện có để đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng. Kế hoạch tuyển dụng này đều được thông báo công khai đến toàn thể CBVC thông qua Hệ thống văn phòng điện tử và website của Trường **[H6.06.01.15]**. Ngoài ra, Trường còn gửi đăng thông tin tuyển dụng công khai trên báo và gửi văn bản đến các cơ sở giáo dục đại học khác để có thể thu nhận được nhiều hồ sơ ứng viên có chất lượng **[H6.06.01.16]**. Cán bộ, viên chức, ứng viên nắm bắt được thông tin nhanh và chính xác đã tạo thuận lợi cho Trường tổ chức các nội dung theo quy trình tuyển dụng nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, tạo được sự hài lòng của các bên có liên quan. Năm 2015, Trường thực hiện đợt tuyển dụng với 39 chỉ tiêu, trong đó 29 chỉ tiêu dành cho khối giảng dạy và 10 chỉ tiêu khối hành chính. Từ năm 2016 đến năm 2021, Trường không tổ chức tuyển dụng mới do đội ngũ giảng viên hiện có đáp ứng cơ bản được khối lượng đào tạo. Năm 2022 trường tuyển bổ sung 15 chỉ tiêu đối với khối giảng dạy, trong đó tuyển được 14 giảng viên **[H6.06.01.17]**

Hàng năm, Trường đều ban hành và triển khai kế hoạch đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.01.18]**, đối với khối giảng viên thì việc đánh giá thực hiện ở 3 cấp (Bộ môn, Khoa và Trường). Các tiêu chí đánh giá viên chức theo quy định của Đảng, Nhà nước, được thông báo công khai **[H6.06.01.19]** và quá trình đánh giá có sự tham gia của tất cả các viên chức, lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo Trường.

Công tác đánh giá, lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm tại Trường không những phải tuân thủ theo các quy định chung về công tác bổ nhiệm cán bộ của Đảng và Nhà nước, của Bộ GDĐT mà còn phải thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị của Trường **[H6.06.01.20]**

Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường được xây dựng theo các quy định của Đảng và Nhà

nước, hướng dẫn của Bộ GDĐT; được xây dựng, ban hành, phổ biến rộng rãi và triển khai [H6.06.01.21].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên khoa Đầu tư đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Trong số đó có nhiều giảng viên có trình độ và kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở chủ trương của Trường, Khoa cũng đẩy mạnh, khuyến khích đội ngũ GV nâng cao năng lực giảng dạy bằng ngoại ngữ, áp dụng các phương pháp và kiến thức của các nước tiên tiến vào công tác đào tạo và NCKH đáp ứng tốt CDR của CTĐT

Để nâng cao chất lượng của giảng viên trên toàn trường, nhà trường luôn chú trọng đến công tác quy hoạch đội ngũ GV đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đẩy mạnh hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng phù hợp với sứ mạng của trường. Khoa Đầu tư với đội ngũ giảng viên tâm huyết, năng lực chuyên môn tốt cũng gặt hái được những thành tích cao trong giảng dạy và NCKH.

## **3. Tồn tại**

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của ngành KTĐ còn mỏng, chưa tương xứng với quy mô đào tạo của ngành. Do giới hạn quy hoạch nhà trường

## **4. Khắc phục**

Trong thời gian tới, khoa sẽ làm việc với phòng TCCB để có kế hoạch tuyển dụng các giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, phẩm chất tốt.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng.**

Từ năm 2009 đến nay, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, trường ĐH GTVT hàng năm công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát. Số lượng GV của Khoa Điện-Điện tử là 52 người [H6.06.02.01]. Hiện nay số lượng GV đảm nhận giảng dạy ngành KTĐ có 01 PGS, 12 TS, 15 ThS và 01 NCS ngoài nước. Số lượng người học CQ toàn khoa Điện-Điện tử là VPK SV, trong đó số lượng SV ngành KTĐ là ? SV. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ SV/GV CQ quy đổi của ngành KTĐ là ?.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV trường ĐH GTVT được thực hiện theo quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV, thông tư 47/2014/TT-BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với GV và thông tư 2018 về việc quy đổi tỷ lệ GV/SV. Hiện nay các GV phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 270 tiết/năm và về NCKH là 145 tiết/năm đối với GVCC, GVC, GV. Định kỳ hàng tháng và mỗi năm học việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác được các đơn vị trong trường thực hiện thông qua đánh giá kết quả hoạt động để hưởng thu nhập tăng thêm và xếp loại thi đua [H6.06.02.02].

Công tác quản lý GV ngoài BM KTĐ, khoa Điện-Điện tử trực tiếp quản lý thì còn có các đơn vị Ban thanh tra, Ban quản lý giảng đường, phòng KHCN, SV cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của nhà trường, Khoa, Ngành ngày càng được nâng cao hơn.

**Bảng 2.6.3: Số lượng cán bộ học thuật và FTE của họ trong 5 năm gần nhất**

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng TS
			Số lượng	FTEs	
PGS	1				
GV toàn thời gian	10				
GV không toàn thời gian	0	0	0	0	0
GS/GV thỉnh giảng					

Tổng số					
---------	--	--	--	--	--

Tổng số giờ giảng trung bình/ 1GV: ? tiết; giờ chuẩn 270, FTE/1GV:

Tổng số giờ giảng trung bình (GS,PGS)/ 1GV: ? tiết; giờ chuẩn 270, FTE/1GV:

**Bảng 2.6.4: Định mức giờ chuẩn giảng dạy theo hệ số thu nhập tăng thêm (QC chi tiêu nội bộ)**

TT	Hệ số thu nhập tăng thêm	GVCC (Hạng I)	GVC (Hạng II)	GV (Hạng III)
1				
2				
3				

Một số thành tựu trong NCKH của GV bộ môn Kỹ thuật điện:

**Bảng 2.6.5. Số lượng bài báo và báo cáo khoa học**

Năm	Trong nước Quốc tế					Tổng cộng	Số lượng xuất bản bình quân trên cán bộ học thuật
	Tạp chí Hội nghị, Hội thảo	Trong danh mục SCI/SCIE	Trong danh mục SCOPUS	Quốc tế khác	Hội nghị, Hội thảo		
2017-2018	19		2				
2018-2019	10		1				
2019-2020	10		1				
2020-2021	15		5				
2021-2022	15		5				

**Bảng 2.6.6. Số lượng đề tài NCKH các cấp**

TT	Phân loại đề tài	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
1	Đề tài cấp NN	1						
2	Đề tài cấp Bộ	1				3	4	
3	Đề tài cấp Trường	5	3	3	3	2	16	
	Tổng	7	3	3	3	5	20	

**Bảng 2.6.7. Số lượng sách chuyên khảo, giáo trình**

TT	Số lượng giáo trình bài giảng	Loại giáo trình/chuyên khảo	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
1	2			2017-2018
2	0			2018-2019
3	0			2019-



				2020
4	3			2020-2021
5	3			2021-2022

## **2. Điểm mạnh:**

Tỉ lệ GV/NH đảm bảo đáp ứng nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa có đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên, kiêm nhiệm, thỉnh giảng có năng lực, chuyên môn cao, tâm huyết, có trách nhiệm tham gia giảng dạy đảm bảo cho SV ngành Kỹ thuật điện. Khoa luôn kết hợp Đới chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan đến lĩnh vực đào tạo, tạo điều kiện tốt nhất cho người học để nâng cao kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động. Theo quy định chung của trường, Khoa Đầu tư luôn tuân thủ đánh giá GV phục vụ cho cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thực hiện đúng và

## **3. Tồn tại**

Mặc dù Khoa đã thu hút các giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng có chuyên môn chuyên sâu, năng lực giảng dạy tốt dạy cho chuyên ngành; Tuy nhiên đội ngũ GV thỉnh giảng từ các Viện Nghiên cứu, doanh nghiệp còn hạn chế

## **4. Khắc phục**

Khoa và Bộ môn đồng thời đẩy mạnh việc ký kết hợp tác, mời các chuyên gia từ các Viện Nghiên cứu, doanh nghiệp tham gia giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm kiến thức chuyên môn Kỹ thuật điện

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Nhà trường, Khoa có kế hoạch bổ sung đội ngũ giảng dạy, với các yêu cầu về tiêu chuẩn để đảm bảo chất lượng được thể hiện rõ trong các thông báo tuyển dụng [H6.06.03.01].

Chính vì vậy để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng. Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm GV của trường ĐH GTVT phải đảm bảo các quy định chung quy định tại điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và điều 4 của nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đó là có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển (quốc tịch, sức khỏe, lí lịch...) và các tiêu chuẩn cụ thể khác do nhà trường quy định. Các quy định khác này được xác định dựa trên những đề xuất của BM KTĐ có nhu cầu tuyển dụng như tốt nghiệp từ loại khá, giới trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo ngành KTĐ và ưu tiên những trường hợp có trình độ thạc sỹ (ThS), TS (TS). Các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách (CS) của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐH GTVT; Quy định quyền và nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, cán bộ quản lý Trường đại học GTVT. Với viên chức làm GV thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 2/6, có trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản và phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: **mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 đơn vị học trình của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong số 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Ban chấm thi [H6.06.03.02].**Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn GV nói trên đều được nhà trường công bố công khai bằng công văn, trên website và các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại phòng tổ chức cán bộ. Cho đến thời điểm hiện nay Nhà trường không nhận được bất cứ ý kiến nào đánh giá về tiêu chí lựa

chọn GV của trường ĐH GTVT là không rõ ràng và không công khai.

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của trường và niêm yết tại Phòng Tổ chức cán bộ. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch **[H6.06.03.03]**.

Trong quá trình công tác, các GV được học tập nâng cao trình độ, tham gia đánh giá nâng ngạch, bậc **[H6.06.03.04]** và được bổ nhiệm vào ngạch cao hơn nếu đạt yêu cầu **[H6.06.03.05]**.

Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được trường thực hiện định kỳ theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2030 **[H6.06.03.06]**.

Việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý của trường được tiến hành đúng theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc trường ĐH GTVT **[H6.06.03.07]**. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý nhận được phản hồi tích cực từ phía tập thể GV trong nhà trường thông qua hội nghị tổng kết năm học và đối thoại với hiệu trưởng nhà trường; để đáp ứng các yêu cầu mới, quy chế bổ nhiệm cũng được đổi mới, cập nhật **[H6.06.03.08]**.

## **2. Điểm mạnh**

Tiêu chí tuyển dụng GV của trường ban hành rất rõ ràng, chi tiết và công khai. Đây là cơ sở để khoa Đầu tư vận dụng phù hợp với chiến lược phát triển và công tác tuyển dụng GV của Khoa. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý Khoa, bộ môn được Khoa tuân thủ thực hiện và đúng quy trình của Nhà trường. Giảng viên tuyển chọn có trình độ và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu của Bộ môn, Khoa và Trường. Công tác tuyển dụng được Trường, Khoa chú trọng và gắn với định hướng phát triển của CTĐT

## **3. Tồn tại**

Quy chế tuyển dụng vẫn chưa linh hoạt chưa thực sự khuyến khích được cơ hội tuyển dụng một số ứng viên chất lượng cao và thực sự phù hợp với từng ngành đào tạo

#### **4. Khắc phục**

Khoa và Bộ môn đề xuất với trường tuyển dụng các giảng viên cần linh hoạt hơn khuyến khích được cơ hội tuyển dụng một số ứng viên chất lượng cao và thực sự phù hợp với từng ngành đào

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)**

## **Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá.**

### **1. Mô tả**

Việc đánh giá năng lực đối với GV của Nhà trường được thực hiện theo nhiều hình thức và qua nhiều kênh đánh giá khác nhau, cụ thể như GV được đánh giá sau khi kết thúc giảng dạy mỗi học phần thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về môn học, kết quả đánh giá được phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí tổng hợp và thông báo về Khoa sau mỗi học kỳ để GV có dịp nhìn nhận lại kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của bản thân trong năm học đồng thời cũng giúp các cấp quản lý bộ môn và Khoa có đánh giá tổng quan về tình hình giảng dạy của GV trong toàn đơn vị để từ đó có những cải tiến trong hoạt động quản lý, điều chỉnh chiến lược phát triển cho phù hợp.

Hiện nay, nhà trường không có chức danh nghiên cứu viên nhưng việc NCKH, CGCN và các nhiệm vụ lao động sản xuất (LĐSX) thuộc về GV và đó cũng là một trong hai nhiệm vụ chính của GV của trường ĐH GTVT. Năng lực của người GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH.

- Về năng lực sư phạm, bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; Năng lực đánh giá; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục; Năng lực tổ chức.

- Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; Năng lực tư duy; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; Năng lực viết báo cáo khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Đối với trường ĐH GTVT nói chung, khoa Điện- Điện tử và các GV giảng dạy của ngành KTD nói riêng thì năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy chi tiết, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT và tư vấn học tập. Công tác CVHT của GV hằng năm được đánh giá thể hiện sự qua tâm của Khoa, BM đối với công tác SV, đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo SV **[H6.06.04.01]**.

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, trường ĐH GTVT thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng NVSP [H6.06.04.02]. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Đánh giá GV được nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, GV của trường ĐH GTVT một cách công bằng và khách quan. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để BM đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó kết quả đánh giá này được đánh giá tiếp bởi Khoa và nhà trường. 100% các GV ngành KTĐ được Khoa, nhà trường đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.03].

**Bảng 2.6.8: Tổng hợp kết quả thi đua, khen thưởng của Bộ môn Kỹ thuật điện từ năm 2017-2018 đến 2021-2022 (Kiểm định trường)**

Năm	Danh hiệu thi đua cấp trường		Danh hiệu khen cao (Cấp bộ, ngành)		Khen thưởng đột xuất		Ghi chú
	CSTĐCS	LĐTT	CSTĐ cấp Bộ	Bằng khen	Cấp trường	Cấp Bộ, ngành, thành phố	
2017 - 2018	02	05			02	01	
2018 - 2019	03	05			02	01	
2019 - 2020	02	06	01		02		
2020 - 2021	02	01			05	01	
2021 - 2022	02	08			06		

## **2. Điểm mạnh**

Trường có các quy định rõ ràng về tiêu chí đánh giá năng lực đối với giảng viên. Công tác đánh giá năng lực của giảng viên tại Khoa Đầu tư được thực hiện đúng quy định của trường nhằm đảm bảo phản ánh đúng thực tế năng lực của giảng viên và là căn cứ để đưa ra chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho giảng viên, khuyến khích họ đóng góp nhiều hơn trong công việc. Năng lực của GV được xác định rõ ràng và được GV tự đánh giá khách quan theo các tiêu chuẩn của Nhà trường quy định. Dựa trên căn cứ về năng lực và kết quả làm việc để đánh giá GV, bình bầu thi đua; đồng thời với đề án vị trí việc làm, đội ngũ giảng viên luôn có ý thức tự hoàn thiện, không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy, NCKH và tham gia các hoạt động cộng đồng của mình

## **3. Tồn tại**

Một số giảng viên lớn tuổi, dù có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng giảng dạy tốt, song tiếng Anh và tin học lại chưa thành thạo, đặc biệt trong bối cảnh CMCN 4.0. Đây cũng là những khó khăn gặp phải không chỉ ở Khoa Điện Điện tử mà còn ở các Khoa Viện, đơn vị khác của trường.

## **4. Khắc phục**

Khoa và Bộ môn đề xuất với Trường có thể tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho các GV có thể tự đào tạo để nâng cao trình độ tiếng Anh, tin học cho đội ngũ GV lớn tuổi; để GV có thể có năng lực nghiên cứu tốt, giảng dạy và tiếp cận các CTĐT bằng tiếng Anh, chương trình tiên tiến, chất lượng cao, các chương trình liên kết quốc tế cũng như tham gia các chương trình trao đổi giảng dạy, hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế....

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

### **1. Mô tả**

Hầu hết các GV được tuyển dụng vào trường nói chung và khoa Điện-Điện tử, ngành KTD nói riêng đều là những người có trình độ do đó nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn là hoàn toàn chính đáng. Điều này phù hợp với quy định của Nhà nước về việc GV phải có trình độ ThS trở lên khi giảng dạy đại học và phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Nhà trường khuyến khích GV đi học tập, nâng cao trình độ. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 50% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức học phí cùng bậc học của trường [H6.06.05.01].

Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu phát triển trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể: phấn đấu đến năm 2020 có 1200 cán bộ viên chức trong đó 900 GV, về trình độ: 10 - 12% GV có học hàm GS, PGS; 30 - 40% GV có trình độ TS; 50% GV có trình độ ThS. Các GVBM, Khoa Điện-Điện tử trong giai đoạn 2017-2022 có ? GV được phong học hàm PGS [H6.06.05.02].

Ngoài được đào tạo về chuyên môn, các GV cũng được nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý bởi tham dự các khóa học về nghiệp vụ quản lý; lý luận chính trị [H6.06.05.03]; được học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ [H6.06.05.04].

**Bảng 2.6.9: Bảng thống kê số lượt CBGV của Bộ môn Kỹ thuật điện được Nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm ( NCS, Ths, CCCT, PPGD, ANQP, Ngoại ngữ.....)**

<b>Các năm</b>	<b>LLCT</b>	<b>Cao học</b>	<b>NCS</b>	<b>Bồi dưỡng tập huấn</b>	<b>Học tập kinh nghiệm, hội nghị hội thảo</b>	<b>Tổng cộng</b>
2017						
2018						
2019		01		01		



2020				02	01(A.Nghĩa)	
2021						
2022			01	01		
<b>Tổng số</b>						

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và đơn vị luôn động viên khuyến khích tạo điều kiện cho đội ngũ GV, NCV tham gia các lớp đào tạo nâng cao năng lực. Cơ chế bồi dưỡng được nằm trong quyền lợi nghĩa vụ của GV, NCV nên việc đi đào tạo là bắt buộc và tất yếu. Việc khảo sát và mở các lớp đào tạo được tiến hành hàng năm tạo được tính liên tục và cập nhật với khối kiến thức GV, NCV gắn liền với CTĐT của ngành.

## **3. Tồn tại**

Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuẩn quốc tế (bao gồm cả trao đổi giảng dạy và thực hiện NCKH với các trường quốc tế mà Trường có ký kết ) cho đội ngũ giảng viên của Khoa/Viện và các đơn vị còn hạn chế.

## **4. Khắc phục**

Khoa phối hợp cùng trường rà soát nhu cầu đào tạo phát huy năng lực của GV, NCV trong bộ môn để cử đi đào tạo hàng năm. Sẵn sàng khuyến khích tạo điều kiện để GV, NCV tham gia các lớp đào tạo trong điều kiện tốt nhất.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### **1. Mô tả**

Cũng giống như các trường đại học khác trên cả nước, GV trường ĐH GTVT được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GVCC, GVC, GV là 270 tiết/năm và 145 tiết/năm), được thể hiện rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ; quy định tính giờ khoa học [H6.06.06.01]. Các GV trong khoa thực hiện đúng quy chế về đào tạo [H6.06.06.02]; chế độ làm việc của GV [H6.06.06.03], chế độ thỉnh giảng [H6.06.06.04]; quy chế làm việc của BM, Khoa [H6.06.06.05].

Đầu mỗi năm học, trưởng BM KTĐ dựa trên khối lượng giảng dạy được nhà trường giao và phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường. Cụ thể là GV có kinh nghiệm giảng học phần lý thuyết, thảo luận, các GV trẻ phụ trách nội dung bài tập, thí nghiệm, thực hành. Bên cạnh đó theo quy định của nhà trường, các GV còn phải hoàn thành các khối lượng cụ thể như: soạn bài giảng, viết bài báo, hướng dẫn NCKH SV, tham gia hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý.

Các GV của Khoa đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định, các nội quy, quy chế của Nhà trường. Hằng năm các GV của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV có các sáng kiến được công nhận [H6.06.06.06], một số GV có nhiều công bố ISI được Nhà trường khen thưởng [H6.06.06.07].

### **2. Điểm mạnh**

Với đội ngũ GV, NCV có năng lực công tác NCKH của luôn đảm bảo chất lượng và số lượng, thậm chí hoàn thành vượt mức số giờ NCKH được giao hàng năm. Trường luôn có chính sách hỗ trợ đồng viên trong giảng dạy, NCKH tạo động lực phấn đấu cho GV, NCV. Việc áp dụng quản trị theo kết quả công việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp công bằng và minh bạch.

### **3. Tồn tại**

Chưa thực hiện khảo sát đồng bộ các mặt về sự hài lòng của GV, NCV để nâng cao chất lượng công việc tốt hơn nữa. Khi áp dụng hệ thống quản trị công việc theo kết quả cần có hệ thống dữ liệu nhân sự tổng thể cập nhật thường xuyên để dễ dàng cập nhật đánh giá cá nhân, tập thể khi cần thiết.

#### **4. Khắc phục**

Khoa khảo sát chi tiết GV, NCV sau mỗi năm học hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản trị công việc theo kết quả đồng bộ với sự hài lòng về công tác thi đua khen thưởng được triển khai

#### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

**1. Mô tả**

Các hoạt động NCKH của GV trường ĐH GTVT được thực hiện theo quy định của Nhà nước và quyết định số 161/2012/QĐ-KHCN của lãnh đạo nhà trường về ban hành quy chế quản lý KH&CN, LĐSX. Theo đó hoạt động KH&CN của trường bao gồm:

- Xây dựng định hướng phát triển KH&CN cho từng giai đoạn, kế hoạch KH&CN 5 năm, hàng năm.
- Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu.
- Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao sở hữu trí tuệ.
- Ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thực hiện dịch vụ KH&CN.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành.
- Tổ chức hoạt động NCKH cho SV, học viên cao học và NCS.
- Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN.
- Xây dựng hệ thống thông tin về hoạt động KH&CN của Nhà trường.
- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm.
- Triển khai các hoạt động KH&CN khác.

Trong giai đoạn 2017-2021, với nhận thức sâu sắc về vai trò của KH&CN là một trong hai nhiệm vụ chính của GV trong một trường đại học, triển khai thực hiện kế hoạch KHCN của Nhà trường và của các Bộ GD-ĐT; Bộ GTVT và Bộ KHCN các GV của bộ môn KTĐ, Khoa Điện-Điện tử đã hoàn thành một khối lượng NCKH lớn, góp phần khẳng định uy tín và thương hiệu của Khoa và Nhà trường trước sản xuất và xã hội

**Bảng 2.6.9: Số lượng bài báo và báo cáo khoa học [H6.06.07.01]**

Năm	Trong nước					Quốc tế	Tổng cộng	Số lượng xuất bản bình quân trên cán bộ học thuật
	Tạp chí Hội nghị, Hội thảo	Trong danh mục SCI/SCIE	Trong danh mục SCOPUS					
2017-2018	19		2					
2018-2019	10		1					
2019-2020	10		1					
2020-2021	15		5					
2021-2022	15		5					

**Bảng 2.6.10: Số lượng đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.02]**

TT	Phân loại đề tài	2017	2018	2019	2020	2021	2022	Tổng
1	Đề tài cấp NN							
2	Đề tài cấp Bộ	1	0	0	0	3		4
3	Đề tài cấp Trường	5	3	3	3	2		16
	Tổng	1	0	0	0	0		1

**Bảng 2.6.11: Số lượng sách chuyên khảo, giáo trình [H6.06.07.03]**

TT	Số lượng giáo trình bài giảng	Loại giáo trình/chuyên khảo	Nơi xuất bản	Năm xuất bản
1	2			2017-2018
2	0			2018-2019
3	0			2019-2020
4	3			2020-2021
5	3			2021-2022

**2. Điểm mạnh**

Trường luôn khuyến khích động viên tạo điều kiện cho GV, NCV chủ động trong nghiên cứu khoa học. Hỗ trợ kinh phí những công trình công bố quốc tế rất phù hợp.

Trường có quy định rõ ràng về định mức hoạt động NCKH để giao và đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên. GV càng ngày càng nỗ lực và đưa chất lượng bài viết luôn được đăng trong các tạp chí uy tín.

### **3. Tồn tại**

Số lượng nhân sự công hiến cho NCKH còn bị hạn chế do các bạn trẻ đang trong thời gian học tập và bồi dưỡng chuyên môn. Cần có thêm nhiều công trình nghiên cứu mang tính thực tiễn cao phục vụ cộng đồng

### **4. Khắc phục**

Tạo điều kiện để tất cả các thành viên tham gia các đề tài nghiên cứu để tăng số lượng các ấn phẩm, giờ nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng các bài viết công trình

### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ GV của Trường được thực hiện trên cơ sở quy chế, quy định rõ ràng của Bộ và của Trường. Hệ thống văn bản đầy đủ, có hệ thống, chặt chẽ, được tiến hành thực hiện bài bản nhằm chủ động về công tác cán bộ, đảm bảo đáp ứng năng lực phù hợp chiến lược, sứ mạng và triết lý giáo dục của trường. Đội ngũ GV Khoa Điện – Điện tử đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng chuẩn ngoại ngữ, tin học, có học vị và năng lực nghiên cứu khoa học và đào tạo, tâm huyết với nghề, luôn có ý thức trau dồi kinh nghiệm trong công tác. Nhà trường đồng thời có cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở các cấp độ khác nhau, được tổ chức đánh giá rõ ràng, minh bạch, song song với các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích GV giảng dạy và NCKH. Tuy nhiên, số lượng các sản phẩm nghiên cứu còn chưa tương xứng với quy mô Trường, đội ngũ GV còn đang trong quá trình tiếp cận và thay đổi nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH mang tính quốc tế.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 7/7 tiêu chí đạt.**

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

Để đảm bảo thực hiện đúng, đủ và đạt chất lượng chương trình đào tạo thì ngoài GV còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng như phòng ĐTĐH, phòng CTCT&SV, phòng KT&ĐB, CLĐT... Nhà trường và Khoa CK chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường và khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### *1. Mô tả*

Trường ĐH GTVT gồm có các phòng ban hỗ trợ SV tại trường: Phòng ĐTĐH, phòng CTCT&SV, phòng KT&ĐBCLĐT, Trung tâm thông tin thư viện; Trung tâm ứng dụng CNTT, Trung tâm đào tạo trực tuyến. Ngoài các phòng ban còn có các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội (ĐTN, HSV) đóng một vai trò trong việc giúp SV cải thiện đời sống tinh thần, tham gia vào các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội **[H.07.01.01]**

Đội ngũ cán bộ phục vụ cũng được quy hoạch phát triển giống như đội ngũ GV thể hiện trong chiến lược phát triển đội ngũ của Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 **[H7.07.01.02]**, trong đó, viên chức khối hành chính được tuyển chọn, bố trí đúng với yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công việc, được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn để có tính chuyên nghiệp cao trong công việc, biết áp dụng các phương pháp, công cụ làm việc tiên tiến để thực hiện nhiệm vụ. Giữ tỷ lệ viên chức khối hành chính không quá 20÷30% trong tổng số cán bộ, viên chức toàn trường.

Để làm tốt công tác quy hoạch này thì Nhà trường đưa ra đề án vị trí việc làm dựa



vào đó sẽ có kế hoạch tuyển dụng hàng năm **[H7.07.01.03]** số lượng cán bộ phục vụ phù hợp với vị trí chức năng công việc. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của nhà trường có số trung bình trong 05 năm là 275.8, thống kê cho thấy số lượng cán bộ phục vụ giảm dần từ 291 năm 2017 giảm còn 267, trong khi trình độ thạc sĩ từ 81 lên 114. Bảng 2.7.1 thể hiện tỷ lệ phân bổ giữa các bộ phận. Do trong những năm gần đây áp dụng phần mềm quản lý nên hiệu quả công việc vẫn được đảm bảo.

**Bảng 2.7.1: Tỷ lệ phân bổ nhân sự giữa các bộ phận**

TT	Đơn vị	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ thư viện	5.2
2	Cán bộ phòng TN	3.8
3	Cán bộ CNTT	3.8
4	Cán bộ hành chính	79.4
5	Cán bộ trợ giúp người học	7.8

Ngoài đội ngũ cán bộ hỗ trợ chung của toàn trường thì khoa Đ – ĐT có 01 ThS làm nhiệm vụ hỗ trợ cho SV cũng như GV trong khoa có chức năng nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa: quản lý điểm thi; xét học bổng, xét ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; xét học bổng, đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV.

Ngoài ra đội ngũ CVHT của Khoa phụ trách các lớp chuyên ngành thuộc ngành KTĐ phần lớn là các GV trẻ với năng lực chuyên môn vững vàng và khả năng tư vấn tốt cho người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập **[H7.07.01.04]**, **[H7.07.01.05]**, **[H7.07.01.06]**.

CVHT sẵn sàng giải đáp các thắc mắc của sinh viên qua điện thoại, email hoặc gặp trực tiếp. Bên cạnh đó với kinh nghiệm làm CVHT của các GV, ngành, khoa đã viết quyển sổ tay CVHT gửi tới sinh viên, trong đó các câu hỏi thường gặp về học tập, chế độ chính sách, học bổng.. đều được giải đáp rõ ràng **[H7.07.01.07]**.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường, Khoa Đ-ĐT đã thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**3. Điểm tồn tại**

Không có.

**4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên để Nhà trường, Khoa Đ-ĐT, ngành KTĐ có đội ngũ nhân viên đủ quy mô, năng lực đáp ứng chất lượng đào tạo và NCKH cho Nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

## **Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### *1. Mô tả*

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước, được đề cập trong Đề án vị trí việc làm của Trường **[H7.07.01.03]**.

Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, Trường không tổ chức tuyển dụng mới do đội ngũ cán bộ hỗ trợ do số số cán bộ hỗ trợ hiện tại đáp ứng đủ nhu cầu của người học và nhà trường đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ người học. Cán bộ hỗ trợ làm việc theo chức năng nhiệm vụ của mình theo **[H7.07.02.01]** và hằng năm, Trường đều ban hành và triển khai kế hoạch đánh giá viên chức, người lao động **[H7.07.02.02]**, **[H7.07.02.03]**, **[H7.07.02.04]** đối với khối hành chính thì việc đánh giá thực hiện tại đơn vị và cấp Trường. Các tiêu chí đánh giá và các bước đánh giá viên chức được công khai **[H7.07.02.05]** và quá trình đánh giá có sự tham gia của tất cả các viên chức, lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo Trường.

Công tác đánh giá, lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm tại Trường không những phải tuân thủ theo các quy định chung về công tác bổ nhiệm cán bộ của Đảng và Nhà nước, của Bộ GD&ĐT mà còn phải thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị của Trường . Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường được xây dựng theo các quy định của Đảng và Nhà nước, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được xây dựng, ban hành, phổ biến rộng rãi và triển khai **[H.07.02.06]**.

Trong giai đoạn 2016-2022 Khoa Đ-ĐT chỉ có một cán bộ phục vụ và không có nhu cầu tuyển dụng thêm.

### *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định rõ ràng. Những nhân viên có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Không có.

### *4. Kế hoạch hành động*

Nhà trường, Phòng Tổ chức cán bộ phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên theo đúng quy định và được phổ biến công khai.

### *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

### **Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.**

#### *1. Mô tả*

Cán bộ hỗ trợ chung toàn trường cũng như cán bộ hỗ trợ của ngành, Khoa được đánh giá phân loại hàng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định mức hoàn thành **[H.07.03.01]** **[H.07.03.02]** và được giám sát thời gian làm việc bằng việc quét vân tay **[H.07.03.03]**

Hàng năm cán bộ hỗ trợ làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao. Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến. và được đánh giá, phân loại của trường đơn vị. **[H.07.03.04]**

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng tháng thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí theo quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận để nhận thu nhập tăng thêm **[H.07.03.05]**

Bên cạnh đó nhà trường còn lấy ý kiến của người học về cán bộ hỗ trợ nhằm nhận được sự phản hồi của người học để điều chỉnh cho tốt hơn **[H.07.03.06]**

#### *2. Điểm mạnh*

*Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.*

#### *3. Điểm tồn tại*

*Không có.*

#### *4. Kế hoạch hành động*

*Nhà trường, Khoa Đ-ĐT tiếp tục thực hiện việc đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên chính xác và phù hợp đối với từng đối tượng đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò là người phục vụ gián tiếp công tác giảng dạy, NCKH.*

*5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.*

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

#### *1. Mô tả*

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được xác định trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Đến năm 2023, 15% GV có học hàm GS-PGS, hơn 50% GV có bằng tiến sĩ; trên 90% cán bộ GV, trên 60% cán bộ chuyên viên sử dụng tốt một ngoại ngữ (tối thiểu đạt trình độ B2 chuẩn khung năng lực châu Âu hoặc tương đương) và thành thạo tin học trong công việc **[H.07.01.02]**.

Cũng như GV Cán bộ hỗ trợ cũng được nhà trường tạo điều kiện để đi học tập nâng cao trình độ **[H.07.04.01]**.

Công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức pháp luật, kỹ năng quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác cho CBVC được thực hiện khi có nhu cầu từ cá nhân hoặc nhu cầu công tác của mỗi đơn vị **[H.07.04.02]**, **[H.07.04.03]**.

Ngoài ra, để khuyến khích CBGV nâng cao trình độ bằng việc đi thi nâng hạng viên chức **[H.07.04.04]**.

## *2. Điểm mạnh*

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

## *3. Điểm tồn tại*

Không có.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2022 – 2023, Trường ĐH GTVT, Khoa Đ-ĐT tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.*

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### *1. Mô tả*

Cán bộ hỗ trợ cũng như GV toàn trường hằng năm được xét kết quả làm việc của một năm và đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ. Với những cán bộ hỗ trợ hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ được khen thưởng. Việc xét khen thưởng có tiêu chí rõ ràng, công khai theo

quy định hướng dẫn xét khen thưởng [**H.07.05.01**], [**H.07.05.02**], [**H.07.05.03**], [**H.07.05.04**] và có hội đồng xét minh bạch nhằm khích lệ [**H.07.05.05**].

Với những trường hợp có thành tích cao trong công việc được ghi nhận sẽ được thưởng với mức khen cao [**H.07.05.06**], [**H.07.05.07**].

Để khích lệ cán bộ phục vụ làm việc tận tâm thì nhà trường còn định kỳ xét tăng lương cho cán bộ nào có kết quả làm việc tốt [**H.07.05.06**], [**H.07.05.07**], [**H.07.05.08**].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa VTKT.

## *3. Điểm tồn tại*

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để phấn đấu đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2022 – 2023, Nhà trường sẽ có chính sách để tạo điều kiện cho các nhân viên đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## *5. Tự đánh giá*

Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

### **Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ nhân viên của Khoa Đ-ĐT, trường ĐH GTVT đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường ĐH GTVT, Khoa Đ-ĐT tạo điều kiện cũng như khuyến khích nhân viên bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa Đ-ĐT, Nhà trường.

Với 05 tiêu chí của tiêu chuẩn 7, ngành KTĐ tự đánh giá có 01 tiêu chí đạt với mức điểm 4/7, 04 tiêu chí đạt với mức điểm 5/7.



### **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Với phương châm lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo, Trường Đại học Giao thông vận tải ( ĐH GTVT) đã thực hiện nhiều đổi mới trong công tác sinh viên từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình trình đào tạo cho đến khi tốt nghiệp. Nhà trường xác định công tác hỗ trợ người học và thực hiện chế độ chính sách đối với người học đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng trong công tác tuyển sinh; đảm bảo chất lượng giáo dục hình thành nhân cách, phẩm chất, năng lực công dân; góp phần đào tạo những lớp kỹ sư giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, hiểu biết pháp luật, có trách nhiệm trong công việc, giàu lòng nhân ái, có lối sống lành mạnh, yêu tổ quốc. Nhà trường đổi mới tư duy của cán bộ, viên chức từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ đối với người học.

Có thể khẳng định rằng công tác người học của Trường ĐH GTVT trong những năm gần đây đã đi vào nề nếp, theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ GD&ĐT, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Sinh viên ngành kỹ thuật điện là sinh viên của Trường ĐHGTVT vì vậy cũng được hưởng các chế độ chính sách và sự quan tâm, giáo dục theo các quy chế, quy định chung của toàn Trường. Điều này được thấy rõ qua chính sách tuyển sinh, công tác cố vấn học tập, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục kỹ năng sống, công tác thực hiện chế độ chính sách đối với người học sẽ được mô tả chi tiết ở các tiêu chí dưới đây:



## Tiêu chí 8.1. CS tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật

### 1. Mô tả:

Kế hoạch và chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Giao thông vận tải được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển trường cho từng giai đoạn phát triển và đề án, quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo từng năm học. Ngành Kỹ thuật điện là một mã ngành đào tạo của Trường nên mọi kế hoạch, chính sách tuyển sinh của ngành thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường hàng năm trên cơ sở có đánh giá về hiệu quả đào tạo và kết quả tuyển sinh các năm trước đó.

- *Về kế hoạch:* Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đề án tuyển sinh cho các bậc hệ, chương trình đào tạo khác nhau (*bao gồm cả ngành Kỹ thuật điện*). Đối với trình độ đại học nằm trong kế hoạch tuyển sinh chung trong cả nước của Bộ GD&ĐT [H8.8.1.1]. Kế hoạch tuyển sinh được thông qua tại buổi họp thảo luận giữa lãnh đạo trường và lãnh đạo các đơn vị phòng, ban, khoa [H8.8.1.2]. Ngoài các mốc thời gian chính, Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch cụ thể về chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng bậc hệ, kế hoạch tuyển sinh từng khối, ngành [H8.8.1.3]. Để thực hiện tốt công tác tuyển sinh, ngoài việc có kế hoạch chi tiết, Nhà trường còn phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng đơn vị đối với tuyển sinh ở từng trình độ, trong đó quy định trách nhiệm cụ thể đối với mỗi đơn vị liên quan [H8.8.1.4]. Hàng năm,

Nhà trường ban hành các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh, xây dựng kế hoạch và đề án tuyển sinh trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó có phân công cụ thể nhiệm vụ của từng cá nhân trong các kỳ tuyển sinh [H8.8.1.5].

- *Về chính sách:* Hằng năm, Nhà trường xây dựng chính sách để tuyển sinh chung cho các chương trình đào tạo khác nhau (bao gồm cả ngành Kỹ thuật điện), như đối với trình độ đại học tuyển sinh trong cả nước đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT và xét điểm theo quy định về khối thi (khối A, A1) hoặc tổ hợp (A00, A01, B00, D01, D07). Chính sách tuyển sinh của Trường được thể hiện thông qua đề án và kế hoạch tuyển sinh; được xây dựng gồm các nội dung như: đối tượng tuyển sinh; thời gian tuyển sinh; quy chế tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; và chính sách cho từng khối ngành, trong đó có ngành Kỹ thuật điện. Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh của Trường theo quy định của Bộ GD&ĐT và dựa trên thảo luận về công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh. Thông tin tuyển sinh được công khai trong sổ tay “Những điều cần biết và “Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Giao thông vận tải” [H8.8.1.6], [H8.8.1.7]. Đề án tuyển sinh của Trường được xây dựng dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT; đánh giá kết quả tuyển sinh của năm trước, nhu cầu của xã hội; lấy ý kiến của các Khoa, Bộ môn thông qua các cuộc họp; lấy ý kiến của nhà tuyển dụng thông qua khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H8.8.1.2], [H8.8.1.8].

- *Về truyền thông:* Chiến lược truyền thông tuyển sinh của Trường, trong đó có ngành Kỹ thuật điện, được thực hiện dưới nhiều hình thức, tập trung truyền thông về tuyển sinh bậc đại học với các nội dung như: đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, quy trình tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, các ngành đào tạo,... với nhiều hình thức phong phú: thông qua việc tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hàng năm do Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên tổ chức [H8.8.1.9]; Ban hành những câu hỏi đáp cho thí sinh [H8.8.1.10]. Nhà trường xây dựng kế hoạch quảng bá tuyển sinh các năm thông qua việc tổ chức các đoàn cán bộ, giảng viên, sinh viên về các trường THPT tại Hà Nội và các địa phương để giới thiệu và tư vấn cho học sinh [H8.8.1.11]; in các ấn phẩm Tết như: lịch, báo nội bộ để phát cho SV và CBCNV [H8.8.1.12]; qua đài báo, truyền hình, tư vấn online trên VOV2 [H8.8.1.13]; trên website tại địa chỉ <http://ts.utc.edu.vn> và tư vấn trực tiếp (livestream) fanpage của Trường tại địa chỉ <https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiy/> [H8.8.1.14].

Kết thúc năm tuyển sinh, việc phân tích dữ liệu tuyển sinh được Nhà trường quan tâm và nghiên cứu một cách toàn diện, trong đó có phân tích dữ liệu của ngành Kỹ thuật điện để làm cơ sở đưa vào báo cáo Bộ GD&ĐT để làm căn cứ cho thực hiện và triển khai các kế hoạch năm tiếp theo [H8.8.1.15], [H8.8.1.16].



Hình 8.1.1. Tham gia tư vấn tuyển sinh tại các địa phương và theo báo tuổi trẻ

## 2. Điểm mạnh:

Kế hoạch, chính sách và công tác truyền thông tuyển sinh của Trường đại học GTVT được xây dựng khoa học, bài bản, nhất quán và tuân theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Đề án tuyển sinh của Trường được xây dựng khoa học, bài bản, có lấy ý kiến các bên liên quan (Bộ môn, Khoa, khảo sát nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát sinh viên tốt nghiệp). Đề án tuyển sinh có định lượng rõ ràng về: đối tượng, chỉ tiêu cho mỗi ngành, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển...

Công tác truyền thông tuyển sinh được đẩy mạnh, bài bản, đa dạng các phương thức.

Kết quả tuyển sinh hàng năm được tổng hợp, phân tích đánh giá làm cơ sở quan trọng cho việc xây dựng đề án tuyển sinh năm sau.

## 3. Tồn tại:

Thiết kế các ấn phẩm truyền thông và nội dung các bài viết truyền thông còn hạn chế, chưa thực sự thu hút;

Các Khoa, Bộ môn chưa chủ động hoặc thiếu năng động trong công tác tư vấn và truyền thông tuyển sinh, đặc biệt đối với ngành nghề đang thuận lợi trong công tác tuyển sinh.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc	Hình ảnh và	- Phòng CTCT&SV phụ	Từ năm học	

	phục tồn tại	thông tin phải được thiết kế chuyên nghiệp; nội dung các bài viết truyền thông cần được chú trọng hơn thông qua bộ phận truyền thông của Phòng CTCT&SV hoặc thuê các chuyên gia	trách; - Các Khoa Điện – Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện cung cấp thông tin	2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch, đề án tuyển sinh cần được xây dựng sớm hơn nữa, khoa học hơn nữa, minh bạch hơn nữa, công khai rộng rãi hơn nữa dưới các hình thức phong phú hơn nữa như thông qua zalo, tiktok...	- Phòng KT&ĐBCLĐT làm đầu mối - P.CTCT &SV, Khoa Điện – Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện phối hợp	Từ năm học 2021-2022	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 6/7**

## **Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

### **1. Mô tả:**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các cuộc họp để thảo luận, xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển cho các ngành, trong đó có ngành Kỹ thuật điện, dựa trên cơ sở những quy định của Bộ GD&ĐT và trên thực tế yêu cầu của các ngành học nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng tốt. Các tiêu chí tuyển sinh được công khai rõ ràng, minh bạch.

Đối với tuyển sinh hệ đại học, Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh [H8.8.1.6], [H8.8.1.7]. Các phương thức tuyển sinh được cập nhật để phù hợp với tính hình thực tế chung của cả nước, cụ thể:

- Năm 2017, 2018: Trường tuyển sinh theo 02 phương thức, gồm: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; và tuyển thẳng các học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế.
- Năm 2019: Trường tuyển sinh theo 03 phương thức, gồm: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ đối với 1 số ngành; và xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế.
- Năm 2020, 2021: Trường tuyển sinh theo 04 phương thức, gồm: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ với tất cả các ngành; xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế, cuộc thi KHKT; và xét tuyển kết hợp kèm các chứng chỉ tiếng anh quốc tế. Đối với phương thức xét theo tổ hợp, ngành Kỹ thuật điện được xét các tổ hợp.
- Năm 2022: Trường tuyển sinh theo 04 phương thức, gồm: xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và tuyển thẳng; xét tuyển theo kết quả học bạ; xét tuyển theo phương thức kết hợp học bạ và IELTS; xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (tại Hà Nội) và kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Quốc gia Tp. HCM tại Phân hiệu Tp.HCM.

Từ năm 2018 trở về trước, ngành Kỹ thuật điện đào tạo 01 chuyên ngành Trang thiết bị điện CN&GTVT, từ năm học 2018-2019, Trường bắt đầu tuyển sinh, đào tạo thêm chuyên ngành Hệ thống điện CN&GTVT [H8.8.1.6], [H8.8.1.7].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dữ liệu tuyển sinh được thống kê đầy đủ [H8.8.1.15], được sử dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý [H8.8.1.16]. Những thông tin về xu hướng chọn ngành học, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường PTTH có uy tín.

Các bất cập khác trong quy trình, phương thức tuyển sinh cũng được thảo luận và rút kinh nghiệm tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học. Các tiêu chí tuyển sinh

được điều chỉnh theo tình hình thực tế và được quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, hội đồng tuyển sinh đưa ra các tiêu chí và phương thức tuyển sinh cho đợt tuyển sinh tiếp theo. Thông qua buổi họp, hội đồng tuyển sinh cũng xác định tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi, xét tuyển cho từng chương trình đào tạo [H8.8.2.1].

Các phương pháp và tiêu chí lựa chọn người học được cân nhắc cẩn thận và được đánh giá kỹ càng. Đồng thời, các văn bản liên quan cũng được báo cáo và được các cơ quan quản lý chấp thuận. Đồng thời, căn cứ trên tình hình thực tế về nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu người học trong các lĩnh vực liên quan đến chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường nói chung, và lĩnh vực kỹ thuật điện nói riêng, để đưa ra các phương pháp và tiêu chí cụ thể. Trường đã tổ chức các chương trình hướng dẫn điều chỉnh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh, sau khi Bộ GD&ĐT công bố kết quả thi THPT, bám sát quy định hiện hành. Nhờ vậy, các thí sinh có thể định hướng dự tuyển vào ngành Kỹ thuật điện một cách thuận lợi hơn.

Đầu học kỳ thứ nhất, Trường sẽ tổ chức kiểm tra phân loại trình độ Tiếng Anh đầu vào cho SV đại học chính quy [H8.8.2.2]. Đảm bảo chỉ cho phép những SV đạt chuẩn tiếng Anh bậc A2 [theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc mới được đăng ký vào các lớp tiếng Anh trình độ B1. Các chứng chỉ ngoại ngữ khác được quy đổi trình độ đúng quy định. Những SV chưa đạt A2, Trường sẽ tổ chức các lớp Tiếng Anh tăng cường để SV đạt chuẩn ngoại ngữ. Sinh viên khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy phải đạt chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ GD&ĐT (tương đương trình độ B1 theo khung Châu Âu). Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực sử dụng ngoại ngữ cơ bản và ngoại ngữ chuyên ngành một cách độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập và làm việc trong môi trường hội nhập Quốc tế.

Sau quá trình nhập học và khi công tác tổ chức đào tạo đi vào ổn định, Trường sẽ thành lập Ban kiểm tra sau tuyển sinh [H8.8.2.3]. Thành phần của Ban kiểm tra gồm các bộ phận chính như: Bộ phận thường trực giữ nhiệm vụ chỉ đạo chung; Bộ phận kiểm tra hồ sơ trúng tuyển xác nhận nhập học, đối tượng ưu tiên; Bộ phận kiểm tra hồ sơ nhập học. Sau quá trình kiểm tra lại toàn bộ quá trình SV nhập học vào trường, Nhà trường sẽ ra thông báo về kết quả của công tác kiểm tra sau tuyển sinh và công bố công khai [H8.8.2.4]. Tất cả những sai sót hay những vấn đề cần khắc phục của các đơn vị chức năng được lập báo cáo kết quả khắc phục và báo cáo Nhà trường thông qua đơn vị chuyên trách là phòng Thanh tra - Pháp chế.

*Bảng 8.2.1. Các phương thức xét tuyển vào ngành Kỹ thuật điện*

Phương thức Năm	Học bạ và tuyển thẳng	Xét điểm thi TN THPT	Xét điểm thi TN THPT kết hợp IELTS	Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy
2017	X	X		
2018	X	X		
2019	X	X		
2020	X	X		
2021	X	X	X	X
2022	X	X	X	X

Bảng 8.2.2. Các tổ hợp môn xét tuyển vào ngành Kỹ thuật điện

STT	Tổ hợp xét tuyển	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Lý	Hóa
2	A01	Toán	Lý	Anh
3	D07	Toán	Hóa	Anh

Bảng 8.2.3. Thống kê số lượng tuyển sinh ngành Kỹ thuật điện trong 5 năm gần nhất

Năm	Chi tiêu xét tuyển	Số lượng nhập học
2017	70	140
2018	90	94
2019	90	130
2020	120	167
2022	120	186

Bảng 8.2.4. Bảng thống kê số người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điện trong 5 năm gần nhất

Năm học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Xếp loại				
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình
2016-2017						
2017-2018						
2018-2019						
2019-2020						
2021-2022						

## 2. Điểm mạnh:

Các tiêu chí và phương thức tuyển sinh của Trường được tính toán khoa học, được bàn bạc trao đổi kỹ trên cơ sở đánh giá hiệu quả của công tác tuyển sinh năm trước và căn cứ nhu cầu thị trường lao động trước khi xây dựng đề án tuyển sinh.

Các phương thức tuyển sinh và các tổ hợp xét tuyển, hình thức xét tuyển được điều chỉnh linh động và hợp lý với từng năm sao cho phù hợp với Bộ GD&ĐT và các trường đại học trên cả nước.



### 3. Tồn tại:

Do đặc thù là trường đại học kỹ thuật công lập vì thế các tiêu chí lựa chọn người học vẫn đang hướng đến thu hút đối tượng người học ở các tỉnh, huyện, chưa thu hút được nhiều sinh viên ở các thành phố và Hà Nội. Điều này một phần làm hạn chế năng lực hội nhập trong học tập, nghiên cứu của sinh viên.

Nhà trường chưa tự chủ được để tự tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tư duy của riêng Trường Đại học GTVT.

### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần đưa ra các phương thức xét tuyển, tiêu chí xét tuyển mới để lựa chọn được người học ở các thành phố, có năng lực ngoại ngữ tốt hơn. Phòng KT&ĐBCLĐT cần sớm tham mưu cho Nhà trường xây dựng phương án tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tư duy riêng.	Phòng KT&ĐBCLĐT kết hợp với Khoa và Bộ môn	Năm 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục tổ chức khảo sát nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp liên quan đến yêu cầu tuyển dụng, đối tượng ngành nghề trước khi xây dựng đề án;</p> <p>Tiếp tục tổ chức tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh sâu rộng hơn, các Khoa, Bộ môn cần tập trung nghiên cứu và tham mưu nhiều hơn trong công tác tuyển sinh.</p>	<p>Phòng KT&amp;ĐBCLĐT kết hợp với Khoa, Bộ môn và Phòng CTCT&amp;SV.</p>		
---	--------------------------	---	---	--	--

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 6/7.**

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.**

**1. Mô tả:**

Tiến độ triển khai chương trình học tập được giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ chương trình đào tạo của mỗi ngành, trong đó có ngành Kỹ thuật điện, và có những điều chỉnh kịp thời để phù hợp với những biến cố của xã hội. Khối lượng học phần đăng ký học tập của SV trong mỗi học kỳ được rà soát nghiêm ngặt, đảm bảo số tín chỉ tối thiểu trong mỗi học kỳ. Điều này được phổ biến tới sinh viên ngay từ tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa và trước mỗi lần đăng ký học phần của một học kỳ (thông qua hệ thống CVHT). Kết quả học tập của SV được tổng hợp sau mỗi học kỳ với sự giám sát độc lập của 03 bên: Bộ môn, Khoa và Phòng Đào tạo đại học. Đây là cơ sở để xếp loại học lực, khen thưởng hoặc kỷ luật [H8.8.3.1].

Trường có hệ thống phần mềm theo dõi và đánh giá thành tích học tập của SV, cũng như khối lượng tín chỉ của từng SV đã đăng ký và tham gia học tập trong từng học kỳ (Hình 8.2). Các tiêu chí về khen thưởng, khuyến khích học tập cũng như về cảnh báo học vụ và buộc thôi học, được công khai trong sổ tay SV, trên tài khoản trực tuyến của từng SV và trên website của Trường. Sinh viên có thể theo dõi kết quả học tập của mình bất kỳ thời gian nào.

STT	Mã sinh viên	Họ tên sinh viên	Giới tính	Năm	Điểm trung bình tích lũy	Số lượt đổi tương đương	Chức vụ	Học kỳ	Học phần	Điểm	Chức vụ	Học kỳ	Học phần	Điểm
1	17120002	Phạm Văn An	Nam	2010	2.00									
2	17120003	Nguyễn Văn Bình	Nam	2010	4.00									
3	17120004	Nguyễn Văn Cường	Nam	2010	7.40									
4	17120005	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	3.00									
5	17120006	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	2.70									
6	17120007	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	5.70									
7	17120008	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	3.85									
8	17120009	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	2.80									
9	17120010	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	4.24									
10	17120011	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	3.87									
11	17120012	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	4.74									
12	17120013	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	3.84									
13	17120014	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	3.78									
14	16070002	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2009	3.09									
15	17120015	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	6									
16	17120016	Nguyễn Văn Dũng	Nam	2010	2.00									

Hình 8.3.1. Phần mềm quản lý đào tạo

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Kỹ thuật điện không vượt 20 tín chỉ [H8.8.3.2]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế 4.5 năm cho các khóa tuyển sinh). Sinh viên được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ, nhưng không được ít hơn 10 tín chỉ [H8.8.3.1]. Để giám sát tiến trình

học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, trường ĐH GTVT đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác. Cụ thể là: đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác đánh giá rèn luyện SV (RLSV); hội đồng và các quyết định về công tác cố vấn học tập (CVHT) - công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học - quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học. Bên cạnh đó, các giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật điện, Khoa Điện – Điện tử và Trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của SV như tổ chức giới thiệu ngành nghề, trao học bổng **[H8.8.3.3]**...

Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4, và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4.0, thang điểm 4 đạt từ điểm 1.0, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt thì phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên được trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 5.5 trở lên theo thang điểm 10.

Các hoạt động giám sát về sự tiến bộ trong học tập và kết quả học tập của người học được thực hiện trên cơ sở kế hoạch được lập đầu mỗi năm học, nhằm cung cấp nhiều nhất các dịch vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu của SV trong suốt thời gian học tại trường. Các hoạt động xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo, giám sát và đánh giá người học thông qua Phòng Đào tạo đại học, Khoa Điện - Điện tử, Phòng CTCT&SV, Bộ môn Kỹ thuật điện, hệ thống CVHT và bản thân tài khoản của người học.

Đầu các khóa học và năm học, SV được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV thông qua tuần sinh hoạt công dân-sinh viên **[H8.8.3.4]**. Để đảm bảo cho người học hiểu, nắm được các thông tin, trường đã tiến hành kiểm tra thông qua bài thu hoạch sinh hoạt công dân-sinh viên đầu khóa **[H8.8.3.5]**. Khi nhập học và đăng ký ngành học, sinh viên còn được cung cấp tài liệu giới thiệu về các chuyên ngành đào tạo của trường, nội dung đào tạo, trong đó chỉ rõ nơi đào tạo, nơi làm việc sau khi ra trường **[H8.8.3.6]**. Để tăng cường thêm thông tin và nhận thức của SV về vấn đề học tập,

Nhà trường đã biên soạn các tài liệu hướng dẫn như sổ tay sinh viên, sổ tay cố vấn học tập, niên giám đào tạo... [H8.8.3.7] phát cho mỗi SV mới nhập học để giúp người học nắm vững các quy định, thủ tục trong quá trình học tập, các chế độ chính sách của Nhà nước và của Trường đối với người học.

Để SV học tập, rèn luyện tốt hơn các thầy cô ngoài các giờ giảng trên lớp còn bố trí thêm một số buổi để giải đáp thắc mắc cho SV. Ngoài ra, sinh viên được tư vấn tận tình tại Văn phòng Hỗ trợ sinh viên hoặc thông qua kênh Fanpage của Nhà trường để giải đáp thắc mắc của sinh viên [H8.8.3.8].

Ngoài ra, Nhà trường bố trí các buổi sinh hoạt lớp cho các lớp SV [H8.8.3.9]. SV sẽ được giảng viên của bộ môn kèm cố vấn học tập đưa ra các lời khuyên giúp SV xây dựng và quản lý kế hoạch học tập, rèn luyện tốt hơn (lựa chọn môn học, đăng ký học...), giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của SV. Bên cạnh đó, các CVHT cũng lập kênh zalo hoặc facebook nhóm của lớp để kịp thời hỗ trợ, tư vấn và giải quyết các thắc mắc của sinh viên. Đối với những SV có học lực yếu sau khi có kết quả xét học vụ cuối mỗi kỳ, các Khoa đều bố trí một buổi để gặp gỡ trực tiếp các em để tư vấn, động viên và đưa ra các giải pháp để SV cải thiện kết quả học tập của mình.

Về giám sát tiến trình học tập, rèn luyện hiệu quả học tập của người học được Nhà trường triển khai bằng các quy chế, quy định trong hoạt động học tập và rèn luyện của người học, kiểm tra/giám sát của hệ thống CVHT [H8.8.3.3]. Giám sát hiệu quả học tập và rèn luyện của người học được thực hiện thông qua đánh giá kết quả rèn luyện SV vào cuối học kỳ/năm học với các tiêu chí cụ thể có tổng điểm là 100; tập thể lớp tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại rèn luyện cho từng sinh viên và báo cáo gửi phòng CTCT&SV.

*Bảng 8.3.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm RLSV qua các năm học:*

Xếp loại	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
<i>Xuất sắc</i>	1356	1229	1559	1625	1273	1302	1690	1411	1859	2249
<i>Tốt</i>	6668	5796	6122	5140	5677	5244	6089	5768	6630	7049
<i>Khá</i>	4005	3159	3441	2760	4038	3267	4100	3453	4842	2799
<i>TB</i>	267	298	365	316	648	324	652	381	680	248
<i>Yếu</i>	164	174	272	118	137	42	58	23	64	28

<i>Kém</i>	86	51	109	82	34	82	83	50	61	33
Tổng số SV	12546	10707	11868	10041	11807	10261	12672	11086	14137	12406

Đánh giá kết quả rèn luyện của SV đại học chính quy đã giúp cho mỗi người học nhìn nhận lại bản thân sau mỗi kỳ học tập và tu dưỡng, tập thể các lớp SV thấy được mình đang đứng ở vị trí nào trong toàn Trường để từ đó có kế hoạch phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao hơn ở những kỳ học tiếp theo. Hoạt động này tại Trường ĐH GTVT đã thực sự là kênh giám sát đối với mỗi người học và tập thể các lớp SV.

## **2. Điểm mạnh:**

- Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức: cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành hẹp, giúp cho người học thuận lợi trong việc đăng ký học và học tập nghiên cứu. Kết quả học tập của sinh viên được giám sát độc lập qua các kênh quản lý: Bộ môn, Khoa và Phòng Đào tạo đại học.

- Hệ thống văn bản quản lý, giám sát sinh viên rất rõ ràng, minh bạch và được thông tin đến từng người học qua nhiều kênh khác nhau.

- Nhà trường có Phòng CTCT&SV phụ trách công tác chế độ chính sách đối với sinh viên; công tác CVHT, công tác đánh giá RLSV; Văn phòng hỗ trợ SV để giúp SV trong việc giải quyết các thắc mắc, chế độ chính sách của người học, tìm kiếm việc làm thêm.... Các công tác này được thực hiện bài bản từ khâu lập kế hoạch, có quy chế rõ ràng và được định lượng, có hệ thống đánh giá độc lập từ cá nhân sinh viên đến đơn vị lớp, CVHT, cấp bộ môn, cấp khoa và cấp trường.

- Nhà trường có đội ngũ CVHT nhiệt tình, chuyên nghiệp. Các CVHT đã triển khai kênh liên lạc với gia đình của các SV để trao đổi khi cần thiết. Địa chỉ và số điện thoại liên lạc của các SV được CVHT lưu trong Sổ tay CVHT.

## **3. Tồn tại:**

- Do đào tạo theo hệ thống tín chỉ sinh viên được đăng ký nhiều lớp học phân khác nhau nên ở những năm thứ nhất, thứ hai cơ cấu lớp hành chính lỏng lẻo, sinh viên chưa thực sự thấy được và coi trọng sự hỗ trợ từ phía CVHT, Phòng CTCT&SV, Văn phòng hỗ trợ SV nên công tác giám sát, hỗ trợ người học chưa thực sự hiệu quả.

- Các tiêu chí đánh giá CVHT của Nhà trường còn một số định tính. Vì vậy đối với các Khoa, các Bộ môn và các lớp sinh viên vẫn còn tình trạng nể nang, chưa thực chất, chưa thực sự là động lực để CVHT làm việc tận tình.

#### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần đẩy mạnh công tác truyền thông để người học thấy rõ vai trò và tầm quan trọng của hệ thống CVHT, Phòng CTCT&SV, Văn phòng hỗ trợ SV từ đó sẵn sàng hợp tác và tiếp nhận sự hỗ trợ đối đã từ CVHT, Phòng CTCTSV và Văn phòng hỗ trợ SV. Cần hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá CVHT với số tiêu chí đánh giá được định lượng tối đa.	Phòng CTCT&SV, Bộ kết hợp với Khoa, Bộ môn và CVHT	Năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT tiệm cận chuẩn quốc tế; Đẩy mạnh chuyển đổi số hệ thống đánh giá RLSV và CVHT hơn nữa, tiến tới đánh giá tự động hoàn toàn với các MC cụ thể cho các tiêu chí đánh giá; Hoàn thiện các văn bản quản lý người học trên cơ sở các văn bản pháp quy mới ban hành.	Phòng ĐTDH, CTCT&SV kết hợp với Khoa, Bộ môn.		

#### 5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức: 6/7

**Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.**

***1. Mô tả:***

Ở tất cả các cấp: Trường, cấp Khoa, và cấp Bộ môn đều có bộ phận và cá nhân chịu trách nhiệm tư vấn về học tập và các hoạt động ngoại khóa cho SV. Ở cấp Trường, bộ phận hỗ trợ trực tiếp cho SV gồm có phòng CTCT&SV (**Hình 8.4.1**), phòng Đào tạo ĐH, Đoàn thanh niên, Hội SV,... Hàng năm ở cấp Khoa và BM, Trường phân công các giảng viên của Bộ môn Kỹ thuật điện phụ trách công tác CVHT các lớp chuyên ngành [**H8.8.4.1**]. Chức năng, nhiệm vụ, thông tin liên hệ của các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn đều được cập nhật trên trang web chính thức của Trường [**H8.8.4.2**].





## Phòng Công tác chính trị và sinh viên

18/03/2021 09:55 SA

### PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ SINH VIÊN

#### THÔNG TIN CHUNG

**Địa chỉ:** P101-103 Nhà A9; P105 Nhà N2 và P103 Hội trường lớn

**Điện thoại:**

P101-103 Nhà A9 - ĐT: (024) 3.7666741; Văn phòng Hồ trợ sinh viên - P105 Nhà N2 - ĐT: (024) 3766 0743

**Email:** pccitstv@utc.edu.vn

**Trưởng phòng:** TS. Nguyễn Văn Hải - P101 Nhà A9

**Phó trưởng phòng:** PGS.TS. Hồ Xuân Nam - P103 Nhà A9

**Phó trưởng phòng:** TS. Thạch Minh Quân - P105 Nhà N2

#### GIỚI THIỆU

Phòng Công tác chính trị và sinh viên tiền thân là Phòng Tuyển huấn, được thành lập năm 1967. Năm 1990 Phòng đổi tên thành Phòng Công tác chính trị, năm 2004 đổi tên thành Phòng Công tác chính trị và sinh viên cho đến nay.

#### CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Phòng có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực:

1. Công tác chính trị, tư tưởng
2. Công tác thông tin, tuyên truyền
3. Công tác văn hoá quần chúng
4. Công tác thi đua khen thưởng
5. Công tác quản lý sinh viên

Ngoài ra phòng Công tác chính trị và sinh viên còn thực hiện các nhiệm vụ:

- Thường trực Ban biên tập trang thông tin điện tử
- Công tác cổ vấn học tập
- Quản lý thể liên kết của sinh viên
- Quản lý hồ sơ sinh viên hệ chính qui
- Quản lý lưu học sinh nước ngoài

Tháng 8 năm 2018, Văn phòng Hồ trợ sinh viên trực thuộc phòng Công tác chính trị và sinh viên chính thức đi vào hoạt động với mục đích trở thành địa chỉ tin cậy để người học tìm đến chia sẻ, tìm hiểu, cung cấp những thông tin cần thiết, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phục vụ cuộc sống, học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cơ hội, việc làm; kết nối cứu người học, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng.

#### XEM BÀI GIỚI THIỆU KHÁC

Giới thiệu chung

Sứ mạng

Lịch sử hình thành

Cơ cấu tổ chức

Chuyên ngành đào tạo

#### KHOA

Khoa Cơ khí

Khoa Công trình

Khoa Vận tải kinh tế

Khoa Điện - Điện tử

Khoa Công nghệ thông tin

Khoa Khoa học cơ bản

Khoa Lý luận chính trị

Khoa Giáo dục quốc phòng

Khoa Kỹ thuật xây dựng

Khoa Môi trường và An toàn giao thông

Khoa Đào tạo quốc tế

Khoa Quản lý xây dựng

Bộ môn Giáo dục thể chất

#### ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG

Phòng Hành chính tổng hợp

Phòng Tổ chức cán bộ

Phòng Đào tạo Đại học

Phòng Đào tạo Sau đại học

Phòng Khoa học công nghệ

Phòng Công tác chính trị và sinh viên

Phòng Khảo thí & Đảm bảo CLET

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Khoa học quốc tế và Hợp tác quốc tế

Hình 8.4.1. Chức năng của phòng Công tác CT& SV (Nguồn: utc.edu.vn)

Mỗi năm học đều có các hoạt động ngoại khóa ở cấp Khoa và cấp Bộ môn, nhằm nâng cao hiểu biết về ngành học, cũng như định hướng công việc cho SV sau khi tốt nghiệp thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa.

Tổ chức và động viên SV tham gia các cuộc thi về chuyên môn ( tham gia nghiên cứu khoa học sinh viên, cuộc thi lắp mạch điện, đua xe lập trình, robocon...), cũng như các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp BM, cấp Khoa, cấp Trường. Thậm chí, hàng năm đều có các đội tuyển chuyên ngành tham gia các cuộc thi cấp toàn quốc.



Hình 8.4.2. Hình ảnh sinh viên ngành Kỹ thuật điện tham gia cuộc thi Robocon và đua xe lập trình

Công tác hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho SV luôn được kiểm tra, đánh giá từ các đối tượng liên quan để rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp hơn. Từ năm 2017, nhà trường đều có các phiếu khảo sát gửi tới SV trước khi tốt nghiệp để lấy ý kiến phản hồi để từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch phục vụ hỗ trợ SV được tốt hơn [H8.8.4.3]. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng và rất hài lòng của người học về hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học qua các năm học 2017-2018 là 79.9% và năm học 2018 – 2019 là 76.6%. Tiêu chí cụ thể có trong bảng sau

Bảng 8.4.1. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người học về hoạt động phục vụ, hỗ trợ

STT	Các tiêu chí đánh giá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học	Mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý (%)	
		Năm học 2017 – 2018	Năm học 2018 - 2019
1	Chương trình học của khoá học có mục tiêu rõ ràng, cập nhật, phù hợp với nhu cầu xã hội	76.9	76.4
2	Bản đặc tả chương trình chi rõ: những kiến	79.2	71

	thức và sự hiểu biết mà người học sẽ đạt được sau khi kết thúc khóa học; các kỹ năng then chốt; các kỹ năng nhận thức; các kỹ năng cụ thể liên quan đến môn học.		
3	Bản đặc tả CTĐT được cung cấp đầy đủ tới người học từ khi đăng ký nhập học và được công bố trên Website của Trường.	80.6	69.8
4	Chương trình học của năm đầu giúp người học tiếp cận và nắm bắt được phần còn lại của CTĐT, có sự cân bằng giữa các môn học đại cương và các môn học thuộc khối chuyên ngành	79	80.3
5	Chương trình học có sự kết hợp tốt giữa kiến thức cơ bản, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, có tính thực tiễn cao và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động	78.1	73.6
6	CDR của chương trình là rõ ràng. Đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, được công bố đầy đủ cho người học và được thể hiện rõ ràng ở trong các học phần đã được học	77.5	77.6
7	Thời gian tốt nghiệp theo thiết kế là hợp lý	81.5	76.3
8	Nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát nội dung chương trình	79.8	77.6
9	Phương pháp giảng dạy các môn học trong chương trình phù hợp với yêu cầu đặt ra	79.8	78.9
10	Khóa học giúp người học nắm vững nền tảng kiến thức cơ bản và chuyên ngành, giúp người học tự tin về khả năng đáp ứng, phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp	81.7	81.6
11	Anh/chị cảm thấy hài lòng về mức học phí	79.4	73.6
12	Anh/chị cảm thấy hài lòng về môi trường học tập tại trường ĐHGTVT	80.3	77.7
13	Anh/chị cảm thấy hài lòng về chất lượng CTĐT	80.9	78.9
14	Anh/chị cảm thấy hài lòng về chất lượng đội ngũ GV	83.1	75

15	Anh /chị cảm thấy hài lòng về việc tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả người học	79.7	72.4
16	Anh/chị cảm thấy hài lòng về CSVC phục vụ học tập	78.5	79
17	Anh/chị cảm thấy hài lòng về toàn bộ khóa học nói chung	81.6	81.85

Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của nhà trường với SV, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm [H8.8.4.4]. Các forum, hotline, email lãnh đạo là các kênh để SV thực hiện việc giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ, hỗ trợ SV của nhà trường thường xuyên được cập nhật. Nội dung của Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cũng được rà soát, cập nhật và đổi mới qua từng năm học đã giúp cho người học nắm được tình hình thời sự trong nước và quốc tế, các chế độ chính sách mới ban hành, các thủ tục thực hiện trong quá trình học tập tại Trường.

Nhà trường giao cho các Khoa, Cố vấn học tập nhắc nhở và cảnh báo, gặp trực tiếp SV bị cảnh báo học tập để tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học. Số lượng sinh viên bị cảnh cáo học vụ giảm những năm gần đây [H8.8.4.5]; [H8.8.4.6]. Tỷ lệ SV tốt nghiệp/đầu vào: Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV trong các năm vừa qua của cả trường trong khoảng 75 ÷ 80%.

Nhà trường cũng triển khai lấy ý kiến đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, cụ thể là kết quả đánh giá đội ngũ cố vấn học tập của người học. Qua rà soát cho thấy, đội ngũ CVHT của Nhà trường đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời Nhà trường đã đổi mới các tiêu chí đánh giá CVHT phù hợp với thực tế để đánh giá thực chất công tác CVHT, giúp cho sinh viên có được môi trường, điều kiện hỗ trợ tốt nhất.

*Bảng 8.4.2. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm CVHT qua các năm học*

Xếp loại CVHT	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
<b>A</b>	207	196	95	81	85	82	130	143
<b>B</b>	87	78	213	191	219	190	183	137
<b>C</b>	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng số CVHT</b>	<b>294</b>	<b>274</b>	<b>308</b>	<b>272</b>	<b>304</b>	<b>272</b>	<b>313</b>	<b>280</b>

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được rà soát thông qua sinh hoạt định kỳ của SV. Những kiến nghị của SV trong các kỳ đối thoại giữa SV với Nhà trường để Ban giám hiệu lắng nghe những phản hồi từ phía SV về công tác phục vụ và hỗ trợ người học được tổng hợp và báo cáo BGH để có ý kiến chỉ đạo giải quyết. Năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành sửa chữa, làm mới, nhiều phòng ở cùng các thiết bị điện nước cho người học. Hiện nay KTX của Trường tại số 99 Nguyễn Chí Thanh đáp ứng được hơn 1700 chỗ, trong đó có thêm các dịch vụ: cantin, phòng tập Gym, sân tập... [H8.8.4.7]. Về phục vụ người học trong các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, Nhà trường đã rà soát, cải cách các thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm, nâng cấp dịch vụ hành chính công lên cấp độ 3, một số dịch vụ hành chính công lên cấp độ 4 như: các loại xác nhận SV, giấy xác nhận SV để vay vốn, giấy xác nhận SV để nhận trợ cấp giáo dục, đăng ký vé xe bus... đều có thể đăng ký trực tuyến qua kênh thông tin sinh viên [<http://sis.utc.edu.vn>]. Thư viện của nhà trường đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho SV nhất là vào các đợt thi học kỳ của nhà trường [H8.8.4.8]. Các phòng học của nhà trường đã được lắp điều hòa và các thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập (máy tính, máy chiếu,...) Từ tháng 2018, nhà trường đã mở rộng nhà để xe, lắp camera, bố trí thêm các bình lọc nước để cung cấp nước miễn phí cho SV [H8.8.4.9]. Ngoài ra, để việc học tập và nghiên cứu của sinh viên được thuận tiện hơn, Nhà trường đã triển khai mạng lưới wifi trong khuôn viên toàn trường hoàn toàn miễn phí đối với sinh viên.

Để khuyến khích sinh viên học tập, bên cạnh học bổng ngân sách nhà nước, Nhà trường có Quỹ học bổng Truyền thống Sinh viên Giao thông Việt Nam do cựu sinh viên của trường ủng hộ (trị giá ban đầu 1 tỷ đồng). Kinh phí học bổng khuyến khích hàng năm nhà trường đều bố trí 8% kinh phí đào tạo để cấp cho SV. Ngoài ra hàng năm nhà trường còn tiếp tục nhận được rất nhiều các nguồn học bổng do các DN và hiệp hội ủng hộ như Học bổng Kawakin, Denso, Nitori, Kumho, Toyota... [H8.8.4.10].

Về chế độ miễn giảm, trợ cấp cho các sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định, Nhà trường luôn hỗ trợ, hướng dẫn, thường xuyên rà soát thông tin người học để kịp thời hỗ trợ và tránh tình trạng bỏ sót vì sinh viên chưa nắm rõ quy định. Số tiền miễn giảm/ trợ cấp: mỗi năm nhà trường miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho nhiều sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định [H8.8.4.11].

*Bảng 8.4.3. Thống kê số lượng SV được miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội*

<b>Đối tượng</b>	<b>Năm học 2016-2017</b>	<b>Năm học 2017-2018</b>	<b>Năm học 2018-2019</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>	<b>Năm học 2020-2021</b>

Miễn giảm học phí	1173	1145	846	815	331 (Học kỳ I)
Trợ cấp xã hội	380	333	231	200	

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sinh viên, Nhà trường phối hợp với ngân hàng VietinBank và ngân hàng Agribank lắp đặt 02 cây nạp tiền tự động đối diện sảnh nhà A1 [H8.8.4.12].

*Bảng 8.4.4 Thống kê các hoạt động hỗ trợ SV vay vốn*

<b>STT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thời gian</b>
1	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2016	628	Đầu năm học
2	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2017	671	Đầu năm học
3	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2018	688	Đầu năm học
4	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2019	716	Đầu năm học
5	Cấp giấy xác nhận cho SV về địa phương vay vốn năm 2020	523	Đầu năm học

Bên cạnh đó, còn tổ chức các dịch vụ trợ giúp người học nhằm cải thiện việc học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

**CỔNG THÔNG TIN VIỆC LÀM**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Join Our University Network >> Đăng nhập | English  
Kết nối với chúng tôi: [Vi.sao?](#)

Trang chủ | Giới thiệu | Cơ hội nghề nghiệp | Cẩm nang nghề nghiệp | Liên hệ







Tìm việc

Ngành nghề

Nơi làm việc

Tìm kiếm

**VIỆC LÀM THEO NGÀNH NGHỀ**

 <b>CNTT - Phần mềm</b> 1341 việc làm	 <b>CNTT - Phần cứng/ Mạng</b> 763 việc làm	 <b>Kỹ thuật công trình - Xây dựng</b> 931 việc làm
 <b>Cơ điện</b> 1102 việc làm	 <b>Kinh tế</b> 4794 việc làm	 <b>Logistics</b> 637 việc làm

**Cơ Hội Nghề Nghiệp**

- Nhân viên kỹ thuật RF
- Kỹ sư thiết kế kết cấu Thép

Xem tất cả

**Kết nối với UTC**

[Facebook](#) | [LinkedIn](#)  
[YouTube](#) | [Instagram](#)

**CƠ HỘI THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP TẠI NHẬT BẢN**

**Thông tin cơ bản:**

- Địa điểm thực tập: Công ty Imasen Denki, Okayama, Nhật Bản
- Thời gian thực tập: 1 năm, dự kiến nhập cảnh: tháng 2/2019
- Nội dung công việc: Lắp ráp các linh kiện ô tô
- Hình thức thi tuyển: Nộp hồ sơ và phỏng vấn trực tiếp

**Quyền lợi của sinh viên:**

- Tham gia chương trình miễn phí
- Được chi trả phí vé máy bay khứ hồi đi và cả chiều về nếu hoàn thành đúng 01 năm thực tập
- Được trả mức lương: 1000 yên/giờ, cao hơn nhiều so với mức lương cơ bản tại vùng Okayama. Sau khi trừ hết các khoản chi, sinh viên có thể tiết kiệm được khoảng 13-15man/tháng (tương đương 25-30 triệu/tháng)
- Được đóng thuế và bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật Nhật Bản theo chế độ lương hưu (người lao động được đóng trên 6 tháng sau khi về nước sẽ được trả lại 80%)
- Học hỏi văn hóa làm việc, công nghệ kỹ thuật trong công ty Nhật
- Cơ hội nâng cao khả năng tiếng Nhật

**Điều kiện tham gia chương trình:**

- Sinh viên đại học đang học năm 3-4 chuyên ngành cơ khí ô tô (Nam)
- Trình độ tiếng nhật nghe hiểu cơ bản
- Có sức khỏe, thị lực tốt, chăm chỉ, thuận tay phải

**ĐĂNG KÝ THÔNG TIN VÀ LIÊN HỆ**

Phòng Đối ngoại, P. 302 nhà A1,  
 Trường Đại học Giao thông Vận tải  
 ĐT: 024 3 766 4078  
 (giờ hành chính)  
 Email: [mhang1502@gmail.com](mailto:mhang1502@gmail.com)

Trước ngày 27/11/2018

**Ho Tro Sinh Viên GTVT**

Người đăng: j 111  
 Trang bạn thích: 15 tháng 11, 2018

**CƠ HỘI THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP TẠI NHẬT BẢN ĐÀNH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ Ô TÔ**

- Đối tượng tham gia: Sinh viên đại học năm 3 - 4 chuyên ngành CƠ KHÍ Ô TÔ (Sinh viên nam)
- Các thông tin cơ bản về địa điểm thực tập:
  - Địa điểm thực tập: Công ty Imasen Denki, Okayama, Nhật Bản
  - Thời gian thực tập: 1 năm (Dự kiến nhập cảnh vào tháng 02/2019)
  - Nội dung công việc: Lắp ráp các linh kiện oto

Tham gia chương trình các bạn sẽ được:

- Chi trả phí vé máy bay khứ hồi đi và cả chiều về nếu hoàn thành đúng 01 năm thực tập
- Được trả mức lương: 1000 Yên/giờ
- Được đóng thuế và bảo hiểm đầy đủ theo quy định của Pháp luật Nhật Bản theo chế độ lương hưu
- Học hỏi văn hóa làm việc, công nghệ kỹ thuật trong công ty Nhật
- Nâng cao khả năng tiếng Nhật

Bạn có mong muốn được đặt chân đến Xứ sở hoa anh đào xinh đẹp không?

Hãy nhanh tay đăng ký thông tin và liên hệ với:

Địa điểm: Phòng Đối ngoại, Phòng 302 A1,  
 Trường ĐH GTVT  
 SĐT: 024 3 766 4078 - Giờ hành chính  
 Email: [mhang1502@gmail.com](mailto:mhang1502@gmail.com)

**CÁC BẠN CHƯ Ý ĐĂNG KÝ TRƯỚC NGÀY 27-11-2018 CÁC BẠN NHÉ**

Hình 8.4.2. Cung cấp thông tin hỗ trợ SV tham gia tuyển dụng

Để giúp SV học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường thì bên cạnh hoạt động giảng dạy trên lớp của GV, Nhà trường giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV thông qua việc giao nhiệm vụ cho Phòng CTCT&SV, khoa Điện – Điện tử và các phòng ban chức năng, đoàn thanh niên, hội SV các cấp trong Nhà trường tổ chức hoạt động: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của lãnh đạo BM, các GV với vai trò CVHT, các đợt thăm quan bảo tàng, lắng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức hội chợ việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân

đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các CLB, NCKH SV, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng SV, tham gia cuộc thi khởi nghiệp... Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng cáo, giới thiệu về trường, khoa, ngành Kỹ thuật điện trên các phương tiện đại chúng và SV được bố trí thời gian đi thực tập kỹ thuật, thực tập tốt nghiệp nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành Kỹ thuật điện sau 6 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây đều trên 85% và sau 12 tháng tốt nghiệp đều trên 90%.

Về hỗ trợ người học khởi nghiệp, việc làm, sau khi rà soát đánh giá tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, những yêu cầu của thực tế thị trường lao động. Năm 2019, Nhà trường đã phối hợp cùng Báo Lao động Thủ đô, TT Việc làm Hà Nội tổ chức Ngày hội Tư vấn hướng nghiệp và Việc làm, thu hút gần 3000 lượt SV và người lao động tham gia với khoảng 2.000 người được tư vấn việc làm, hướng nghiệp, phổ biến CS pháp luật và cung cấp thông tin tuyển dụng lao động. Trong đó có 70 đơn vị tham gia Ngày hội với nhu cầu tuyển dụng 1.934 chỉ tiêu. Số người lao động được tham gia phỏng vấn tuyển dụng: 936 lượt người; Số lao động được tuyển dụng: 341 người; Số lao động hẹn phỏng vấn lần 2: 128 người [H8.08.04.13]. Nhà trường đã xây dựng thành công và đưa vào hoạt động Cổng thông tin việc làm như Hình 8.4.2.

Ngoài ra, có nhiều CLB để các SV tham gia như: CLB Kỹ sư tương lai; Tiếng Anh, Tin học, Phát triển kỹ năng, số lượng hoạt động ngoại khóa. Hàng năm, ĐTN cùng với các Khoa lên kế hoạch tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp cho SV được trang bị đầy đủ hơn ngoài kiến thức về chuyên môn, nhà trường đã ký hợp tác với các trường để tăng cường việc trao đổi SV giữa các trường trong khu vực. (Bổ sung hình ảnh một số CLB).

## **2. Điểm mạnh:**

- Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ SV, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ SV theo đúng kế hoạch được phê duyệt đầu năm học.

- Nhà trường luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các công tác đánh giá, kiểm tra hoạt động hỗ trợ, dịch vụ, phục vụ SV.

- Nhà trường nhận được sự quan tâm từ các cấp, sự hỗ trợ từ các DN, đơn vị hợp tác trong công tác kiểm tra, đôn đốc các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ SV.

- Nhà trường luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

## **3. Tồn tại:**

- Do điều kiện hạn chế về diện tích nên các cải tiến đã thực hiện thường xuyên nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của tất cả các SV.



- Công tác đào tạo kỹ năng mềm ở cấp Khoa và Bộ môn còn nhiều hạn chế.
- Hoạt động khởi nghiệp tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa thu hút được đông đảo SV tham gia.

- Các CLB của Hội SV hoạt động chưa thực sự mạnh.

#### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bộ môn cần chủ động hơn và đề nghị Liên chi đoàn và Khoa tổ chức nhiều lớp kỹ năng mềm cho SV hơn. CVHT cần động viên SV của ngành tích cực tham gia hoạt động khởi nghiệp. Kiến nghị Hội SV Trường đẩy mạnh hơn nữa hình thức hoạt động của các CLB nhằm thu hút SV tham gia.	Phòng CTCT&SV, Hội SV, Đoàn TN, kết hợp với Khoa, Bộ môn, và CVHT	Năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Bộ môn cần tiếp tục mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp, tổ chức nhằm thu hút học bổng ngoài ngân sách để khuyến khích học tập; Quản triệt và động viên các CVHT tiếp tục quan tâm đến SV, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	Phòng ĐTDH, CTCT&SV kết hợp với Khoa, Bộ môn.	2023	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức: 6/7

## **Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thỏa mái cho cá nhân người học.**

### **1. Mô tả:**

Trong những năm gần đây, với sự phát triển nhanh chóng của đô thị trung tâm, môi trường tự nhiên và xã hội đã có nhiều thay đổi. Xã hội ngày càng văn minh hơn, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Môi trường tự nhiên cũng có những biến đổi đáng kể, buộc Nhà trường thường xuyên phải có các chương trình cải thiện môi trường sống cho người học, cả ở khu giảng đường cũng như khu ký xá. Nhờ vậy, đã đảm bảo cho người học yên tâm học tập, nghiên cứu; đảm bảo an, toàn trật tự tại cả hai khu vực của Trường.

Khuôn viên giảng đường ở Hà Nội không quá rộng nên Trường bố trí khu KTX biệt lập tại phố Nguyễn Chí Thanh. Khu KTX đáp ứng khoảng hơn 1200 SV, có khu tự học, thể thao, phòng tự học.

Khuôn viên ở Phân hiệu Thành phố Hồ Chí Minh rộng rãi, bao gồm khu giảng đường, khu văn phòng, và khu KTX. Có nhà xưởng, khu thực hành, khu thể thao cho SV.



*Hình 8.5. 1. Khuôn viên và điều kiện ở KTX tại 99 Nguyễn Chí Thanh ( bổ sung hình ảnh sân thể thao tại KTX)*

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện CSVC của nhà trường không còn mới, cụ thể trường có diện tích 21,54 ha trong đó cơ sở chính tại Hà nội với diện tích 5,54ha nhưng nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay về cơ bản khối tòa nhà điều hành của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, thực hành, thí nghiệm, một khu vực dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính. Trong trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, hội trường lớn. Nhà trường hiện đang tiến hành Nhà điều hành trung tâm với 02 tầng hầm và 15 tầng nổi để cải thiện điều kiện làm việc, nghiên cứu, giảng dạy và sinh hoạt cho cán bộ, GV và người học.

Hằng năm, cựu SV các khóa đều tổ chức lễ kỷ niệm và gặp mặt thầy cô Bộ môn Kỹ thuật điện. Tham gia các hoạt động thể thao, và tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho các SV đang học tập thuộc chuyên ngành.



*Hình 8.6. Hình ảnh giao lưu giữa các thế hệ thầy và trò*

Các doanh nghiệp tiếp nhận SV ra trường của ngành Kỹ thuật điện cũng thường xuyên có các hoạt động tri ân Bộ môn. Các SV và cựu SV luôn hào hứng khi được gặp gỡ các thầy cô giáo vào các dịp kỷ niệm ngày truyền thống.

Nhà trường, Khoa Điện – Điện tử thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập CLB tiếng anh, tổ chức hội chợ việc làm, nghiên cứu KHSV, cuộc thi khởi nghiệp, robocon, đua xe lập trình...

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học và ra trường hàng năm [H8.08.05.01].

Hằng năm Nhà trường ban hành Quyết định về việc duyệt Quỹ văn thể nhằm cấp kinh phí cho các tổ chức: Công đoàn, Đoàn TN, Phòng CTCT&SV, Hội SV, các CLB, tổ đội nhóm để tổ chức các hoạt động trong suốt năm học. Tổng số kinh phí phê duyệt hàng năm gần 2 tỷ đồng. [H8.08.05.02].

Nhà trường giao cho Đoàn Thanh niên, Hội SV xây dựng kế hoạch hoạt động năm học nhằm thu hút người học nâng cao kỹ năng hoạt động, bản lĩnh chính trị, kỹ năng làm việc nhóm và phát huy tối đa sở trường của mỗi người học [H8.08.05.03].



Hình 8.7. Các hoạt động ngoại khóa của sinh viên

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV.

Nhà trường luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cho SV thông qua các kết quả khảo sát sự hài lòng từ các bên liên quan như:

- Cải tiến về điều phối về đối tượng SV, tỷ lệ nam/nữ đăng ký chỗ ở. Phân bổ tỷ lệ SV theo đối tượng, khóa, ngành và giới tính tại ký túc xá.
- Tăng số lượng chỗ cho SV, tiến đến đáp ứng 20% SV có chỗ ở nội trú.
- Cải tiến, thêm các dịch vụ tiện ích cho SV: phòng ở theo nhu cầu, các dịch

vụ giặt ủi, siêu thị hoạt động 24/24 trong ký túc xá...

- Tăng số lượng cantin, chất lượng dịch vụ phục vụ ăn uống cho SV. Hệ thống bán hàng tự động phục vụ 24/7 đã được triển khai. Duy trì hoặc tăng nguồn kinh phí học bổng tài trợ qua các năm. Điều chỉnh đối tượng và tiêu chí đối với SV nhận học bổng (SV tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, xem xét điểm rèn luyện, hoàn cảnh gia đình...).

- Cải thiện quy trình khám sức khỏe đầu khóa và định kỳ nhằm tăng tính tiện ích và thoải mái cho SV.

- Tăng số lượng DN kết nối, phù hợp với chuyên môn SV.

- Nhà trường đã thành lập Văn phòng Hỗ trợ sinh viên làm việc tất cả các ngày trong tuần để hỗ trợ, giải quyết các thủ tục hành chính và thắc mắc trực tiếp cũng như hỗ trợ online, hướng dẫn cho SV [Hình ảnh văn phòng].

- Nhà trường triển khai hệ thống wifi miễn phí cho SV tại trường và Ký túc xá.

## 2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã ban hành Quyết định phê duyệt Quỹ văn thể hàng năm để chi kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên.

- Nhà trường đã quan tâm đầu tư cải thiện môi trường học tập, cảnh quan sư phạm, cải tạo ký túc xá cho sinh viên nội trú.

- Đoàn TN, Hội SV của trường là những tổ chức mạnh nên tổ chức được nhiều phong trào cho sinh viên.

- Khoa Điện – Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện có đội ngũ giảng viên yêu nghề nên tạo ra được nhiều sân chơi khoa học cho sinh viên như: Robocon, đua xe lập trình, thi lắp mạch điện...

## 3. Tồn tại:

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng tuy nhiên do khuôn viên của trường tại Hà Nội không đủ lớn để tạo ra môi trường sư phạm đẹp hơn, thân thiện với môi trường hơn.

- Ký túc xá trường vẫn cần nhiều nguồn vốn hơn để tiếp tục nâng cấp thêm văn minh, hiện đại.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Nhà trường cần tranh thủ các nguồn vốn từ NSNN để tiếp tục nâng cấp KTX.	Nhà trường	Năm 2024 và các năm	

	tại	Nhà trường cần quyết tâm thực hiện chủ trương phát triển các cơ sở ven Hà Nội để di chuyển các trung tâm thực hành, thử nghiệm và phòng		tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Bộ môn cần tổ chức nhiều sân chơi khoa học hơn nữa cho SV; Bộ môn cần tiếp tục phát huy việc đưa SV đi trải nghiệm thực tế. Liên chi đoàn cần tổ chức nhiều hoạt động hơn nữa cho SV	Phòng ĐTĐH, CTCT&SV kết hợp với Khoa, Bộ môn.	2023	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức : 6/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 8***

Trường đại học GTVT là trường đại học có bề dày và truyền thống trong đào tạo, NCKH, CGCN tại Việt Nam. Các hoạt động đào tạo từ khâu tuyển sinh, tổ chức đào tạo, giám sát và hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, khoa học với chất lượng cao. Công tác tuyển sinh từ kế hoạch triển khai đến việc xây dựng đề án tuyển sinh với các tiêu chí lựa chọn người học được tính toán kỹ càng trên cơ sở các quy định của bộ, đánh giá kết quả tuyển sinh các năm trước, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Vì thế ngành kỹ thuật điện trong những năm qua luôn thuộc top đầu tuyển sinh của nhà trường nói riêng và Bộ GD&ĐT nói chung về chỉ tiêu tuyển sinh và điểm trúng tuyển.

Bên cạnh sự lớn mạnh của Nhà trường trong hơn 77 năm qua, các tổ chức chính trị xã hội như Đoàn TN, Hội SV cũng là những tổ chức lớn mạnh, hàng năm tổ chức được nhiều hoạt động có ý nghĩa giáo dục, huấn luyện các kỹ năng cho SV, tạo môi trường cho SV phát huy hết sở trường cá nhân.

Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kỹ thuật điện tự đánh giá Tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

## **Tiêu chuẩn 9. CSVC và trang thiết bị**

Trường ĐH GTVT đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

**Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### ***1. Mô tả***

Các SV và GV của ngành Kỹ thuật điện sử dụng các CSVC chung của Nhà trường gồm các phòng làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, khu thể thao, trung tâm y tế.

Diện tích phòng học trong toàn trường là 35.532,86 m<sup>2</sup>. Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Trường. Tổng số phòng học toàn trường hiện nay là 221 phòng (trong đó tại Hà Nội là 161 phòng, tại phân hiệu là 60 phòng) với các diện tích khác nhau có thể đáp ứng từ 30 chỗ ngồi đến trên 200 chỗ ngồi. Số lượng phòng học của trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận, ...) [**H9.09.01.01**], [**H9.09.01.02**]. CSVC và trang thiết bị phục vụ dạy và học đáp ứng đủ cho nhu cầu đào tạo và NCKH của SV và cán bộ, GV, ở hiện tại và có thể phát triển trong tương lai.

CSVC của trường được nâng cấp, sửa chữa thường xuyên hằng năm gồm cơ sở hạ tầng, hệ thống máy tính CNTT cho cả SV và giáo viên, và cơ sở hạ tầng cũng như trang thiết bị thí nghiệm [**H9.09.01.03**], [**H9.09.01.04**], [**H9.09.01.05**], [**H9.09.01.06**].

Phòng làm việc của các GV tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật điện được bố trí tại các phòng 508A6, 101A6, 102A6 với diện tích trung bình là 3m<sup>2</sup>/1 GV. Các phòng làm việc này được bố trí trang thiết bị phù hợp với định mức theo quy định của nhà trường [**H9.09.01.02**].

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng bộ môn chuyên môn. Ở các phòng này đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Đồng



thời các bộ phận chức năng của nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị **[H9.09.01.07]**, **[H9.09.01.08]**, **[H9.09.01.09]**.

## **2. Điểm mạnh**

- Hệ thống phòng học, phòng làm việc khang trang, hiện đại
- Trang bị đầy đủ hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm với các trang thiết bị khá đầy đủ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

## **3. Điểm tồn tại**

- Một số trang thiết bị đã bị xuống cấp làm giảm nhiều hiệu quả khả năng khai thác sử dụng.
- Chưa bổ sung được những trang thiết bị phục vụ cho các công nghệ mới hiện thời.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Xin cấp mới các thiết bị bổ sung. - Đẩy mạnh thực hiện các đề tài nghiên cứu về sản phẩm ứng dụng phục vụ cho thí nghiệm/ thực hành cũng như nghiên cứu bổ sung cho Phòng thí nghiệm. - Tăng cường hợp tác tài trợ thiết bị với các hãng, các đơn vị phân phối thiết bị hãng.	Bộ môn, Khoa, Trường	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác tối ưu hiệu quả sử dụng phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm/ thực hành.	Bộ môn, Khoa, Trường	Từ năm 2022

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

## **Tiêu chí 9.2. Thư viện Khoa/ Bộ môn và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả**

Năm 2002, Trung tâm Thông tin và Thư viện của UTC được thành lập, trên cơ sở thư viện UTC (thành lập năm 1962). Chức năng chính của Trung tâm là tổ chức, quản lý, thu thập, lưu trữ và cung cấp đầy đủ, cập nhật các nguồn tư liệu (sách, tạp chí, thông tin...) phục vụ đào tạo, NCKH và CGCN **[H9.09.02.01]**.

Diện tích thư viện tại cơ sở chính (Hà Nội) là 4566 m<sup>2</sup> và thư viện tại cơ sở Hồ Chí Minh là khoảng 2000m<sup>2</sup>. Trung tâm gồm: kho sách, phòng nghiệp vụ, phòng đọc tài liệu tiếng Việt, phòng đọc ngoại ngữ, luận văn, công trình NCKH, báo và tạp chí **[H9.09.02.02]**. Thư viện mở cửa đón bạn đọc từ 8h sáng đến 6h chiều không nghỉ trưa. Từ năm 2018, phòng đọc tại cơ sở Hà Nội được cải tạo không chỉ mang đến cho độc giả không gian đọc sách mà còn là không gian thư giãn, thảo luận cho độc giả **[H9.09.02.03]**, **[H9.09.02.04]**, **[H9.09.02.05]**, **[H9.09.02.06]**.

Trung tâm thư viện gồm có 280.193 loại tài liệu (sách giáo khoa, tài liệu học tập, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả sách điện tử, cơ sở dữ liệu điện tử). Trong đó: cơ sở Hà Nội có 244.401 văn bản các loại; Cơ sở Hồ Chí Minh có 35.792 hồ sơ các loại **[H9.09.01.01]**. Thư viện đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo và nghiên cứu của Chương trình CEA. Từ năm 2018, cơ sở dữ liệu điện tử bao gồm: 4000 luận văn thạc sĩ; 200 luận án tiến sĩ; 800 báo cáo NCKH; 3000 bài báo khoa học đã được thành lập **[H9.09.02.07]**, **[H9.09.02.08]**. Năm 2019, cơ sở dữ liệu số hóa được tích hợp vào phần mềm quản lý (Libol 6.0) giúp bạn đọc tra cứu tài liệu nhanh hơn, dễ dàng tra cứu lịch sử mượn/trả tài liệu **[H9.09.02.09]**.

Thư viện triển khai rà soát bổ sung tài liệu theo từng học kỳ (02 lần/năm). Cuối mỗi học kỳ, các tài liệu (giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, đề tài NCKH, tài liệu tham khảo (TLTK), đồ án tốt nghiệp, tập san) được thống kê, rà soát về số lượng và cơ sở. Căn cứ vào nhu cầu của bạn đọc, thư viện chủ động đề xuất các phương án tăng nguồn tài liệu in và tài liệu điện tử; sao chép, đăng lại/viết đề trình trường đại học phê duyệt. Vụ Đào tạo Đại học và Vụ Đào tạo Sau đại học, cùng với FEEE chịu trách nhiệm phát hành sách giáo khoa mới và TLTK cho chương trình CEA. Tài liệu sau khi nghiệm thu được chuyển về các phòng đọc, phòng mượn và bàn giao cho Thư viện

trực tiếp quản lý, lưu trữ theo chuyên môn nghiệp vụ **[H9.09.02.07]**. Giai đoạn 2017-2021, trường chi 1.374.638.623 đồng mua tài liệu mới **[H9.09.02.10]**. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí, tạp chí... của thư viện luôn được cập nhật, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.

Bên cạnh đó, trường bản thân là thành viên của CLB các trường đại học kỹ thuật, thư viện của UTC đã tham gia Hiệp hội và chia sẻ các nguồn tài nguyên điện tử phục vụ đào tạo và NCKH. Cụ thể là 05 cơ sở dữ liệu ASCE Library, Erary Engineering, ACM Digital Library, ASME và SPIE Digital Library đã được cán bộ, GV của Nhà trường truy cập và sử dụng **[H9.09.02.11]**.

Theo khảo sát năm 2020, có 83% cán bộ, GV đánh giá “đồng ý và rất đồng ý” “Trường ĐH Giao thông có thư viện đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu dạy và học” **[H9.09.02.12]**; có 83,9% người học đồng ý “Thư viện có đủ sách, TLTK, trang thiết bị, thời gian phục vụ” **[H9.09.02.13]**.

## **2. Điểm mạnh**

- Thư viện và nguồn học liệu đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH cho SV và GV.

- Thời gian mở cửa và dịch vụ hỗ trợ của thư viện đáp ứng tốt cho người sử dụng.

- Nguồn học liệu được cập nhật thường xuyên.

## **3. Điểm tồn tại**

- Số lượng tài liệu cho phép mượn ra ngoài khu vực thư viện còn ít.

- Số lượng tài liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	-Thư viện tiếp tục cập nhật, trang bị thêm cá nguồn tài liệu.	Trung tâm thông tin thư viện	Từ 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy sự linh hoạt	Trung tâm thông tin thư viện	Từ 2022

		trong phân bố thời gian hỗ trợ người đọc cũng như các dịch vụ hỗ trợ người đùng		
--	--	---	--	--

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

### **Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

#### **1. Mô tả**

Hệ thống các phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ và có giáo viên đứng chuyên môn phụ trách. Đáp ứng các nội dung thực hành, thí nghiệm theo đề cương các học phần từ cơ bản, cơ sở, đến chuyên ngành, và thường xuyên được nâng cấp **[H9.09.03.01]**. Các thiết bị phục vụ đào tạo thực hành chuyên môn được các hãng, công ty tài trợ hàng năm **[H9.09.03.02]**, **[H9.09.03.03]**.

Trường ĐH GTVT luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH, CGCN và kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng cho SV khi ra trường, khoa đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng, ban hành các quy định, tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng cho các lĩnh vực **[H9.09.03.04]**, mua bổ sung thiết bị phục vụ thí nghiệm tại các trung tâm thực hành thí nghiệm hàng năm **[H9.09.03.05]**.

Hệ thống phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành kỹ thuật điện bao gồm:

- Phòng thí nghiệm điện - điện tử thuộc trung tâm Khoa học Giao thông vận tải gồm ba phòng 306, 307, 308 A4 diện tích 200m<sup>2</sup> **[H9.09.03.06]**.

- Phòng thí nghiệm Mitsubishi tài trợ diện tích 120m<sup>2</sup> tại nhà Van hãm **[H9.09.03.07]**.

- Phòng thí nghiệm kỹ thuật điện gồm 03 phòng tại 103, 104, 105 A3 diện tích 120 m<sup>2</sup> **[H9.09.03.08]**.

- SV thực tập thực hành các môn học lập trình trên phòng máy của Nhà trường gồm 21 phòng máy với 795 máy tính.

Ngoài ra còn có phòng thí nghiệm vật lý **[H9.09.03.09]** sử dụng chung CSVC của Nhà trường.

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị TN, nhà trường đã thông qua mô hình quản lý các phòng TN phục vụ đào tạo, NCKH, LDSX gồm 2 cấp: cấp trường và cấp BM. Các phòng TN, phòng thực hành có bảng

phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Các danh mục trang thiết bị tại phòng TN, phòng thực hành cũng được kiểm kê cụ thể và sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH và có kế hoạch cho các trường hợp khẩn cấp khi thiết bị trang thiết bị hỏng đột xuất hoặc cần mua sắm mới phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH dựa vào các báo cáo hằng năm của người quản lý phụ trách phòng thí nghiệm **[H9.09.03.10], [H9.09.03.11]**.

## **2. Điểm mạnh**

- Có đủ phòng học lý thuyết, thí nghiệm/thực hành phục vụ đào tạo
- Nhà trường trú trọng, quan tâm công tác duy tu, nâng cấp đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác thiết bị.
- Cơ chế quản lý, khai thác chặt chẽ.

## **3. Điểm tồn tại**

- Do sự gia tăng SV hàng năm cho nên việc đầu tư máy móc thiết bị từ nguồn ngân sách và nhà trường còn chưa đáp ứng kịp.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tìm kiếm nguồn đầu tư để bổ sung thêm máy móc, trang thiết bị	Bộ môn, Khoa, Trường	Từ 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì khai thác hiệu quả trang thiết bị	GV, Bộ môn, Khoa	Từ 2022

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả**

CSVC của trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung. **[H9.09.04.01]**. Từ năm 2016 -2020 đầu tư 53 tỷ đầu tư hạ tầng CNTT và phòng học thông minh, 10 tỷ đồng hệ thống máy chủ và hạ tầng cáp quang, 15 tỷ đồng cho hệ thống máy trạm ảo, hệ thống lưu trữ dữ liệu, hệ thống Camera giám sát, khung kiến trúc trường đại học điện tử. Về hạ tầng mạng, trường hiện sử dụng 2 đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wi-fi toàn trường **[H9.09.04.02]**, **[H9.09.04.03]**; 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH.

Trường bố trí 21 phòng máy tính với 795 máy để phục vụ việc thực hành tin học đại cương và các chuyên ngành khác. Ngoài ra 100% phòng học đều có máy chiếu, bảng tương tác để phục vụ công tác giảng dạy.

Thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, trường đã tiến hành gồm 09 nội dung: duy trì phòng máy chủ và hệ thống mạng Internet, mạng Lan trong toàn trường; hệ thống website trường và đơn vị; hệ thống email cho CB, GV; hỗ trợ kỹ thuật cho CB thường xuyên có mặt tại trường; xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử SV và cựu SV; xây dựng và vận hành hệ thống họp trực tuyến và dạy (video conference) phục vụ trong và ngoài nước; hệ thống sao lưu backup định kỳ; hỗ trợ hạ tầng cho thư viện số; tích hợp các phần mềm quản lý. Bên cạnh đó trường, khoa cũng xây dựng những kế hoạch dự phòng để mua sắm, bảo dưỡng, bổ sung kịp thời CSVC hệ thống CNTT trong trường hợp khẩn cấp đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH cho GV và SV **[H9.09.04.04]**, **[H9.09.04.05]**.

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT hơn nữa, trường đã thành lập Trung tâm ứng dụng CNTT và ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm **[H9.09.04.06]**. Trung tâm đã bố trí 03 cán bộ chuyên trách phụ trách hệ thống mạng và 3 cán bộ chuyên trách phụ trách máy tính, 3 cán bộ phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng tốt hơn.

Nhà trường cũng hết sức quan tâm chú trọng ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá. Trường đã cung cấp tài khoản Microsoft Office 365 cho từng GV và SV; email của UTC phân bổ cho từng SV; ứng dụng Microsoft Teams trong dạy - học - kiểm tra đánh giá trực tuyến. Trường cũng đã phát triển và hoàn thiện 12 phòng thi trắc nghiệm tự động. Giai đoạn 2018-2020, Trường đã xây dựng 164 phòng học thông minh có khả năng thực hiện các khóa học trực tuyến. Để phát triển đào tạo trực tuyến, vào năm 2019 Nhà trường đã thành lập Trung tâm Đào tạo trực tuyến **[H9.09.04.07]**. Khoa điện – điện tử cũng hoàn thành việc xây dựng 03 giảng đường đào tạo trực tuyến, 1 phòng xây dựng hệ thống E-learning để sản xuất bài giảng điện tử, phục vụ dạy và học trong bối cảnh chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ **[H9.09.04.08]**.

Thông qua kết quả khảo sát, đại đa số cán bộ, GV và SV hài lòng về hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ các hoạt động quản lý, dạy học, học tập, và NCKH **[H9.09.04.09]**.

## **2. Điểm mạnh**

- Hệ thống máy tính đồng bộ, cấu hình tốt.
- Cơ sở hạ tầng CNTT mạnh.
- Sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng, quy trình rõ ràng.

## **3. Điểm tồn tại**

- Wifi ở một số khu vực sóng yếu.
- Công tác hỗ trợ xử lý các vấn đề về CNTT còn chậm và chưa triệt để.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Đề xuất bổ sung tăng cường điểm phát wifi để đảm bảo sóng khỏe phủ toàn phạm vi trường. - Đơn đốc công tác hỗ trợ xử lý các vấn đề về CNTT được kịp thời.	Trung tâm CNTT	Từ 2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Định kỳ rà soát, thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng để hệ thống vận hành	Trung tâm CNTT	Từ 2022



		hiệu quả. - Thường xuyên cập nhật, bổ sung, nâng cấp các phần mềm ứng dụng.		
--	--	--	--	--

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

### **1. Mô tả**

Ở cả khu giảng đường và khu KTX đều có trung tâm y tế. Thực hiện khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho người học, người lao động theo quy định của bảo hiểm y tế. Trung tâm y tế được phụ trách bởi các y, bác sĩ có chuyên môn, nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn. Cán bộ GV và SV được khám sức khỏe định kỳ hằng năm [**H9.09.05.01**], [**H9.09.05.02**], [**H9.09.05.03**].

Trường luôn quan tâm xây dựng CS bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Trạm y tế, Ban Quản lý KTX, Ban Quản lý giảng đường,... có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương [**H9.09.05.04**]. Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của trường, KTX được niêm yết công khai Phương án PCCC theo yêu cầu của cơ quan PCCC Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội [**H9.09.05.05**], [**H9.09.05.06**]. Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu vực trường và KTX SV. Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế và tuyển dụng bác sỹ khám chữa, sơ cứu cũng đã được xây dựng. Đảm bảo môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ GV và SV luôn an toàn, sức khỏe, xanh - sạch - đẹp.

Với số lượng 41 người tại Cơ sở Hà Nội và Phân hiệu TP Hồ Chí Minh, lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong trường. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Đối với Ban Quản lý giảng đường có 22 người, Ban Quản lý KTX có 22 người, Trạm Y tế có 06 người ở Hà Nội và ở Phân hiệu TP Hồ Chí Minh. Đáp ứng nhu cầu duy trì công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV.

Trường đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành, vệ sinh môi trường, và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất trước khi sử dụng các tiết học trên. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Ban Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Láng Thượng, Láng Hạ và Phường Tăng Nhơn Phú A trong công tác bảo đảm an ninh vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn

trường của các lực lượng chức năng của Phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trong các dịp lễ Tết và trong các đợt có các hoạt động lớn, trường đều có thông báo đến từng thành viên trong trường, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo. Ban quản lý giảng đường, Trạm y tế liên kết chặt chẽ với công ty môi trường đô thị, trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực trường và khu vực KTX SV

Bên cạnh đó, Trường cũng đầu tư các cơ sở hạ tầng hỗ trợ người học và người lao động có điều kiện rèn luyện, nâng cao sức khỏe như sân bóng đá, sân tennis, sân bóng rổ, sân cầu lông, sân bóng bàn. Tăng cường giao lưu, kết nối tình cảm, vun đắp tinh thần thoải mái nhằm nâng cao hiệu quả công việc **[H9.09.05.07]**, **[H9.09.05.08]**.

Đối với học sinh có hoàn cảnh đặc biệt: học sinh nghèo; dân tộc thiểu số; như SV được cử tuyển, SV khuyết tật có nguyện vọng vào học, SV mắc bệnh hiểm nghèo... nhà trường đã và đang áp dụng các chế độ CS theo quy định chung của Nhà nước và của Bộ GD&ĐT. Trường đã thực hiện các CS như tuyển thẳng SV hệ trước cử tuyển, miễn giảm học phí cho SV có hoàn cảnh đặc biệt, học bổng khuyến khích, miễn giảm một số môn học, cử tuyển SV. hoặc giáo viên hỗ trợ học tập... tùy từng trường hợp cụ thể để có những hỗ trợ kịp thời giúp học viên yên tâm học tập **[H9.09.05.09]**.

Toàn phòng học của UTC được trang bị hệ thống điều hòa nhiệt độ, tạo môi trường học tập thuận lợi, đảm bảo môi trường lành mạnh cho người học và GV ở các giảng đường khác nhau trong thời tiết nắng nóng của mùa hè **[H9.09.01.02]**. Khu vệ sinh trong giảng đường được sửa chữa, cải tạo đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh giúp bảo vệ sức khỏe cho người học **[H9.09.05.10]**, **[H9.09.05.11]**.

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học về môi trường, an toàn sức khỏe, và được người học đánh giá cao về môi trường đảm bảo an ninh, an toàn cho người học **[H9.09.05.12]**.

## ***2. Điểm mạnh***

- Khuôn viên được quy hoạch hợp lý, rộng rãi, thoáng mát.
- Công tác phòng cháy, chữa cháy luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để.
- Trạm y tế có đầy đủ CSVC, công tác khám và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, GV, và SV chu đáo.
- Công tác vệ sinh môi trường luôn đảm bảo.

### **3. Điểm tồn tại**

- Hệ thống thoát nước trong trường cùng hệ thống thoát nước khu vực chưa đảm bảo được quá trình thoát nước khi mưa to.

- Chưa hỗ trợ được toàn diện cho người khuyết tật.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Các công trình mới sẽ được thiết kế có lối đi cho SV khuyết tật có thể tự lăn xe vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác.	Trường	Từ 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường; công tác phòng cháy-chữa cháy; và công tác kiểm tra, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, GV, và SV.	Trường	Từ 2022

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 9***

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị được trang bị tương đối đầy đủ, hiện đại đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của SV ngành Kỹ thuật điện. Phòng học lý thuyết, giảng đường sạch đẹp đủ trang thiết bị ánh sáng, âm thanh, máy chiếu, và có cả bảng thông minh đủ để triển khai tốt nhất cho các hình thức và phương pháp dạy và học. Hệ thống phòng thí nghiệm được trang bị đủ các hệ thống thiết bị cơ bản phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu của ngành. Trung tâm thông tin thư viện với hệ thống tra cứu hiện đại, với hệ thống nguồn tài liệu đồ sộ, đa dạng đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, GV, và SV trong hoạt động dạy học và nghiên cứu. Hệ thống CNTT của trường được quan tâm trang bị và nâng cấp thường xuyên đáp ứng tốt cho công tác quản lý của các phòng ban, công tác tra cứu làm việc và học tập của GV, SV; cũng như công tác đào tạo online. Về công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn phòng cháy chữa cháy đều được Nhà trường trú trọng quan tâm với việc thành lập các Phòng ban quản lý chuyên trách để đảm bảo đáp ứng tốt nhất theo các tiêu chuẩn quy định.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 5/5 tiêu chí đạt.**

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### ***Mở đầu***

Khoa Điện - điện tử rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Coi trọng phát triển năng lực thực hành và NCKH của SV.

## **Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình**

### **1. Mô tả**

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH một cách có hệ thống và đảm bảo tính khoa học. Ban giám hiệu đã phân công trách nhiệm cho phòng KT&ĐB CLĐT, và Phòng CTCT&SV là đầu mối thực hiện các khảo sát, lấy ý kiến các BLQ [**H10.10.01.13**]. Khoa, Bộ môn và CVHT phối hợp triển khai thực hiện khảo sát [**H10.10.01.01**]. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi được triển khai thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết và được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển các CTDH trong toàn trường nói chung và của CTĐT ngành KTĐ nói riêng. Việc tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan theo các bước hướng dẫn của Nhà trường [**H10.10.01.02**], với nhiều hình thức đa dạng như: gửi email, gửi phiếu khảo sát, gửi link trên trang web của Khoa - Trường .... [**H10.10.01.03**], [**H10.10.01.07**], [**H10.10.01.09**], [**H10.10.01.12**], [**H10.10.01.14**].

- **Đối với sinh viên sau tốt nghiệp:** Khảo sát tình trạng việc làm của SV 1 năm sau khi tốt nghiệp do phòng KT&ĐB CLĐT, phòng CTCT&SV, phòng ĐTDH cùng Khoa, Bộ môn, CVHT tiến hành định kỳ hàng năm, trong đó, CSV phản hồi về sự CTĐT của ngành KTĐ đáp ứng các yêu cầu doanh nghiệp [**H10.10.01.14**].

- **Đối với SV sắp tốt nghiệp:** Khảo sát, lấy ý kiến nhận xét và đánh giá của sinh viên cuối khóa về các mặt hoạt động của Nhà trường do phòng KT&ĐB CLĐT chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong trường thực hiện định kỳ hằng năm, tập chung vào 7 nội dung cơ bản, gồm: công tác tuyển sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động đoàn thanh niên, hội sinh viên và đánh giá chung của SV về những hoạt động của Nhà trường [**H10.10.01.08**].

- **Đối với giảng viên:** Phòng KT&ĐBCLĐT phối hợp cùng Trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin đã tiến hành triển khai công tác khảo sát lấy ý kiến CB, GV, CNV trường ĐH GTVT về các mặt hoạt động của nhà trường về đào tạo, trong đó gồm CTĐT hằng năm, nội dung giảng dạy các học phần, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá NH [**H10.10.01.12**]. Khoa Điện – Điện tử và các Bộ môn KTĐ hỗ trợ phòng KT&ĐBCLĐT xin ý kiến các giảng viên về nội dung và phương pháp giảng dạy, đánh giá SV trong đề cương chi tiết các HP và khung

CTĐT qua sinh hoạt chuyên môn tại Bộ môn **[H10.10.01.15]**. Ngoài ra Khoa tổ chức hội thảo, tọa đàm với các khoa chuyên môn, các phòng ban chức năng trong trường, các chuyên gia ngoài trường để trao đổi về nội dung và triển khai các CTĐT của Khoa nói chung và CTĐT KTĐ nói riêng **[H10.10.01.16]**.

- **Đối với doanh nghiệp** (nhà tuyển dụng): Trung tâm KT&ĐBCL định kỳ tiến hành khảo sát lấy ý kiến nhu cầu các nhà tuyển dụng đánh giá về kiến thức, kỹ năng và thái độ NH, mục tiêu CTĐT, thời gian phân bổ giữa lý thuyết và thực hành, tính cập nhật thường xuyên của CTĐT **[H10.10.01.03]**, **[H10.10.01.04]**. Thêm vào đó, khoa Điện – Điện tử tổ chức các Diễn đàn, Hội thảo, Tọa đàm xin ý kiến các doanh nghiệp về CTĐT nhằm phát triển và nâng cao chất lượng CTĐT **[H10.10.01.05]**, **[H10.10.01.06]**.

Bên cạnh đó, CTĐT của khoa được thiết kế, rà soát và cải tiến dựa trên khảo sát, đối sánh CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước để qua đó đề xuất những kiến nghị cải tiến CTĐT **[H10.10.01.17]**.

- Trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT, CTĐT ngành KTĐ có sự điều chỉnh, bổ sung và thay đổi theo định kỳ 2 năm /lần nhằm đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội vào các năm 2018, 2020. Ở lần khảo sát các bên liên quan tới việc rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2018, Bộ môn Kỹ thuật điện đã tiến hành thảo luận, lấy ý kiến của các 09/10 GV của Bộ môn trong cuộc họp ngày 20 tháng 06 năm 2018. Biên bản cuộc họp đã tổng hợp ý kiến thảo luận cho rằng cần điều chỉnh giảm thời lượng các học phần: Đồ án chuyên ngành 1, Đồ án chuyên ngành 2 (02 TC) thành 01 tín chỉ; điều chỉnh tăng số tín chỉ các học phần Cơ sở truyền động điện, Chẩn đoán và bảo dưỡng thiết bị điện, Qui hoạch & xử lý các số liệu thực nghiệm lên 03 tín chỉ **[H10.10.01.17]**. Dựa trên phản hồi của các bên liên quan, Hội đồng KH khoa đã họp và điều chỉnh CTĐT ngành KTĐ: Bỏ 07 học phần (tổng 15 TC): GDTC (01 TC ở học kỳ 5), Kỹ thuật đại cương (02 TC), Lập trình hướng đối tượng (03 TC); Cấu trúc máy tính và ghép nối (03 TC), Lập trình cho thiết bị di động (3 TC), Cơ sở truyền dữ liệu (2 TC), TKMH Kỹ thuật vi xử lý (01 TC); Thay đổi điều chỉnh 04 học phần (Tổng 10 TC): đổi tên học phần Kỹ thuật lập trình C thành Kỹ thuật lập trình, tăng từ 2 TC thành 3TC; đổi tên học phần Kỹ thuật đo lường (2 TC) thành Kỹ thuật đo lường đện tử (2 TC); Thay đổi tăng học phần Thí nghiệm chuyên môn từ 1 TC thành 2 TC; Thay đổi tăng học phần Mạng truyền thông công nghiệp từ 2TC thành 3TC; Xây dựng 07 học phần mới ((16 TC chiếm tỷ lệ tỷ lệ 10%) : Kết cấu các hệ thống cơ khí (2 TC), Vật liệu điện



(2TC), Máy điện (3 TC), Khí cụ điện (2TC), An toàn điện (2TC), Lý thuyết sức kéo điện (2TC), Điều khiển quá trình (3TC) [H10.10.01.17]. CTĐT ngành KTĐ-ĐT được đổi tên thành KTĐ theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT.

- Dựa vào các kết quả khảo sát của các BLQ, CTDH ngành KTĐ được rà soát theo hướng tiếp cận CDIO theo kế hoạch của Nhà trường. Số tín chỉ CTĐT ngành KTĐ vẫn giữ nguyên 160 tín chỉ so với năm 2017. Rà soát, xây dựng CDR ngành KTĐ, xây dựng đề cương HP theo mẫu mới, bổ sung phương pháp đánh giá kiểm tra, kế hoạch và phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận CDIO. Sau khi Bộ môn xây dựng xong ĐCCT của các HP, lấy ý kiến phản hồi từ các GV trong BM và toàn Khoa. Các ý kiến phản hồi tập chung về mức đánh giá NH, mục tiêu và CDR của HP, Kế hoạch giảng dạy HP, phương pháp đánh giá HP [H10.10.01.15]. Thông tin phản hồi, phản ánh nhu cầu của các bên liên quan được Khoa, Bộ môn sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh CTDH. Sau khi có kết luận về những nội dung cần chỉnh sửa của Hội đồng KH khoa, CTĐT sẽ được chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản họp và trình Nhà trường ban hành.

- Năm 2021, trong quá trình xây dựng CTĐT ngành KTĐ theo NĐ99/2019/NĐ-CP, phiếu khảo sát ý kiến được gửi đến các cựu SV và doanh nghiệp [H10.10.01.10], chuyên gia và GV đang giảng dạy trong và ngoài trường [H10.10.01.12]. Các GV đều đánh giá về CTĐT có cấu trúc hợp lý, hệ thống, mang tính cập nhật; CDR phù hợp với nhu cầu xã hội với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý trên 80%. Tuy nhiên, về mức độ đánh NH cần thay đổi phù hợp đối với kỹ năng được đào tạo [H10.10.01.11]. Dựa trên ý kiến thảo luận của các GV trong cuộc họp Bộ môn ngày 12/04/2021, CTĐT ngành Kỹ thuật điện được điều chỉnh, bổ sung thêm các học phần: Thiết kế hệ thống điện nhẹ, Quản trị doanh nghiệp/Quản lý dự án, Điều khiển máy điện chuyên dụng, đổi tên học phần Thí nghiệm chuyên môn thành Thí nghiệm ngành, Trang bị điện lạnh đổi tên thành Thiết bị điện lạnh; bỏ học phần Vi điều khiển trong thiết bị điện, Thí nghiệm điện trong dự thảo CTĐT ngành Kỹ thuật điện hệ cử nhân [H10.10.01.20]. MT, CDR, CTĐT ngành KTĐ được hội đồng khoa học khoa thông qua ngày 06/10/2021 [H10.10.01.21]. CTĐT ngành KTĐ được xây dựng mới dựa trên CTĐT năm 2018, tổng số tín chỉ hệ cử nhân – 140 tín chỉ, hệ kỹ sư – 183 tín chỉ.

## ***2. Điểm mạnh***

Sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan đã góp phần giúp Nhà trường, Khoa Điện – Điện tử, ngành Kỹ thuật điện rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành cũng như chất lượng CTDH.

## ***3. Điểm tồn tại***

Số lượng ý kiến phản hồi của cựu SV, nhà tuyển dụng còn ít, nên việc khảo sát lấy ý kiến chưa bao quát và rộng khắp.

#### **4. Kế hoạch hành động**

<b>T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các bên liên quan với đầy đủ thông tin để khi cần thiết khoa, phòng KT&ĐBCL dựa vào cơ sở dữ liệu này tiến hành khảo sát sẽ nhanh chóng và đầy đủ hơn	Khoa Đ-ĐT, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTĐT theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa Đ-ĐT tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của thời đại.	Khoa Đ-ĐT, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2023

#### **5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.**

**1. Mô tả**

Nhà trường có quy trình thiết kế và phát triển CTDH và có văn bản hướng dẫn cụ thể và tuân thủ theo các quy định của Bộ GDĐT tại Thông tư số 07/2015/TTBGDĐT ngày 16/04/2015 bao gồm: mục tiêu, CDR, phương pháp đánh giá, bản mô tả CTDH, ĐCCT học phần,... **[H10.10.02.08]**. Trong đó, CDR ngành KTĐ được triển khai theo quy trình 8 các bước theo thông báo hướng dẫn và công bố CDR ngành đào tạo số **2196 /BGDĐT-GDĐH [H10.10.02.05]**.

Việc triển khai thực hiện việc phát triển CTDH của Khoa được thực hiện theo sự chỉ đạo chung của Nhà trường, các bước thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH cơ bản tuân theo các quy định, hướng dẫn bổ sung cập nhật và phát triển CTDH của Nhà trường và các văn bản của Nhà nước và Bộ GD&ĐT. Cụ thể:

CTĐT ngành KTĐ được xây dựng và phát triển từ CTĐT kỹ sư ngành Kỹ thuật điện – Điện tử trong GTVT, đào tạo từ năm học 2000-2001 (khóa K40). CTĐT ngành KTĐ hiện nay được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển của CTĐT năm 2013, phù hợp với mục tiêu sứ mạng của Trường ĐH GTVT, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Trong giai đoạn 5 năm gần đây, CTĐT ngành KTĐ được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2018, 2020, được xây dựng mới vào năm 2021. Năm 2018, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT thực hiện theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và giảng dạy. Cập nhật và bổ sung CTĐT ngành KTĐ đã tiếp cận Khung trình độ quốc gia Việt Nam **[H10.10.02.09]**, **[H10.10.02.02]**. Năm 2020, CTDH điều chỉnh phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả người học, các đề cương được chuẩn hoá theo CDIO, điều chỉnh tỷ lệ đánh giá KQHT, CDR, ma trận tích hợp CDR, khung CTĐT, thống nhất mức bloom đạt được với các kỹ năng CDIO **[H10.10.02.03]**. Năm 2021, CTĐT ngành KTĐ được xây dựng theo Nghị định 99/2019/ NĐ-CP, chuẩn hóa theo khung trình độ quốc gia Việt Nam, theo quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016. CDR, ma trận tích hợp CDR, khung CTĐT trình

độ cử nhân, khung CTĐT tích hợp cử nhân – kỹ sư, CDR các HP, ĐCCT các HP được xây dựng mới dựa trên cơ sở CTĐT ngành KTD năm 2018 **[H10.10.02.10]**.

Trong mỗi lần rà soát, điều chỉnh, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch chung toàn trường về rà soát cập nhật CDR và CTĐT **[H10.10.02.03]**, **[H10.10.02.09]**, **[H10.10.02.10]**. Phòng ĐTDH là đơn vị được giao cùng với Khoa/Bộ môn phát triển CTĐT. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Tiểu ban chỉ đạo – giám sát, Tiểu ban xây dựng CTĐT được thành lập theo từng Khoa quản lý. Tiểu ban xây dựng CTĐT chủ động xây dựng dự thảo CDR, khung CTĐT, đối sánh với các CTĐT tương đương, lấy ý kiến SV, GV và người sử dụng lao động, các chuyên gia. Bộ môn xây dựng ĐCCT các HP. Mỗi lần thiết kế và phát triển CTDH, Khoa Điện-Điện tử đều tổ chức các buổi họp mặt các đại diện của các Bộ môn, tiểu ban rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành, đơn vị sử dụng lao động để thảo luận về điểm yếu, điểm mạnh của CTĐT, từ các phân tích, tổng hợp ý kiến phản hồi trên và xem nên điều chỉnh những gì trong CTĐT, thời gian và lộ trình thực hiện điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Phòng ĐTDH là đầu mối tổng hợp dự thảo CTĐT chỉnh sửa sẽ được trình lên Hội đồng Khoa và Hội đồng trường xem xét. Sau khi được các Hội đồng đồng ý, Nhà trường phê duyệt, CTĐT được công bố rộng rãi và chính thức áp dụng giảng dạy **[H10.10.02.05]**.

Với quy trình rõ ràng, chi tiết được quy định bằng văn bản, Nhà trường và Khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTD đã thực hiện rà soát, cập nhật và phát triển CTDH cho ngành KTD thường xuyên theo định kỳ 2 năm/lần. Để ban hành được kế hoạch thực hiện chung cho toàn trường, Nhà trường tổ chức các cuộc họp thảo luận lấy ý kiến phản hồi của đại diện của các phòng, ban liên quan, các khoa quản lý sinh viên để rà soát và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH **[H10.10.02.03]**, **[H10.10.02.09]**, **[H10.10.02.10]**.

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động khảo sát ý kiến của SV về chất lượng hoạt động dạy học **[H10.10.01.08]**, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT **[H10.10.01.12]**, để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt KQHT mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sau những thay đổi CTDH, tỉ lệ SV năm cuối các khóa gần đây mức cơ bản hài lòng và rất hài lòng với CTDH tăng lên **[H10.10.02.06]**, như với SV cuối khóa năm 2020-2021 đánh giá CTDH với tỉ lệ đồng ý cao (trên 77.2 %).

Ngoài ra, Khoa tổ chức các buổi Hội nghị, Hội thảo khoa học về đào tạo, các ý kiến của các GV, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được Khoa quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển CTDH. Việc điều chỉnh, cập nhật, phát triển CTDH có sự

đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài **[H10.10.02.12]**.

Việc viết báo cáo kiểm định và kế hoạch kiểm định CTĐT **[H10.10.02.07]** cũng là một MC cho thấy Nhà trường nghiêm túc nhìn nhận và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của CTĐT ngành KTĐ, kế hoạch cải thiện trong thời gian tới để CTĐT ngành KTĐ trở nên phù hợp và thu hút hơn, đạt chuẩn với các nước trong khu vực.

## **2. Điểm mạnh**

Việc thiết kế và phát triển CTDH được khoa thực hiện theo đúng quy trình và thực hiện định kỳ theo kế hoạch của nhà trường. Việc thực hiện thiết kế và phát triển CTDH có sự tham gia của các chuyên gia, GV giảng dạy trong lĩnh vực KTĐ, doanh nghiệp sử dụng lao động, các SV, cựu SV.

## **3. Điểm tồn tại**

GV xây dựng đề cương chi tiết các HP trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành KTĐ theo nghị định 99/2019/NĐ-CP chưa có nhiều kinh nghiệm nên gặp nhiều khó khăn.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
	Khắc phục tồn tại	Nhà Trường tổ chức các lớp đào tạo những cán bộ, GV thực hiện công việc điều chỉnh CDR, nắm vững những yêu cầu của công việc.	Nhà trường, Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2022-2023
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa Đ-ĐT tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm	Khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2023

		cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của thời đại		
--	--	--	--	--

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.**

### ***1. Mô tả***

Việc rà soát và đánh giá quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên và có kế hoạch rõ ràng. Hàng năm Hiệu trưởng đều phê duyệt kế hoạch thanh tra thường xuyên các công tác quản lý, công tác tuyển sinh, công tác đào tạo, ngoài ra còn có công tác thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm **[H10.10.03.01]**. Phòng Thanh tra - Pháp chế kiểm tra các hoạt động dạy và học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian, lịch trình giảng dạy có đúng đề cương và thi cử. Khi có bất cứ vi phạm nào thanh tra sẽ gửi lại thông báo cho Khoa để nhắc nhở về các bộ môn và GV. Khi phát hiện vi phạm GV phải giải trình thích đáng và phải bố trí lịch dạy bù số giờ đó được Bộ môn xác nhận, Phòng thanh tra giám sát. Việc vi phạm này sẽ được đánh giá vào thi đua, khen thưởng cuối năm của GV. Ngoài ra công đoàn khoa và các bộ môn cũng tự tổ chức các buổi dự giờ để đánh giá từng GV và có ý kiến góp ý về bài giảng nói riêng và về phương pháp giảng dạy nói chung cho GV **[H10.10.03.02]**.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được Khoa Điện-Điện tử, Bộ môn KTĐ rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của chương trình. Để đảm bảo đạt được các CDR của CTĐT ngành KTĐ và CDR của HP, đề cương chi tiết các HP, các hoạt động kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR. Căn cứ trên CDR của CTĐT, tiểu ban xây dựng CTĐT xây dựng CDR của từng HP, trên cơ sở đó xây dựng các hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. Điều này được quy định cụ thể trong ĐCCT của các HP **[H10.10.03.09]**, thể hiện cụ thể bằng các quy định thể hiện rõ hình thức đánh giá và phương pháp đánh giá đối với mỗi HP **[H10.10.03.10]**. Ngoài ra, phòng CTCT&SV phối hợp với Khoa, Bộ môn và CVHT định kỳ theo học kỳ năm học tiến hành đánh giá kết quả RLSV trong đó có ý thức tham gia học tập, việc chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường. Quy trình đánh giá

RLSV được Nhà trường quy định rõ ràng, giúp SV có thái độ và phương pháp học tập đạt được CDR của HP, CDR của CTĐT **[H10.10.03.11]**.

Việc đánh giá quy trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH còn được giám sát chặt chẽ bởi phòng KT&ĐBCLĐT thông qua quy chế thi hết học phần của Nhà trường. Phòng KT&ĐBCLĐT thực hiện nghiêm túc công tác khảo thí, các quy trình tác nghiệp như giao nhận đề thi, bài thi, phiếu chấm lên điểm, báo điểm, phúc tra ... cụ thể rõ ràng **[H10.10.03.02]**. Trong thời gian thi, các cán bộ coi thi phải đảm bảo các qui định khi thi **[H10.10.03.03]**. Thanh tra giám sát việc thực hiện của SV và cán bộ coi thi có đúng theo qui chế, nếu vi phạm sẽ bị lập biên bản.

Mỗi học kỳ năm học, phòng KT&ĐBCL phối hợp với các Khoa/Bộ môn chuyên môn thực hiện rà soát đánh giá, xây dựng hệ thống đề thi nhằm nâng cao chất lượng đề thi, hướng tới đạt CDR. Mục đích của việc rà soát đề thi là để xem xét mức độ dễ/ khó của đề thi từ đó đưa ra những đề xuất nhằm đảm bảo đề thi được xây dựng đạt CDR và có tính phân loại trình độ của SV **[H10.10.03.12]**. Trước mỗi kỳ thi học kỳ từng năm học, thực hiện theo văn bản hướng dẫn rà soát, cập nhật, xây dựng đề thi của Nhà trường, Khoa/Bộ môn KTĐ tiến hành họp bộ môn để chỉnh sửa và cập nhật ngân hàng đề thi nhằm đáp ứng yêu cầu **[H10.10.03.13]**.

Mỗi một học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ người học qua phần mềm khảo sát đánh giá **[H10.10.03.04]**. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Trưởng Bộ môn thông báo cho GV được biết để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng của mình cho phù hợp.

Để rà soát quá trình dạy, học và kiểm tra đánh giá KQHT NH, hằng năm, phòng KT&ĐBCLĐT tiến hành khảo sát SV học năm cuối về hoạt động giảng dạy của GV, CSVC, CTĐT, CTDH và các hoạt động khác liên quan đến môi trường và văn hóa học đường. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát được thiết kế để đánh giá được sự tương thích và phù hợp với CDR của các HP về phương pháp giảng dạy, lượng kiến thức cung cấp. Kết quả khảo sát được phòng KT&ĐBCLĐT thông báo bằng văn bản về khoa/bộ môn. Bộ môn dựa vào kết quả đánh giá đó để yêu cầu GV có sự điều chỉnh kịp thời hoạt động giảng dạy cho phù hợp với thực tế cũng như phối hợp với các đơn vị liên quan để nâng cao, cải tiến chất lượng giảng dạy. **[H10.10.03.14]**. Cụ thể, trong cuộc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH năm 2021 được thực hiện bằng hình thức trực tuyến qua



các câu hỏi trên google drive về quá trình giảng dạy – học tập và đánh giá kết quả học tập của người học, trên 80% số SV cơ bản hài lòng và hoàn toàn rất hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, 77.2% số SV cơ bản hài lòng và hoàn toàn hài lòng về phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động vận dụng kiến thức và thực tiễn, trên 80% số SV cơ bản hài lòng và hoàn toàn hài lòng về công tác kiểm tra, đánh giá KQHT của NH.

Việc lấy ý kiến phản hồi CSV **[H10.10.03.06]** được lấy hàng năm về GV cho thấy việc đánh giá tổng quan về chất lượng GV trong toàn khóa học. Ngược lại ý kiến phản hồi của GV về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có hoạt động đào tạo **[H10.10.03.07]**, chính là những thông tin quan trọng để đánh giá và điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy và học tập để đạt hiệu quả trong các lần rà soát, điều chỉnh phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá KQHT của NH đảm bảo tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT. Khi rà soát CTĐT trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện theo hướng tiếp cận CDIO năm 2020, xây dựng CTĐT ngành Kỹ thuật điện theo nội dung Nghị định 99/20 -CP năm 2021, CDR ngành KTĐ bao gồm CDR về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp-thái độ, kỹ năng giao tiếp: làm việc nhóm và giao tiếp, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo. Đề cương chi tiết các học phần đã bổ sung thêm phương pháp đánh giá các học phần theo tiêu chí, CDR và mức độ bloom yêu cầu với các hình thức đánh giá quá trình, cơ cấu và tỷ trọng điểm đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc các học phần phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá học phần khi so sánh với CTDH năm 2018**[H10.10.03.05]**. ĐCCT các HP được xây dựng và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Kết quả của quá trình dạy và học, được đánh giá qua KQHT của người học. Hàng năm, sau mỗi năm học Nhà trường triển khai Hội nghị tổng kết năm học, trong đó có tổng kết công tác đào tạo, khảo thí năm học, đánh giá kết quả đạt được trong năm học, đánh giá các mặt mạnh và mặt yếu trong quá trình dạy và học, đưa ra các bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo **[H10.10.03.08]**.

## ***2. Điểm mạnh***

Quy trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng, được thực hiện đồng bộ giữa các

phòng ban chức năng, khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ, chặt chẽ và nghiêm túc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR đã công bố.

### **3. Điểm tồn tại**

Phương pháp đánh giá KQHT của NH còn chưa đa dạng, trong đó các HP áp dụng đánh giá KQHT của NH theo hình thức trắc nghiệm còn ít.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại và đề xuất phương án đa dạng hóa các phương pháp đánh giá KQHT, đẩy mạnh sử dụng hình thức trắc nghiệm đánh giá KQHT của NH khách quan	Phòng KT&ĐBCLĐT, Khoa, Bộ môn KTĐ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hoạt động đánh giá KQHT của SV đa dạng và linh hoạt hơn nữa nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.	Khoa Đ-ĐT	Từ năm 2023

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

## Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

### 1. Mô tả

Xác định hoạt động KH&CN là một trong các nhiệm vụ chính của trường ĐH GTVT. Hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và NCKH SV là một trong những hoạt động KH&CN của Nhà trường [H10.10.04.07]. Nhà trường đã đưa vào định mức NCKH với GV [H10.10.04.01]. GV có nhiều đề tài NCKH các cấp cũng như các bài báo được đăng trong các tạp chí, hội thảo trong nước và ngoài nước, và được thể hiện trong bảng thống kê đến tháng 12/2022 [H10.10.04.02]. Đồng thời, GV ngành KTĐ tích cực viết bài, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chi tiết được thể hiện trong thống kê quản lý giờ khoa học của GV được tổng hợp trên phần mềm quản lý của Nhà trường, được tổng hợp trong báo cáo tổng kết của bộ môn từ năm 2017-2022 [H10.10.04.03]. Kết quả và sản phẩm của các đề tài sau khi nghiệm thu được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, CGCN của Bộ KH&CN và Nhà trường [H10.10.04.05], [H10.10.04.06], đồng thời từ những kết quả và sản phẩm đó được các GV sử dụng vào trong viết giáo trình, bài giảng, làm cho bài giảng trở nên thu hút hơn, mang tính thực tế hơn và truyền cảm hứng cho SV cùng tham gia NCKH. Nhiều GV đã cập nhật những kết quả NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy, hướng dẫn đồ án/thiết kế môn học và hướng dẫn SV NCKH, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp.

Bảng 10.4.1. Các đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập

TT	Tên đề tài	Năm	HP ứng dụng
1	Nghiên cứu bộ trao đổi năng lượng hai chiều DC-DC ứng dụng cho hệ truyền động đường sắt đô thị	2017	Trang bị điện phương tiện đoàn tàu
2	Nghiên cứu thiết kế mô hình hệ truyền động điện tàu điện đô thị.	2017	Trang bị điện phương tiện đoàn tàu
3	Nghiên cứu và cài đặt cấu trúc điều khiển Dead-Beat cho động cơ không đồng bộ rotor lồng sóc dựa trên nguyên lý điều khiển tựa theo từ thông rotor	2018	Tự động điều chỉnh truyền động điện
4	Nghiên cứu thiết kế máy biến áp điện kéo dùm trong hệ thống cung cấp điện đường sắt đô thị	2019	Máy điện chuyên dụng
5	Nghiên cứu phương pháp DDL bảo vệ lưới điện kéo trước hiện tượng ngắn mạch trong hệ thống cung cấp điện đường sắt đô thị	2020	Bảo vệ role hệ thống điện

NCKH cho SV là một trong những nội dung của hoạt động KH&CN. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Hướng dẫn NCKH SV cũng là một trong những nội dung, nhiệm vụ quan trọng đối với GV [H10.10.04.01]. Lĩnh vực, các hướng nghiên cứu của SV phần lớn cũng là hướng nghiên cứu chính của GV. Thống kê trong giai đoạn 2017-2022, đã có 71 đề tài NCKH của SV ngành KTĐ [H10.10.04.04]. Tham gia NCKH cũng là một cách để SV vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức, phương pháp đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, mới trong kỹ thuật. Khi SV tham gia NCKH đã tăng cường được ít nhất 2/3 CDR về kiến thức và lập luận ngành, 7/9 CDR về kỹ năng như kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm,... Với những kiến thức và kỹ năng đạt được trong NCKH, SV sẽ áp dụng hiệu quả hơn trong các môn học sau này và có kết quả học tập tốt hơn.

## 2. Điểm mạnh

NCKH đã được GV giảng dạy và SV ngành KTĐ tham gia tích cực. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp GV có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để SV dễ hiểu và nắm bắt kiến thức. Các đề tài NCKH có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, số lượng đề tài NCKH cấp bộ của ngành KTĐ còn chưa cao. Số lượng GV tham gia viết bài báo trên tạp chí nước ngoài còn ít.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập và phát triển các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực mũi nhọn thuộc ngành KTĐ	Bộ môn KTĐ, Khoa Đ-ĐT,	Từ năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH SV và vận dụng kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học	Khoa Đ-ĐT, phòng Khoa học và Công nghệ Bộ môn KTĐ	Từ năm 2023

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

## **Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.**

### **1. Mô tả**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng TN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH cho nên trường ĐH GTVT, các đơn vị phòng ban chức năng, Bộ môn KTĐ luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích là thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ trong các giai đoạn công tác của đơn vị mình. Định kỳ, Nhà trường, các đơn vị có liên quan đều xin ý kiến đánh giá từ phía GV, người học nhằm tìm ra những điểm chưa được, những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy [**H10.10.05.04**], [**H10.10.05.05**].

Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người học từ năm 2018-20222017-2021 về CSVC và dịch vụ của thư viện Trường ĐHGTVT [**H10.10.05.01**], [**H10.10.01.09**] cho thấy thư viện đã đáp ứng được nhu cầu của người học. Ở thư viện, tài liệu được số hóa để bảo quản, toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện đều được quản lý bằng phần mềm, hàng năm bổ sung vốn tài liệu, sách báo, tạp chí cho thư viện. Trung tâm Thông tin thư viện Nhà trường đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và NCKH. Phần lớn người học được khảo sát hài lòng về dịch vụ mượn sách, giáo trình và TLTK. Hàng năm thư viện đều xin ý kiến các bộ môn về kế hoạch bổ sung sách hay TLTK, các bộ môn đề nghị theo mẫu [**H10.10.05.02**] để thư viện tổng hợp và trình nhà trường xét duyệt.

Các yêu cầu về mua sắm, nâng cấp, sửa chữa CSVC, trang thiết bị phòng thí nghiệm [**H10.10.05.03**] đều xuất phát từ các đơn vị quản lý thiết bị nếu có phản ánh của người dùng về việc thiếu máy móc hoặc tình trạng làm việc không tốt. Từ đó phòng Thiết bị quản trị lập kế hoạch, kết hợp phòng Tài chính kế toán xem xét tính khả thi và trình Ban giám hiệu xét duyệt.

Về dịch vụ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ được các CSV [**H10.10.01.09**] khảo sát đánh giá tốt và rất tốt tăng từ khóa trước đến khóa sau, mức đánh giá trung bình giảm đáng kể. Điều này chứng tỏ sự nỗ lực cải thiện chất lượng phục vụ của nhà trường làm hài lòng SV.

### **2. Điểm mạnh**

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù hàng năm, nhà trường đều thực hiện việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ và nâng cấp trang thiết bị phục vụ SV, tuy nhiên do sự phát triển của ngành KTD và số lượng SV tăng lên theo từng năm nên trang thiết bị *PTN phục vụ công tác giảng dạy SV và nghiên cứu của GV còn nhiều hạn chế, đặc biệt đối với các HP chuyên ngành sâu trong lĩnh vực KTD.*

Tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Nhà trường đã cố gắng phủ sóng wifi toàn trường. TLTK tại thư viện vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của SV do số lượng trên mỗi đầu sách chưa nhiều. Hệ thống wifi tại các cơ sở chưa đủ mạnh thường xuyên bị nghẽn và tốc độ chậm.

### **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện đặc hoàn thành</b>
	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đầu tư hệ thống PTN và nâng cấp hệ thống wifi tại các cơ sở để đảm bảo việc truy cập tìm kiếm thông tin phục vụ dạy và học tốt hơn.	Thư viện, Phòng Thiết bị quản trị, Ban quản lý giảng đường	Từ năm 2023
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích hằng năm theo quy trình thống nhất của nhà trường; Tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho SV	Phòng KT&ĐBCL, Phòng CTCT&SV	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã thiết lập một hệ thống thu thập phản hồi của các bên liên quan rất khoa học, có tính hệ thống, được làm thường xuyên và có đánh giá lại để cải tiến với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo theo quy trình **[H10.10.01.02]**, **[H10.10.01.13]**.

Phòng KT&ĐBCLĐT có chức năng tham mưu cho Nhà trường nhiều kế hoạch về mục tự đánh giá chất lượng CTDH, đánh giá hoạt động của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) như khảo sát về CTĐT, khảo sát về CTDH, khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTĐT, khảo sát CVHT về các mặt như mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, công tác đề thi, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, CSVC của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp...**[H10.10.06.01]**. Phòng CTCT&SV là đầu mối phối hợp các đơn vị trong tổ chức thực hiện triển khai đánh giá CVHT, đánh giá RLSV theo từng học kỳ năm học **[H10.10.06.11]**. Trong các lần khảo sát, Khoa và Bộ môn phối hợp cùng đơn vị được Nhà trường giao thực hiện triển khai và thông báo thông tin khảo sát đến các BLQ **[H10.10.06.12]**.

Hiện tại, Trường Đại học GTVT đang thực hiện một hệ thống khảo sát bao gồm nhiều nội dung: khảo sát về chất lượng giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến NH về CTĐT, CTDH và CSVC của Nhà trường, khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp, khảo sát GV,... Cụ thể, hàng năm Phòng KT&ĐBCLĐT đã chủ trì, phối kết hợp với các đơn vị và cá nhân trong và ngoài trường tiến hành khảo sát, lấy ý kiến nhận xét và đánh giá của sinh viên cuối khóa về các mặt hoạt động của Nhà trường. Khảo sát được thực hiện theo hình thức online thông qua hệ thống các câu hỏi trên google drive **[H10.10.06.04]**. Theo từng học kỳ năm học, Nhà trường khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV theo hình thức trực tuyến, trên trang <http://khaosat.utc.edu.vn> **[H10.10.06.14]**. Việc khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ hàng năm theo hình thức gọi điện thoại, email, phỏng vấn, phiếu hỏi giấy hoặc phiếu hỏi online đặt tại trang <http://alumni.utc.edu.vn/> **[H10.10.06.03]**. Việc lấy ý kiến khảo sát về sự hài lòng của GV đối với các mặt hoạt



động của Nhà trường được thực hiện online trên trang <https://vanphongdientu.utc.edu.vn/> định kỳ hàng năm [**H10.10.06.07**]. Ngoài ra, Phòng CTCT&SV phối hợp cùng các Bộ môn, CVHT tiến hành khảo sát đánh giá RLSV cũng như đánh giá CVHT theo từng kỳ học [**H10.10.06.11**].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Nhà trường, Khoa, Bộ môn đánh giá và sử dụng một cách hiệu quả trong việc điều chỉnh và cải tiến các hoạt động đào tạo, giảng dạy và đảm bảo chất lượng. Về việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, sau khi phòng KT&ĐBCLĐT tổ chức khảo sát, xử lý dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng. Từng GV và lãnh đạo các đơn vị có thể truy cập vào tài khoản của mình trên trang <https://vanphongdientu.utc.edu.vn/> để xem kết quả khảo sát. Dựa vào kết quả khảo sát, GV biết để có thể phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học.

Kết quả phản hồi của các bên liên quan (SV năm cuối, SV đang học, GV và các nhà tuyển dụng lao động) đều được phân tích, tổng hợp [**H10.10.06.04**], [**H10.10.06.06**], [**H10.10.06.07**], và sử dụng đánh giá và cải tiến CTĐT. Kết quả phản hồi khảo sát CSV cho thấy tỉ lệ SV có việc làm hoặc học thạc sĩ sau một năm tốt nghiệp chiếm 92.45%-98.53%, với tỉ lệ khoảng 73% làm đúng hoặc gần đúng ngành nghề được đào tạo [**H10.10.06.06**]. Điều này cho thấy CTĐT cung cấp kiến thức kỹ năng đủ rộng và SVTN thích ứng tốt với xã hội. Ngoài việc khảo sát SV đang học về các mặt hoạt động của Nhà trường. Trong Hội nghị đối thoại SV ở cấp trường hoặc cấp Khoa [**H10.10.06.05**], được tổ chức hàng năm. Những người tham gia bao gồm người quản lý từ Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm Khoa, Lãnh đạo các Bộ môn, CVHT và SV. Trong buổi đối thoại này, tất cả các thắc mắc của SV được giải đáp trực tiếp.

Qua các cuộc họp giao ban hàng tuần của Khoa với các lãnh đạo bộ môn, các việc liên quan đến quản lý, giảng dạy, cách xử lý thông tin phản hồi được thảo luận. Nhà trường có giao ban hàng tháng với các lãnh đạo khoa, phòng ban để nắm bắt được tình hình của các đơn vị và triển khai các kế hoạch của trường [**H10.10.06.08**], kết quả được thông báo trên cổng thông tin Nhà trường cho các CBGV biết.

Khoa tổ chức hội nghị người lao động hàng năm [**H10.10.06.09**] để trao đổi, lấy ý kiến CBGV về các vấn đề đào tạo, phúc lợi, CSVC, kế hoạch phát triển... Báo cáo sẽ được sử dụng để cải thiện các hoạt động của Khoa trong năm tiếp theo. Khoa cử các đại diện đi dự Hội nghị công nhân viên chức trường để đề đạt các ý kiến của Khoa lên trường và nghe nhà trường giải trình về các vấn đề [**H10.10.06.10**].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Nhà trường đánh giá, cải tiến thường xuyên, liên tục thể hiện trong các bản báo cáo tổng kết khảo sát của các đơn vị được phân công thực hiện trong các cuộc họp giao ban tháng, hội nghị đại biểu cán bộ - viên chức trường hàng năm [H10.10.06.04], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07] Theo định kỳ, các đơn vị tham mưu lãnh đạo Trường tổ chức thực hiện công tác rà soát, đánh giá tính hiệu quả khảo sát từ hình thức, nội dung khảo sát nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy, có giá trị từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Từ đó, Nhà trường đã thực hiện cải tiến về nội dung khảo sát, hình thức khảo sát,... Cụ thể, trong năm học 2018-2019, nội dung phiếu khảo sát NH về các mặt hoạt động của Nhà trường được cải tiến toàn diện, tập chung vào 7 nội dung cơ bản, gồm: công tác tuyển sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, CTĐT, CTDH, hoạt động KTĐG, hoạt động đoàn thanh niên, hội SV và đánh giá chung của SV về những hoạt động của Nhà trường. Hình thức khảo sát SV sau tốt nghiệp năm 2020 đã thay đổi hình thức khảo sát bằng giấy bằng hình thức khảo sát trực tuyến (<http://alumni.utc.edu.vn/ykienphanhoi>) nhằm thu được kết quả phản hồi khách quan, tin cậy với số lượng phiếu khảo sát lớn phù hợp với yêu cầu khảo sát [H10.10.06.16].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa xây dựng cơ chế phản hồi ngược tới các bên liên quan tham gia khảo sát.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng các đề án chuyên biệt về cải tiến cơ chế thu thập thông tin - Xây dựng cơ chế phản hồi ngược tới các bên liên quan tham gia khảo sát	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa hơn nữa các kênh thu thập thông tin	Phòng KT&ĐBCL	Hàng năm

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT ngành KTĐ đã được Nhà trường, Ban lãnh đạo khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ thực hiện một cách bài bản. CTĐT được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến định kỳ để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Căn cứ vào CDR của CTĐT ngành KTĐ, thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, CTĐT đã được tiến hành thiết kế và định kỳ điều chỉnh lại CTĐT. Khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ cũng thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Ngoài ra, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Mặc dù còn một số hạn chế trong việc cải tiến chất lượng đào tạo, trong thời gian tới, Nhà trường và Khoa Đ-ĐT sẽ nỗ lực thực hiện các kế hoạch hành động đã đề ra để khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đạt.**

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### **Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### *1. Mô tả:*

Việc theo dõi, cập nhật danh sách, xác lập tỷ lệ người học thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được thực hiện bởi cán bộ quản lý SV của Khoa, trên cơ sở phối hợp với Phòng CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo chất lượng. Cuối mỗi kỳ học, năm học nhà trường tiến hành xét kết quả học tập, xét tốt nghiệp và đặc biệt là tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp [H11.11.01.01]; [H11.11.01.02] [H11.11.01.03]; [H11.11.01.04] [H11.11.01.05]. Việc áp dụng phần mềm trong việc quản lý kết quả học tập của sinh viên giúp đánh giá kết quả chính xác, nhanh và cụ thể hơn. Từ các kết quả này nhà trường chỉ đạo Khoa phối hợp với Phòng CTSV, GVCN tiến hành các biện pháp hỗ trợ người học, cải tiến chất lượng để giúp SV tiếp tục học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn, giảm tỷ lệ thôi học. Cụ thể thông tin tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của 5 khóa gần nhất được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Qua Bảng số liệu 2.11.1 về tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của 5 khóa gần đây nhất, có thể thấy rằng:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp tương đối cao. Lãnh đạo Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của người học thông qua Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và Cán bộ quản lý SV. Tuy nhiên, đặc biệt năm học 2018-2019 (Khóa tuyển sinh 2015) thì có tỷ lệ tốt nghiệp giảm là 62,7% Nguyên nhân người học chưa hoàn thành CTĐT đúng hạn chủ yếu là chất lượng đầu vào không đồng đều, ý thức học tập chưa cao và chưa chủ động để hoàn thành đúng tiến độ các chuẩn chuyên ngành, ngoại ngữ, tin học, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh. Một số người học vừa đi học, vừa làm thêm đã ảnh hưởng đến kết quả và tiến độ học tập. Lãnh đạo Khoa và bộ môn cũng đã có những giải pháp nhằm cải thiện tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT đúng hạn tư vấn kịp thời cho người học về kế hoạch học tập, GV chú trọng lựa chọn phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc điểm người học, người học được đăng ký mở lớp học phân bổ sung .

Tỷ lệ người học thôi học giảm dần theo các năm. Nguyên nhân có thể xuất phát từ: động cơ học tập của người học chưa thực sự rõ ràng, định hướng lựa chọn ngành nghề từ gia đình chưa phù hợp, bản thân người học có những định hướng khác cho tương lai như tham gia thi tuyển sinh lại ngành khác hoặc đi làm kiếm thêm thu nhập cho gia đình.... Bộ phận giáo vụ sẽ thống kê cụ thể số lượng SV nghỉ học theo từng

nguyên nhân, từng học kỳ. Với những người học thôi học, Cố vấn học tập và GVCN cũng trao đổi tìm hiểu để nắm bắt tình hình người học, từ đó có những tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học.

**Bảng 2.11.1: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học (của 5 khóa gần nhất)**

Năm học	Ngành	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % tốt nghiệp	Tỷ lệ% thôi học
2014-2022 (K55)	Kỹ thuật điện	75	73,33%	22,67%
2015-2022 (K56)	Kỹ thuật điện	58	62,7%	31,3%
2016-2022 (K57)	Kỹ thuật điện	72	80,6%	12,5%
2017-2022 (K58)	Kỹ thuật điện	64	73,4%	12,5%
2017-2022 (K59)	Kỹ thuật điện	61	78,7%	3,3%

### 2. Điểm mạnh:

Lãnh đạo Khoa, CVHT, giáo vụ và tập thể GV luôn quan tâm tìm hiểu, nắm bắt tình hình, tiến độ học tập của người học và kịp thời có những hỗ trợ, giải quyết những vướng mắc của người học. Ngoài ra, CVHT thường xuyên thông báo kết quả và tình hình học tập của người học về gia đình, phối kết hợp với gia đình để giúp SV tập trung vào học tập không bị ảnh hưởng nhiều từ những tệ nạn trong xã hội.

### 3. Tồn tại:

Hệ thống quản lý, theo dõi quá trình học tập của người học từ lúc bắt đầu đến khi tốt nghiệp cần phải được cải thiện. Nhằm tạo điều kiện cho việc thống kê, theo dõi tình hình tốt nghiệp và thôi học một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. Khoa cần phải thường xuyên phân tích và đánh giá nguyên nhân người học không tốt nghiệp đúng hạn hay thôi học theo từng năm học để có giải pháp phù hợp cho vấn đề thay đổi, cập nhật CTĐT và quá trình quản lý người học trong quá trình đào tạo.

### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------------------	---------

1	Nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình người học, kịp thời tư vấn.</li> <li>- Lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá phù hợp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Khoa, CVHT, giáo vụ,</li> <li>- Bộ môn, GV.</li> </ul>	- Thường xuyên.	
2	Có được hệ thống quản lí tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học chi tiết.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng hệ thống quản lí chi tiết tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học.</li> <li>- Cử cán bộ quản lí hệ thống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường, Khoa.</li> <li>- Khoa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định kì.</li> <li>- Cuối mỗi năm học.</li> </ul>	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7.

## **Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### *1. Mô tả:*

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho SV. Đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, đa số các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 5 năm. Quy chế học sinh- sinh viên cũng đã cung cấp đủ các thông tin liên quan đến điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV. Vào đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt đầu khóa. Bên cạnh đó, các thông tin về kết quả học tập, rèn luyện từng học kỳ, của các năm học cũng được cung cấp cho SV qua trang web của trường. Từng năm học, Nhà trường sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Qua đó, Nhà trường có thể kiểm chứng lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể SV. Một số SV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định trong Quy chế học sinh, sinh viên.

Việc xác lập thời gian tốt nghiệp được thực hiện bởi cán bộ quản lý SV của Khoa, trên cơ sở phối hợp với Phòng CTSV, Phòng ĐBCL&KT và Phòng Đào tạo [H11.11.02.01] [H11.11.02.02] [H11.11.02.03] [H11.11.02.04] [H11.11.02.05]. Cụ thể, thời gian tốt nghiệp của 5 khóa gần nhất được thể hiện qua bảng số liệu sau.

Qua Bảng số liệu 11.2.1 về thời gian tốt nghiệp của 5 khóa gần đây nhất, có thể thấy rằng: Thời gian tốt nghiệp của người học là từ 5 năm trở lên, trong đó đa số người học có thời gian tốt nghiệp là 5 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học là từ 5-5,1 năm

Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, giáo viên chủ nhiệm phối hợp cùng giáo vụ khoa tiến hành xét kết quả học tập, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ chính, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua GVCN và Ban cán sự lớp. Đối với SV năm cuối, Trưởng bộ môn cùng với GVCN họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn SV thực hiện tốt đề tài tốt nghiệp. Đây là

những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và tốt nghiệp đúng tiến độ của SV. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa hoàn thành đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc thiếu các môn điều kiện (các môn kỹ năng mềm bắt buộc, tin học ngoại ngữ, chứng chỉ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng). Nhà trường mở các lớp học theo yêu cầu, tạo điều kiện cho những SV này về trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép.

Từng năm học, Nhà trường sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Qua đó, Nhà trường có thể kiểm chứng lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể SV. Một số SV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định trong Quy chế học sinh, sinh viên.

**Bảng 2.11.2:**

Năm học	Ngành	Tổng số lượng tốt nghiệp	Thời gian tốt nghiệp		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
			5năm	5,5 năm	
2014-2022 (K55)	Kỹ thuật điện	55	43	12	5,1
2015-2022 (K56)	Kỹ thuật điện	36	30	6	5,08
2016-2022 (K57)	Kỹ thuật điện	58	47	11	5,09
2017-2022 (K58)		47	41	6	5,06
2017-2022 (K59)		48	48		5

**2. Điểm mạnh:**

Việc theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện chặt chẽ. Người học được hỗ trợ tối đa để hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

**3. Tồn tại:**



SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, việc trả nợ các học phần gặp khó khăn vì SV đăng ký không đúng đợt tổ chức của nhà trường dẫn đến việc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học

*4. Kế hoạch hành động:*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở các lớp học lại tại mọi thời điểm tạo điều kiện cho SV năm cuối có nguyện vọng trả nợ, cải thiện kết quả học tập đăng ký và trả nợ, hoàn thành chương trình học đúng tiến độ. Tăng cường nhắc nhở SV về điều kiện tốt nghiệp trong các buổi sinh hoạt lớp, thời hạn nộp các chứng chỉ để xét điều kiện tốt nghiệp.	Khoa sẽ phối hợp với Phòng đào tạo	Từ năm học 2019– 2020	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7.

### **Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### **1. Mô tả:**

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường cũng là vấn đề trường ĐH Giao thông vận tải quan tâm hàng đầu.

Các đầu mối liên hệ giữa SV và doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm cho SV của Trường GTVT là tổ chức hội trợ việc làm. Trường GTVT có bộ phận tư vấn, giới thiệu việc làm cho SV trực thuộc Phòng CTSV. Đơn vị này là cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm cho SV. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với các đơn vị tổ chức hội chợ việc làm để SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Qua Website của Khoa, SV sẽ nắm được các thông tin liên quan đến thực tập doanh nghiệp và được hướng dẫn rõ ràng; SV sẽ biết thêm các tin tức, các vấn đề hướng nghiệp và sẽ được giải đáp các thắc mắc liên quan đến doanh nghiệp, việc làm. Đặc biệt, các thông tin về ngày hội việc làm cũng được cập nhật liên tục, là nơi kết nối Nhà trường với doanh nghiệp.

Các đầu mối liên hệ giữa SV, cựu SV là hội cựu SV của Nhà trường là nơi để Nhà trường tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản hồi của SV và đây cũng là nguồn cung cấp, giới thiệu thêm nhiều việc làm cho các SV đã và sẽ tốt nghiệp.

Ngoài Phòng CTSV và Hội cựu SV, còn có Lãnh đạo, GV các Khoa giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV bằng các mối quan hệ quen biết.

Hàng năm, Nhà trường phối hợp với các Khoa triển khai việc khảo sát để tìm hiểu tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Đây là một trong những kênh thông tin để Nhà trường nhận được những phản hồi của người học, người sử dụng lao động về sự đáp ứng của CTĐT đối với nhu cầu lao động thực tế. Kết quả khảo sát sẽ được gửi về các đơn vị. Sau khi theo dõi kết quả và tìm ra các giải pháp phù hợp, từng đơn vị sẽ lập báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan giúp Nhà trường kịp thời có những kế hoạch phù hợp để tăng cường khả năng có việc làm của SV.

Qua bảng 11.3.1 ta thấy nhờ sự tích cực rà soát, cải tiến công tác tìm kiếm việc làm cho SV, với nhiều hình thức hỗ trợ giúp SV tìm việc làm sau khi tốt nghiệp thì tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tăng từ 89.83% lên 98.53%.

Bên cạnh việc tăng tỷ lệ có việc làm cho SV, Khoa Điện – Điện tử cũng rất quan tâm đến tỷ lệ SV làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Theo khảo sát năm 2018 với SV tốt nghiệp năm 2017 tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành và liên quan đến

ngành đào tạo là 76.2%. Nhà trường, Khoa và các bộ phận chức năng đã tổ chức ngày hội việc làm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho SV, thường xuyên đưa thông tin tuyển dụng tới SV về nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị Khoa có đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp giữa các Khoa trong Nhà trường. Một số kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.11.3: Tỷ lệ có việc làm của SV Khoa Điện – Điện tử các năm**

Năm tốt nghiệp	Ngành	Tỷ lệ % có việc làm được khảo sát	Tỷ lệ % không có việc làm
Năm 2018	Kỹ thuật điện	89,83%	10,17%
Năm 2019	Kỹ thuật điện	93%	7%
Năm 2020	Kỹ thuật điện	98,53%	1,47%
Năm 2021	Kỹ thuật điện	94,17%	5,83%
Năm 2022	Kỹ thuật điện	93,18%	6,82%

### 2. Điểm mạnh:

Nhà trường phối hợp nhiều đơn vị tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm giúp SV ra trường sớm có việc làm, làm việc theo ngành nghề đã được đào tạo với thu nhập cao. SV Đại học GTVT ra trường có việc làm ngay và mức lương hợp lý với tỷ lệ ngày càng tăng. Đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

### 3. Tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến cựu SV và nhà tuyển dụng được thực hiện chưa đồng bộ. Tỷ lệ phiếu có giá trị thống kê chưa cao, nhiều cựu SV không hợp tác trong quá trình khảo sát. Qua khảo sát, SV Đại học GTVT rất năng động nhưng nhiều SV Đại học GTVT mất cơ hội việc làm do thiếu kỹ năng mềm như trả lời phỏng vấn và kỹ năng ngoại ngữ. Một số SV còn thờ ơ với các ngày hội việc làm do Nhà trường phối hợp với các Doanh nghiệp tổ chức.

### 4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2018 – 2019, Phòng công tác sinh viên phối hợp với các Khoa/GVCN các lớp để thực hiện việc tổ chức khảo sát ý kiến cựu SV và nhà tuyển dụng. Rà soát lại biểu mẫu, quy trình để cải tiến phương thức khảo sát sao cho có hiệu quả.

Tiếp tục đào tạo kỹ năng mềm, trau dồi khả năng ngoại ngữ, tổ chức tập huấn cho SV về kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm. Các phòng ban liên quan phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm, các Khoa rà soát công tác truyền thông, đảm bảo các thông tin về các ngày hội việc làm được đến với tất cả SV Đại học GTVT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7.

#### **Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

##### *1. Mô tả:*

Trường Đại học GTVT xác định NCKH của người học là hoạt động quan trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Định hướng phát triển KH – CN cho người học được Nhà trường cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2019-2024; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của mỗi năm học [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], thông báo đề xuất các hoạt động KH-CN cấp cơ sở hàng năm. Cùng với định hướng chung về kế hoạch hoạt động NCKH của người học tại Trường Đại học GTVT và với đội ngũ giảng viên có năng lực NCKH tốt, Ngành Kỹ thuật điện Trường đại học GTVT đã xác định NCKH của người học là hoạt động mũi nhọn nhằm khẳng định chất lượng đào tạo và là chìa khóa quan trọng giúp người học đạt CĐR với mức độ tốt nhất. Trong các kế hoạch của Khoa đã xác định NCKH giáo dục và nghiên cứu cơ bản là hai loại hình nghiên cứu chủ chốt của hoạt động NCKH của người học, với nhiều hình thức nghiên cứu như thực hiện đề tài NCKH cấp trường, tham gia các hội thảo hội nghị trao đổi học thuật, tham gia câu lạc bộ NCKH, tham gia các giải thưởng về khoa học dành cho người học, công bố các kết quả NCKH của người học. Ngoài ra, hàng năm Khoa đều tổ chức hội nghị NCKH để người học có cơ hội công bố kết quả nghiên cứu của mình cũng như trao đổi học thuật với những người lĩnh vực nghiên cứu

Hoạt động NCKH của người học được sự theo dõi, giám sát của Khoa thông qua quy định về quản lý hoạt động Khoa học và công nghệ và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đại học GTVT

Trong 5 năm học gần nhất, hoạt động NCKH của Khoa đã đạt được nhiều kết quả về số lượng và chất lượng như bảng 11.5.

Nhìn chung, số lượng và chất lượng đề tài NCKH của người học Khoa chưa cao so với mô. Các đề xuất/đầu tư NCKH là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học. Tuy nhiên, loại hình nghiên cứu chủ yếu là cơ bản và ứng dụng, còn các hoạt động NCKH thuộc loại hình khoa học giáo dục chưa được phong phú đa dạng, chủ yếu là bài viết tham gia hội nghị, hội thảo.

Trong thời gian tới, Khoa cũng định hướng tăng cường các hoạt động NCKH thuộc loại hình khoa học ứng dụng cho người học. Cùng với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng dạy, Nhà trường cũng rất quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm, Trường tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho các kỹ thuật viên, chuyên viên và nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên

môn,                    nghiệp                    vụ                    do                    Bộ                    GD&ĐT

Bảng 11.5. Kết quả nghiên cứu của người học qua các năm

STT	Nội dung nghiên cứu của người học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số đề tài NCKH	13	14	15	16	19
2	Số đề tài NCKH đoạt giải					

**2. Điểm mạnh:**

Hoạt động NCKH của người học được lãnh đạo Khoa, GV và người học đặc biệt chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển và bước đầu có những thành tích nổi bật.

**3. Tồn tại:**

Việc lưu trữ quản lý hồ sơ NCKH của người học còn theo cách truyền thống, chưa có hệ thống quản lý, theo dõi hoạt động NCKH của người học một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.

**4. Kế hoạch hành động:**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Nâng cao số lượng và chất lượng kết quả NCKH của người học.	- Tiếp tục tăng cường sự quan tâm sâu sát với hoạt động NCKH của người học. - Động viên người học tham gia NCKH.	-Khoa, Bộ môn, GV. -Khoa, Bộ môn, GV.	-Đầu năm học. -Đầu năm học.	
2	Có được hệ thống quản lý, theo dõi hoạt động NCKH của người học một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.	Tin học hóa hoạt động quản lý theo dõi hoạt động NCKH của người học.	Khoa, Trợ lí NCKH.	Thường xuyên	

**5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7.**



## **Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### *1. Mô tả:*

Nhìn chung chương trình đào tạo của Khoa Điện – Điện tử được đánh giá cao bởi các bên liên quan đó là các cán bộ trong trường, cựu SV của Khoa Điện – Điện tử cho đến các nhà tuyển dụng. Điều này thể hiện qua sự hài lòng của các bên liên quan trong các đánh giá phản hồi đã được tổng hợp và phân tích. Nhằm cải tiến và phát triển chương trình đào tạo, Khoa Điện – Điện tử đã và đang phối kết hợp với các phòng ban: Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí, phòng Công tác sinh viên để đưa ra phương pháp tốt nhất thu thập thông tin phản ánh mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Hàng năm, trường Đại học GTVT tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan gồm các loại khảo sát sau:

-Khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình đào tạo của Khoa Điện – Điện tử :

-Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên: Các đánh giá đều thể hiện sự hài lòng cao của SV.

+Năm học 2017-2018, gần 27% giảng viên được đánh giá giỏi,

+Năm học 2018-2019, gần 98,28% giảng viên được đánh giá giỏi hoặc xuất sắc và đến

+Năm 2019-2020: 100% giảng viên được đánh giá giỏi hoặc xuất sắc.

+Năm học 2020-2012 100% giảng viên được đánh giá giỏi hoặc xuất sắc

+Năm học 2021-2022 100% giảng viên được đánh giá giỏi hoặc xuất sắc

Qua đó ta thấy tỉ lệ giảng viên được đánh giá giỏi và xuất sắc đã có tiến triển tốt hơn. SV cũng đánh giá cao sự nhiệt tình và thân thiện của hầu hết các giảng viên. Những điểm còn tồn tại hay những góp ý cải tiến của SV qua các bản đánh giá được Khoa Điện – Điện tử và các giảng viên liên quan nghiêm túc xem xét để cải thiện, nhằm xây dựng một môi trường dạy và học tốt hơn

- Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động cố vấn học tập

-Khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp; Khảo sát ý kiến Nhà tuyển dụng, cựu SV và GV về CTĐT và CDR thông qua các phiếu khảo sát và kết quả khảo sát.

Khảo sát ý kiến GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về CTĐT và CDR, về sự hài lòng của Nhà tuyển dụng về chất lượng SV của Khoa đã và đang



làm việc tại các đơn vị, nhằm giúp Nhà trường đánh giá mức độ phù hợp của các CDR và CTĐT đã được thiết kế với các yêu cầu thực tiễn của các bên liên quan, qua đó giúp Khoa có thêm cơ sở để có những điều chỉnh, cải tiến về CDR và CTĐT mà Khoa đã xây dựng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và Nhà tuyển dụng trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động.

Kết quả khảo sát ý kiến Nhà tuyển dụng về kiến thức, các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng khác và thái độ của SV tốt nghiệp của Khoa đã và đang làm việc tại các đơn vị tuyển dụng, mức độ hài lòng của các Nhà tuyển dụng khá cao và ngày càng tăng.

Khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của những sinh viên: Đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay: 71,4%; Cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng phải đào tạo thêm: 28,6%;

Trên 71,4 % ý kiến hài lòng về việc SV của Khoa có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc. Nhiều kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng khác như: Năng lực sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng tin học, năng lực tư duy logic, năng lực tư duy phê phán, kỹ năng khai thác dữ liệu, xử lý thông tin, sự tự tin vào khả năng của bản thân, năng lực sáng tạo, tính chuyên nghiệp, động lực làm việc, mối quan hệ với đồng nghiệp, trách nhiệm đối với công việc, tính cầu thị, đạo đức nghề nghiệp, khả năng thích ứng với thay đổi, khả năng phản ứng tích cực trước áp lực, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả, kỹ năng tổ chức, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, kỹ năng xác định vấn đề, kỹ năng xử lý, giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết tích cực,... được các Nhà tuyển dụng đánh giá cao và các kết quả cải tiến rõ ràng qua mỗi năm. Nhà tuyển dụng cũng đánh giá cao SV của Khoa về kỹ năng thực hiện công việc được giao, biết lắng nghe, tiếp thu và khắc phục nhược điểm cá nhân, tinh thần trách nhiệm cao. Kết quả khảo sát ý kiến cựu SV cho thấy khoảng trên 90% người học hài lòng về mục tiêu của chương trình đào tạo.

Qua mỗi năm khảo sát, Nhà trường lại có hướng cải tiến để nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan như trang bị kỹ năng mềm cho SV thông qua kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, thuyết trình thông qua các đề tài Đồ án môn học, Đồ án chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Cải tiến CTĐT và CDR có tham khảo ý kiến Nhà tuyển dụng, GV và cựu SV. Theo dõi mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng qua nhiều năm liền, Nhà trường nhận thấy xu hướng hài lòng của Nhà tuyển dụng ngày càng được tăng cao. Kết quả Nhà tuyển dụng khá hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp của Khoa. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Nhà trường ngày càng được xã hội tiếp nhận.

## 2. Điểm mạnh:

CTĐT của Khoa Điện – Điện tử được đánh giá cao bởi các bên liên quan đó là các cán bộ trong trường, cựu SV của Khoa Điện – Điện tử cho đến các nhà tuyển dụng. Điều này thể hiện qua sự hài lòng của các bên liên quan trong các đánh giá phản hồi đã được tổng hợp và phân tích.

## 3. Tồn tại:

Qua khảo sát, SV của Khoa rất năng động nhưng nhiều SV mất cơ hội việc làm do thiếu một số kỹ năng mềm: kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc. Ngoài ra Đào tạo đã hướng tới thực tế sản xuất tuy nhiên cần thực hiện tốt hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng về đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tập huấn cho SV về kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, giúp SV tăng cơ hội tìm kiếm việc làm.	Khoa, Phòng CTSV.	Cuối năm học.	
2		Cần đưa các công nghệ tiên tiến trong thực tế vào giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu thực tế.	Khoa và Nhà trường	Thường xuyên	

### **PHẦN III. KẾT LUẬN**

Tự đánh giá CTĐT CNTT là dịp để Trường và đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, đánh giá về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT. Thông qua hoạt động TĐG, Trường và đơn vị thực hiện CTĐT thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra các hạn chế trên tất cả các lĩnh vực, từ đó có kế hoạch xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm phát huy những điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

#### **1. Điểm mạnh:**

##### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- MTĐT ngành Kỹ thuật điện phù hợp với Luật GD ĐH, Khung trình độ quốc gia và sự tông đồng cao với chương trình đào tạo các ngành, tương đồng với của các CSĐT khác.

- MTĐT đã được phổ biến công khai đến các bên liên quan.

- CĐR được thiết kế logic, phù hợp với MTĐT.

- CTĐT và CĐR thường xuyên được rà soát.

- CTĐT và CĐR được xây dựng khoa học, hướng tới MTĐT và hướng tới yêu cầu của các bên liên quan.

##### **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

- Bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ thông tin liên quan đến CTĐT và cập nhật theo lộ trình, sau 02 năm lại có sự rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm đào tạo người học đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng nhu cầu của Nhà tuyển dụng.

- CTĐT ngành kỹ thuật điện có đầy đủ đề cương chi tiết các học phần. Các đề cương chi tiết được xây dựng theo đúng quy định, có đầy đủ các thông tin, đặc biệt trong ma trận cấp độ 3 đã thể hiện rất rõ mối liên hệ, liên kết giữa nội dung, mục tiêu và CĐR của từng học phần. Đề cương chi tiết được rà soát, cập nhật và bổ sung các nội dung định kỳ theo đúng quy định, trong quá trình thực hiện bổ sung và cập nhật có lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy cùng chuyên môn và các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV.

- Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan để

dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

- CTDH của ngành KTĐ được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

- Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

- CTDH xây dựng có cấu trúc hợp lý, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp cao giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ, giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp với từng học phần, các học phần trong cấu trúc CTĐT để đạt CĐR.

### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng bằng nhiều hình thức.  
- Phương thức lấy ý kiến có thể tổ chức thực hiện nhanh, dễ dàng.  
- Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt  
- Các hoạt động giảng dạy/đánh giá thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với năng lực học tập của SV nhằm đạt CĐR về kiến thức và kỹ năng.

- Chương trình được xây dựng bài bản dựa trên khảo sát nhu cầu thực tiễn sản xuất và yêu cầu đặc điểm công việc vị trí việc làm cũng như yêu cầu về năng lực cốt lõi của người lao động.

- Đội ngũ GV có trình độ cao, các phương pháp giảng dạy được lựa chọn trên cơ sở phát huy tính chủ động của người học và trú trọng thói quen tự học để có khả năng học tập suốt đời.

### **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Công tác đánh giá KQHT của người học thực hiện theo đúng quy trình

kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các hình thức đào tạo.

- Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành KTĐ là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

- Công tác đánh giá KQHT thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các chuyên ngành trong CTĐT ngành KTĐ.

- KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

- Nhà trường, Khoa Điện - Điện tử đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

- Nhà trường đã ban hành quy trình khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

#### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

- Nhà trường, Khoa Điện - Điện tử đã thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định rõ ràng. Những nhân viên có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường.

- *Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.*

- Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

- Công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa Điện - Điện tử.

#### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Kế hoạch, CS và công tác truyền thông tuyển sinh của Trường đại học GTVT được xây dựng khoa học, bài bản, nhất quán và tuân theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Đề án tuyển sinh của Trường được xây dựng khoa học, bài bản, có lấy ý kiến các bên liên quan (Bộ môn, Khoa, khảo sát nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát SV tốt nghiệp). Đề án tuyển sinh có định lượng rõ ràng về: đối tượng, chỉ tiêu cho mỗi ngành, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển...

- Công tác truyền thông tuyển sinh được đẩy mạnh, bài bản, đa dạng các phương thức.

- Kết quả tuyển sinh hàng năm được tổng hợp, phân tích đánh giá làm cơ sở quan trọng cho việc xây dựng đề án tuyển sinh năm sau.

- Các tiêu chí và phương thức tuyển sinh của Trường được tính toán khoa học, được bàn bạc trao đổi kỹ trên cơ sở đánh giá hiệu quả của công tác tuyển sinh năm trước và căn cứ nhu cầu thị trường lao động trước khi xây dựng đề án tuyển sinh.

- Các phương thức tuyển sinh và các tổ hợp xét tuyển, hình thức xét tuyển được điều chỉnh linh động và hợp lý với từng năm sao cho phù hợp với Bộ GD&ĐT và các trường đại học trên cả nước.

- Chương trình đào tạo của trường được xây dựng bài bản, khoa học, tiệm cận chuẩn quốc tế. Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức: cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành hẹp, giúp cho người học thuận lợi trong việc đăng ký học và học tập nghiên cứu. Kết quả học tập của SV được giám sát độc lập qua các kênh quản lý: Bộ môn, Khoa và Phòng Đào tạo đại học.

- Hệ thống văn bản quản lý, giám sát SV rất rõ ràng, minh bạch và được thông tin đến từng người học qua nhiều kênh khác nhau.

- Nhà trường có Phòng CTCT&SV phụ trách công tác chế độ CS đối với

SV; công tác CVHT, công tác đánh giá RLSV; Văn phòng hỗ trợ SV để giúp SV trong việc giải quyết các thắc mắc, chế độ CS của người học, tìm kiếm việc làm thêm.... Các công tác này được thực hiện bài bản từ khâu lập kế hoạch, có quy chế rõ ràng và được định lượng, có hệ thống đánh giá độc lập từ cá nhân SV đến đơn vị lớp, CVHT, cấp bộ môn, cấp khoa và cấp trường.

- Nhà trường có đội ngũ CVHT nhiệt tình, chuyên nghiệp. Các CVHT đã triển khai kênh liên lạc với gia đình của các SV để trao đổi khi cần thiết. Địa chỉ và số điện thoại liên lạc của các SV được CVHT lưu trong Sổ tay CVHT.

- Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ SV, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ SV theo đúng kế hoạch được phê duyệt đầu năm học.

- Nhà trường luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các công tác đánh giá, kiểm tra hoạt động hỗ trợ, dịch vụ, phục vụ SV.

- Nhà trường nhận được sự quan tâm từ các cấp, sự hỗ trợ từ các DN, đơn vị hợp tác trong công tác kiểm tra, đôn đốc các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ SV.

- Nhà trường đã ban hành Quyết định phê duyệt Quỹ văn thể hàng năm để chi kinh phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của SV.

- Nhà trường đã quan tâm đầu tư cải thiện môi trường học tập, cảnh quan sư phạm, cải tạo KTX cho SV nội trú.

- Đoàn TN, Hội SV của trường là những tổ chức mạnh nên tổ chức được nhiều phong trào cho SV.

- Khoa Điện – Điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện có đội ngũ GV yêu nghề nên tạo ra được nhiều sân chơi khoa học cho SV như: Robocon, đua xe lập trình, thi lắp mạch điện...

### **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Hệ thống phòng học, phòng làm việc khang trang, hiện đại

- Trang bị đầy đủ hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm với các trang thiết bị khá đầy đủ hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

- Thư viện và nguồn học liệu đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH cho SV và GV.

- Thời gian mở cửa và dịch vụ hỗ trợ của thư viện đáp ứng tốt cho người sử dụng.

- Nguồn học liệu được cập nhật thường xuyên.
- Có đủ phòng học lý thuyết, thí nghiệm/thực hành phục vụ đào tạo
- Nhà trường trú trọng, quan tâm công tác duy tu, nâng cấp đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác thiết bị.
- Cơ chế quản lý, khai thác chặt chẽ.
- Hệ thống máy tính đồng bộ, cấu hình tốt.
- Cơ sở hạ tầng CNTT mạnh.
- Sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng, quy trình rõ ràng.
- Khuôn viên được quy hoạch hợp lý, rộng rãi, thoáng mát.
- Công tác phòng cháy, chữa cháy luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để.
- Trạm y tế có đầy đủ CSVC, công tác khám và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, GV, và SV chu đáo.
- Công tác vệ sinh môi trường luôn đảm bảo.

#### **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan đã góp phần giúp Nhà trường, Khoa Điện – Điện tử, ngành Kỹ thuật điện rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành cũng như chất lượng CTDH.
- Việc thiết kế và phát triển CTDH được khoa thực hiện theo đúng quy trình và thực hiện định kỳ theo kế hoạch của nhà trường. Việc thực hiện thiết kế và phát triển CTDH có sự tham gia của các chuyên gia, GV giảng dạy trong lĩnh vực KTĐ, doanh nghiệp sử dụng lao động, các SV, cựu SV.
- Quy trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng, được thực hiện đồng bộ giữa các phòng ban chức năng, khoa Đ-ĐT, Bộ môn KTĐ, chặt chẽ và nghiêm túc đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR đã công bố.
- NCKH đã được GV giảng dạy và SV ngành KTĐ tham gia tích cực. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp GV có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để SV dễ hiểu và nắm bắt kiến thức. Các đề tài NCKH có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường.
- Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành



thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

### **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Các mẫu lấy ý kiến phản hồi còn chung chung (đồng ý/không đồng ý). Chưa thể hiện được quan điểm của Nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

- Chưa nhiều ý kiến góp ý sâu về CDR và CTĐT.

- Các ý kiến đóng góp còn chưa thực sự phong phú.

- Cần xây dựng bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh để quảng bá được ngành nghề rộng rãi hơn.

- Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung đề cương các học phần trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật còn hạn chế.

- Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT ngành Kỹ thuật điện phổ biến rộng rãi và dễ dàng tiếp cận nhưng chưa khảo sát thống kê được số lượng các bên liên quan có thể tiếp cận.

- CTDH được xây dựng nhằm đào tạo người học đạt được CDR, đáp ứng yêu cầu các doanh nghiệp, đơn vị ngoài Trường. Tuy nhiên, hoạt động ghi nhận sự phản hồi của doanh nghiệp khi tham gia xây dựng CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

- Quá trình khảo sát các bên liên quan về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR triển khai chưa được cập nhật một cách đầy đủ.

- Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về cấu trúc CTDH có tiến hành nhưng chưa thể hiện được tính đầy đủ.

- Bộ câu hỏi lấy ý kiến các bên về một số khía cạnh còn chung chung, khó định lượng.

- Số lượng SV trong một lớp học phần còn đông gây khó khăn cho việc tổ chức áp dụng một số phương pháp giảng dạy tích cực.

- CSVN, phương tiện trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu, tự kiểm nghiệm còn hạn chế.

- Kế hoạch học tập, thực tập, tổ chức hội thảo chưa tương thích với thời gian của doanh nghiệp sản xuất.

- Nhà trường chưa tổ chức đánh giá tổng thể mức độ khó, dễ của đề thi thông qua thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi từ đó có hướng điều chỉnh đề thi cho phù hợp.

- Thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

- Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

- Người học chưa thực sự được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT.

#### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

- Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để phấn đấu đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

#### **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Thiết kế các ấn phẩm truyền thông và nội dung các bài viết truyền thông còn hạn chế, chưa thực sự thu hút;

- Các Khoa, Bộ môn chưa chủ động hoặc thiếu năng động trong công tác tư vấn và truyền thông tuyển sinh, đặc biệt đối với ngành nghề đang thuận lợi trong công tác tuyển sinh.

- Do đặc thù là trường đại học kỹ thuật công lập vì thế các tiêu chí lựa chọn người học vẫn đang hướng đến thu hút đối tượng người học ở các tỉnh, huyện, chưa thu hút được nhiều SV ở các thành phố và Hà Nội. Điều này một phần làm hạn chế năng lực hội nhập trong học tập, nghiên cứu của SV.

- Nhà trường chưa tự chủ được để tự tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tự duy của riêng Trường Đại học GTVT.

- Do đào tạo theo hệ thống tín chỉ SV được đăng ký nhiều lớp học phần

khác nhau nên ở những năm thứ nhất, thứ hai cơ cấu lớp hành chính lỏng lẻo, SV chưa thực sự thấy được và coi trọng sự hỗ trợ từ phía CVHT, Phòng CTCT&SV, Văn phòng hỗ trợ SV nên công tác giám sát, hỗ trợ người học chưa thực sự hiệu quả.

- Các tiêu chí đánh giá CVHT của Nhà trường còn một số định tính. Vì vậy đối với các Khoa, các Bộ môn và các lớp SV vẫn còn tình trạng nể nang, chưa thực chất, chưa thực sự là động lực để CVHT làm việc tận tình.

- Do điều kiện hạn chế về diện tích nên các cải tiến đã thực hiện thường xuyên nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của tất cả các SV.

- Công tác đào tạo kỹ năng mềm ở cấp Khoa và Bộ môn còn nhiều hạn chế.

- Hoạt động khởi nghiệp tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa thu hút được đông đảo SV tham gia.

- Các CLB của Hội SV hoạt động chưa thực sự mạnh.

- Mặc dù đã có nhiều cố gắng tuy nhiên do khuôn viên của trường tại Hà Nội không đủ lớn để tạo ra môi trường sư phạm đẹp hơn, thân thiện với môi trường hơn.

- KTX trường vẫn cần nhiều nguồn vốn hơn để tiếp tục nâng cấp thêm văn minh, hiện đại.

### **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Một số trang thiết bị đã bị xuống cấp làm giảm nhiều hiệu quả khả năng khai thác sử dụng.

- Chưa bổ sung được những trang thiết bị phục vụ cho các công nghệ mới hiện thời.

- Số lượng tài liệu cho phép mượn ra ngoài khu vực thư viện còn ít.

- Số lượng tài liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu còn hạn chế.

- Do sự gia tăng SV hàng năm cho nên việc đầu tư máy móc thiết bị từ nguồn ngân sách và nhà trường còn chưa đáp ứng kịp.

- Wifi ở một số khu vực sóng yếu.

- Công tác hỗ trợ xử lý các vấn đề về CNTT còn chậm và chưa triệt để.

- Hệ thống thoát nước trong trường cùng hệ thống thoát nước khu vực chưa đảm bảo được quá trình thoát nước khi mưa to.

- Chưa hỗ trợ được toàn diện cho người khuyết tật.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của tất cả đề cương các học phần trong CTĐT để phục vụ hoạt động rà soát, bổ sung, điều chỉnh
- Ban truyền thông, và tuyển sinh, Bộ môn chủ động gửi đến các bên liên quan
- Ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của doanh nghiệp tham gia thiết kế CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR trong CTDH
- Cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR
- Khảo sát ý kiến các bên liên quan về cấu trúc CTDH đầy đủ hơn nữa, tạo nguồn thông tin đa chiều giúp điều chỉnh hợp lý CTDH trên cơ sở đạt được CĐR
- Cải tiến, hiệu chỉnh mô tả các câu hỏi lấy ý kiến để người đánh giá định lượng được rõ ràng
- Thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với tình hình tổ chức hiện tại. Trú trọng phát triển hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho SV.
- Tăng cường tổ chức các hội thảo định hướng ngành nghề, hội thảo chuyên đề, tham quan thực tiễn sản xuất, tham dự các cuộc thi trong lĩnh vực ngành nghề để tạo thêm môi trường để SV trao đổi, thảo luận, trải nghiệm, và nâng cao kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
- Năm học 2022 – 2023, Trường ĐH GTVT, Khoa Đ-ĐT tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Nhà trường, Khoa Đ-ĐT tiếp tục thực hiện việc đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên chính xác và phù hợp đối với từng đối tượng đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò là người phục vụ gián tiếp công tác giảng dạy, NCKH.
- Hình ảnh và thông tin phải được thiết kế chuyên nghiệp; nội dung các bài viết truyền thông cần được chú trọng hơn thông qua bộ phận truyền thông của Phòng CTCT&SV hoặc thuê các chuyên gia.
- Cần đưa ra các phương thức xét tuyển, tiêu chí xét tuyển mới để lựa chọn

được người học ở các thành phố, có năng lực ngoại ngữ tốt hơn.

- Phòng KT&ĐBCLĐT cần sớm tham mưu cho Nhà trường xây dựng phương án tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tư duy riêng.

- Cần đẩy mạnh công tác truyền thông để người học thấy rõ vai trò và tầm quan trọng của hệ thống CVHT, Phòng CTCT&SV, Văn phòng hỗ trợ SV từ đó sẵn sàng hợp tác và tiếp nhận sự hỗ trợ đối đã từ CVHT, Phòng CTCTSV và Văn phòng hỗ trợ SV.

- Cần hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá CVHT với số tiêu chí đánh giá được định lượng tối đa

- Bộ môn cần chủ động hơn và đề nghị Liên chi đoàn và Khoa tổ chức nhiều lớp kỹ năng mềm cho SV hơn.

- CVHT cần động viên SV của ngành tích cực tham gia hoạt động khởi nghiệp.

- Thư viện tiếp tục cập nhật, trang bị thêm cả nguồn tài liệu.

- Tìm kiếm nguồn đầu tư để bổ sung thêm máy móc, trang thiết bị

- Đề xuất bổ sung tăng cường điểm phát wifi để đảm bảo sóng khỏe phủ toàn phạm vi trường.

- Đôn đốc công tác hỗ trợ xử lý các vấn đề về CNTT được kịp thời.

- Các công trình mới sẽ được thiết kế có lối đi cho SV khuyết tật có thể tự lăn xe vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các bên liên quan với đầy đủ thông tin để khi cần thiết khoa, phòng KT&ĐBCL dựa vào cơ sở dữ liệu này tiến hành khảo sát sẽ nhanh chóng và đầy đủ hơn

- Ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển CTDH

- Xây dựng đề cương học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gắn kết chặt chẽ với các CĐR là các kỹ năng mềm

- Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước, tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước nước ngoài có chất lượng (ISI, SCI và Scopus).

- Thành lập các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.

- Thư viện bổ sung thêm số lượng trên mỗi đầu sách để có thể phục vụ

được nhiều SV hơn. Trường đầu tư nâng cấp hệ thống wifi tại các cơ sở để đảm bảo việc truy cập tìm kiếm thông tin phục vụ dạy và học tốt hơn.

- Xây dựng các đề án chuyên biệt về cải tiến cơ chế thu thập thông tin
- Tăng cường tính khách quan, liên tục của ý kiến phản hồi của các bên liên quan

## Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Giao thông Vận tải

Mã: KHA

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo cử nhân – kỹ sư ngành Kỹ thuật điện

Mã CTĐT: 7520201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5		
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4,6	5	100%

Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6	(Đã có thông tin, tuy nhiên chưa thể hiện thang đánh giá)									
Tiêu chí 6.1										
Tiêu chí 6.2										
Tiêu chí 6.3										
Tiêu chí 6.4										
Tiêu chí 6.5										
Tiêu chí 6.6										
Tiêu chí 6.7										
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			4,8	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						



Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1						6		6	5	100%
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5						6				
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1						5		5	5	100%
Tiêu chí 9.2						5				
Tiêu chí 9.3						5				
Tiêu chí 9.4						5				
Tiêu chí 9.5						5				
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1						5		5	6	<b>100%</b>
Tiêu chí 10.2						5				
Tiêu chí 10.3						5				
Tiêu chí 10.4						5				
Tiêu chí 10.5						5				
Tiêu chí 10.6						5				
Tiêu chuẩn 11	(Cần cập nhật thêm)									
Tiêu chí 11.1						5		5	5	100%
Tiêu chí 11.2						5				
Tiêu chí 11.3						5				
Tiêu chí 11.4						5				
Tiêu chí 11.5						5				
Đánh giá chung CTĐT										



